Nº 77 Novembre 1923

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

PHONG-DAO VÀ LỊCH-SỬ (1)

Thưa các Ngài,

Hội ta từ khi mở cuộc nói chuyện đến giờ, tôi đã từng được nghe nhiều ngài nói chuyện, mà cũng có ý cảm-phục các ngài có tài nói giỏi. Nhưng không lẽ thấy người có tài nói giỏi, mà mình đành chịu là người dựa cột mãi, thì khoa ngôn-ngữ nước ta bao giờ cho có được nhiều người năng-ngôn.

Đã nhiều lần có mấy ông hội-viên khuyên tôi ra nói, nhưng tôi nghĩ rằng múa rìu qua mắt thợ, mình không phải là tay thợ nói, thì nói sao cho ra lời. Ngồi yên chẳng lành, dọc canh phải tội, gì bằng ta cứ đứng ngoài mà bình-phẩm, chứ tội gì. Nếu nghĩ như thế thì những tay thợ nói ở nước ta ngày nay quanh đi quẩn lại dễ thường chỉ có mấy ông mà thôi, khó lòng mà nẩy ra được ai nữa chăng ?

Nhưng có lẽ đâu thế. Ăn vóc học quen, học nói mãi rồi cũng quen. Vậy lần này tôi mới ra học nói là lần đầu, chắc không khỏi có điều thô-thiển vụng-về, nhưng cũng đánh bạo thử ra múa rìu, chớ dám đâu khoe-khoang với các ông thợ nói được.

Nhưng nói mà tìm được một cái vấn-đề cho có vui-thú, thiết-đáng, thì rất là khó thay. Thôi thì, nói chi những chuyện đâu xa, nói ngay những chuyện nước ta cho gần. Tôi xin nói mấy câu chuyện cũ trong Nam-sử và thuật lại mấy câu phong-dao cũ của nước nhà, họa may ra làm vui tai các ngài được đôi chút chăng.

Tôi thiết-nghĩ rằng phàm người nước Nam ta ai cũng nên biết Nam-sử mà ai cũng nên thuộc lấy những câu ca-dao của nước Nam ta, thì mới khỏi mang tiếng vong-tổ như người Tịch Đàm 籍談 đời Xuân-thu, khi hỏi đến sự-tích tổ-quốc thì không nhớ một tí gì cả.

Vì sao mà phải nên biết những câu ca-đao? Ca-dao chính là cái ống lưu-thanh để lưu-truyền cái dân-phong quốc-tục hay dở trong một nước. Sao mà lại cần phải biết lịch-sử? Lịch-sử chính là một cái hòm chụp-ảnh, chụp hết cả những điều thị-phi, thiện-ác, trị-loạn, hưng-suy trong một nước. Cho nên cần phải biết cả đôi. Nếu chỉ thuộc ca-dao mà không biết lịch-sử thì khác gì chỉ nghe thoảng qua những giọng hát véo-von ở trong ống lưu-thanh mà thôi, còn biết ý-nghĩa những câu ấy ra thế nào nữa. Nếu chỉ biết lịch-sử mà thôi, mà không thuộc ca-dao thì khác gì chỉ trông thấy cái bóng thấp-thoáng ở trong gương, mà không in được cái chân-ảnh vào trong hòm chụp-ảnh. Thì sao biết hết được cái tinh-thần ca-dao với lịch-sử được.

Thế cho nên các cụ ta khi xưa đã lưu lại cho ta được mấy pho Nam-sử, và cũng có cụ đã lưu-tâm xét đến các câu ca-dao. Như cụ Trần Liễu-Am 陳柳庵 có làm ra quyển *Nam-phong giải-*

(1) Diễn-thuyết ở Hội Tri-tri Hà-nội ngày thứ năm 22 tháng 11 năm 1923.

trào, cụ Thượng-thư Ngụy Khắc-Tuần 魏克循 có làm ra quyển *Sơn-tây phong-dao*, cụ Tổng-đốc Vương Duy-Trinh 王維禎 có làm ra quyển *Thanh-hóa quan-phong*, đều có dẫn các câu ca-dao mà có chú-thích các điển-tích cả. Mới rồi lại có cụ phó-bảng Nguyễn Văn-Mại 阮文邁, nguyên Bố chính Thanh-hóa, có làm ra quyển *Việt-nam phong-sử*, cả thảy chép được một trăm câu phong-dao, câu phong-dao nào cũng có đem các truyện trong lịch-sử để làm dẫn-chứng, nên mới gọi là *phong-sử* ; nhưng các điển-tích trong lịch-sử thì rất là nhiều, mà chép bằng chữ nho thì không mấy người xem cho hết được. Vậy tôi xin lược ý trong quyển *Phong-sử* mà kể qua các truyện lịch-sử ra đây và đọc qua các câu phong-đao nào mà có quan-hệ với lịch-sử để hầu chuyện các ngài nghe.

Chúng ta sinh-trưởng ở đất nước Nam này, Bắc-kỳ thì ở về chiền sông Nhị-hà, sông Thái-bình, và lại có núi Tản-viên, Tam-đảo và núi Yên-tử ; Trung-kỳ thì ở về chiền sông Danh (Linh-giang, Quảng-bình), sông Lam (xứ Nghệ), và lại có núi Hải-vân, núi Tam-điệp; Nam-kỳ thì ở về chiền sông Cửu-long và các con sông Tiền-giang, Hậu-giang, lại có những núi Thần-qui ở Biên-hòa, núi Bà-đen ở Gia-định. Ấy cái non sông gấm vóc ấy chính là nơi chôn rau cắt rốn của chúng ta. Trong sử Nam có câu rằng « *Nam-quốc sơn hà nam-đế cư* 南國山河南帝居, *tiệt nhiên định-phận tại thiên-thư* 截然定分在天書 ». Nghĩa là : Non sông quanh-quẩn nước nhà, thư trời định phận vốn là từ xưa. Thế thì lại nên biết có câu rằng :

Non cao ai đắp mà cao ?
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu ?

Đó là câu phong-dao khen cái non sông nước ta tốt đẹp như thế đó. Thế thời ai đắp đấy là ai ? Ai bới đấy là ai ? là tổ-tiên ta chứ ai ! Nên chúng ta bây giờ mới được sinh-sôi nẩy-nở ra ở trên miếng đất hai mươi nhăm vạn 250.000 ki-lô-mét vuông này, lại nhờ được qui-quốc Bảo-hộ cho bình-yên vô-sự, càng ngày càng mở-mang thêm ra, như thế thì ai là người được ăn cơm trời nước giếng ở non sông này, lại chẳng nên nhớ đến cái công tổ-tiên ta gian-nan khai-thác đã tự 4.000 năm nay, phải nên gẫm cái câu : ai đắp đó là ai, ai bới đó là ai, mới phải.

Nòi giống nước ta xưa nay vẫn tự-phụ là con rồng cháu tiên, nguyên trong sử có chép rằng : Cháu ba đời vua Thần-Nông là vua Đế-Minh, khi nam-tuần qua đất Ngũ-lĩnh, có lấy bà Vụ-tiên, sinh ra ông Lộc-Tục, để cai-trị ở đất phương nam. Ông Lộc-Tục lại sinh ra ông Sùng-Lãm, hiệu là Lạc-long-quân. Lạc-long-quân lấy bà Âu-cơ, sinh ra trăm trứng, nở trăm trai. Ấy cái sự-tích cha rồng mẹ tiên nước ta là khởi-tổ từ đó. Sau cứ để người con trưởng nối đời làm vua hiệu là Hùng-vương, cai-quản tất cả bọn Lạc-dân, bọn Lạc-dân đó phần nhiều là những giống Mường, giống Mán, giống Nùng, giống Xá, và giống Chàm giống Thái, những giống ấy mỗi ngày suy kém mãi đi, Hùng-vương chính là giống tiên rồng thì sinh-trưởng mãi ra, truyền được 18 đời vua.

Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu.

Đó là lời khen cái nòi giống nước mình là quí. Nhưng phải biết rằng nòi giống dẫu quí, cũng còn phải theo cái trình-độ tiến-hóa, cố mà theo cho kịp người, thì mới khỏi thẹn là nòi giống rồng tiên. Nếu học-thức kém hèn, luân-thường điên-đảo, thì dẫu là rồng tiên đó, mà có khác gì liu-điu.

Sử lại truyền rằng : Lạc-long-quân lấy bà Âu-cơ sinh được trăm trai, một hôm Lạc-long-quân bảo Âu-cơ rằng : « Ta là loài rồng, nàng là loài tiên, thủy-hỏa tương-khắc, không thể ở chung với nhau mãi được. » Bèn chia ra 50 con theo mẹ về phần núi, 50 con theo cha về phần bể, nếu giả có sự như thế thì khi tương-biệt chẳng là não-nùng lắm ru !

Chàng về thiếp một theo mây,
Con thơ để lại chốn này ai nuôi ?

Đó hoặc-giả là lời bà tiên-nữ khi tương-biệt, có ý ngậm-ngùi thương tiếc đó chăng ?

Đời vua Hùng-vương thứ mười hai, có người con gái là bà Tiên-Dung, khi giong thuyền qua chơi đến bãi Chử-gia, tình-cờ gặp Chử Đồng-tử náu ở trong bụi lau, bèn kết-duyên làm vợ chồng.

Sông sâu nước chảy làm vầy,
Ai xui em đến chốn này gặp anh ?
Đào tơ sen ngó xanh-xanh,
Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.
Cho hay tiên lại gặp tiên,
Phụng-hoàng há dễ đứng chen đàn gà.

Đó là tả cái duyên kỳ-ngộ, đẹp duyên phải lứa mà phải lấy nhau, chớ không nên vin câu ấy mà cho là tự-do kết-hôn được. Song vợ chồng bà Tiên-Dung vẫn sợ vua Hùng-vương bắt tội, phải làm nhà cửa ở trên bãi sông ấy, thế mà Hùng-vương vẫn chưa nguôi giận, đem quân đến bắt, thì đương đêm gặp cơn mưa to gió lớn, bốc bay cả nhà cửa lên mây biến mất, nên người ta gọi cái bãi ấy là Tự-nhiên-châu 自然洲, mà cái chầm ấy là Nhất-dạ-trạch 一夜澤. Tức là « Bãi sậy » thuộc phủ Khoái tỉnh Hưng-yên bây giờ.

Trong dã-sử lại có chép rằng khi xưa có hai anh em nhà họ Cao, người anh lấy vợ, người em nhân có chuyện gì không bằng lòng, bỏ nhà ra đi vào rừng, chết hóa ra cây cau ; anh đi tìm em đến đó, thương em, cũng chết hóa làm dây giầu, vợ thương chồng tìm đến đó cũng chết hóa làm hòn đá. Sau vua Hùng-vương đi tuần-thú đến đó hái quả cau lá giầu nhai ra nước nhổ vào hòn đá thì thấy đỏ, đó tức là vôi. Từ bấy giờ phàm lễ cưới xin đều dùng giầu cau. Tục nước ta lại có cái thói têm giầu trăm để tế tơ-hồng, rồi để cơi giầu ấy cho cô dâu chú rể cùng ăn.

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng,
Cau khô ăn với giầu vàng xứng không ?

Ý-giả là cái lời vợ chồng mới hỏi thử nhau chăng ?

Chuyện đức Thánh Dóng đánh giặc Ân, trong sử có chép rằng khi Thiên-vương đánh tan giặc rồi, liền phi-mã lên núi Vệ-linh mà biến đi mất.

Tạnh trời mây cuốn về non,
Hẹn cùng cây cỏ chờ còn trông mưa.

Thế là khi đánh tan giặc rồi là tan trận mây mưa, cây cỏ đã phát-sinh rồi, thì ngài công-thành thân-thoái, khói mây ta lại đi về khói mây ; những bậc thiếu-niên anh-hùng ấy có mảng chi đến những điều công-danh phú-quí.

Truyện nàng Mị-Châu thì ai là chẳng biết. Nhưng cái oan nàng Mị-Châu thì bởi vì đâu ? Chẳng qua cũng là vì hai chữ nhân-duyên đó. Nên có câu :

Mông-mênh góc bể bên trời,
Những người thiên-hạ nào người tri-âm ?
Buồn riêng thôi lại tủi thầm,
Một duyên hai nợ ba lầm lấy nhau.

Nguyên Trọng - Thủy là con Triệu Đà xin làm rể Thục An-dương vương lấy nàng Mị - Châu, nhân thế lừa nàng Mị-Châu cho xem cái nỏ thần, ngầm đem hủy bỏ mấy đi, rồi giả-cách xin về thăm cha, xui cha đem quân sang đánh Thục. An-dương-vương thua chạy ra đến bến bể. Thế mà Mị-Châu còn tin lời chồng hẹn, cứ rắc lông ngỗng

ra để dẫn đường cho quân giặc đuổi theo. An-dương vương ngờ con cũng là đảng với giặc, rút gươm ra chém. Mị-Châu than rằng : « Một niềm trung-tín, bị phải người lừa, kiếp sau xin hóa làm ngọc-châu, để rửa cái thù-xỉ ấy đi ». Thế thì nàng Mị-Châu oan thật, đã bị lừa vì chồng, mà lại bị ngờ với cha, nhưng nàng chẳng qua cũng là vì duyên-nợ mà phải mắc tiếng oan đó.

Con Triệu Đà là Triệu Minh-vương khi còn làm Thái-tử có sang làm con tin bên Hán, ở đất Hàm-đan lấy một người vợ Tàu là Cù-thị, đẻ con là Hưng. Khi Minh-vương mất, thì Hưng lên nối ngôi hiệu là Ai-vương. Cù-thị được lập làm Hoàng-hậu. Nguyên Cù-thị là một ả giang-hồ ở đất Hàm-đan, đã từng tư-thông với tên Thiếu-Quí, nên vua Hán lại sai Thiếu-Quí sang dụ Cù-hậu và Ai-vương về chầu, Cù-hậu toan muốn nhờ oai người Hán đem con về Tàu mà phó-thác cả giang-sơn cho người Hán.

Có con phải khổ vì con,
Lấy chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng.

Đó là lời người nước trách Cù-hậu không biết gánh-vác giang-sơn nhà chồng, toan đem bán rẻ cả giang-sơn nước Nam cho người Hán. Khi ấy thừa-tướng Lã Gia thấy sự-thế như vậy, bèn cử-binh lên kể tội Cù-hậu mà giết đi, và giết cả sứ nhà Hán, lập con trưởng Minh-vương lên làm Vệ-dương-vương. Nhưng vì sự đó mà người Hán tức-giận đem binh sang đánh lấy mất nước Nam. Than ôi ! Nước Nam ta mà phải nội-thuộc về Tàu mất non một nghìn năm là từ hồi đó, mà gây ra sự đó là tự Cù-thị là một cô đĩ Tàu, thế thì lấy chồng xem giống mà lấy vợ cũng phải kén tông mới được, nếu không thì không những hại đến gia-đạo mà thôi.

Trong thời-kỳ nội-thuộc thì có bà Trưng-vương nổi lên. Bà vì tức-giận quan Thái-thú Tàu là Tô Định giết mất chồng bà là Thi-Sách, nên bà cùng với em là Trưng Nhị khởi-binh lên đánh đuổi Tô Định, định được Lĩnh-nam hơn 60 thành, tự-lập làm vua.

Vì chồng nên phải gắng công,
Nào ai xương sắt da đồng chi đây !

Nhưng còn bà Trưng Nhị thì vì ai ? Chẳng qua cũng là vì nước nhà cả.

Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Hai bà thực là bậc anh-hùng nữ-tử.

Sau lại có bà Triệu Ẩu người Thanh-hóa, vú dài ba thước, không lấy chồng mà có chí lớn. Khi bấy giờ quân Ngô chiếm-cứ nước ta, các quan Thú-mục phần nhiều là tàn-bạo. Bà thường bảo với anh là Triệu Quốc-Đạt rằng : « Người ta sinh ra ở đời, không kỳ con trai con gái, phải lập đại-công để lưu tiếng thơm nghìn đời, chớ lại cứ cúi đầu cong gối đi làm tì-thiếp người ta mãi ư ? » Bà thấy quân Ngô tàn-bạo như thế, Bà bèn khởi-binh lên đánh quân Ngô, bà thường cưỡi đầu voi cùng quân Ngô ác-chiến. Đầu voi phất ngọn cờ vàng, sơn-thôn mấy cõi chiến-tràng xông-pha.

Người nước khi ấy không những đàn ông vui theo bà ra hàng-trận, mà đàn bà cũng vui theo đi phục-địch.

Ru con con ngủ cho lành,
Mẹ đi gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi bà quận tượng cưỡi voi bành vàng.

Xem câu ca ấy thì biết rằng nhân-tâm khi bấy giờ ai cũng nức lòng qui-phục bà, tôn-xưng bà là Nhị-kiều-tướng-quân, mà người Tàu cũng gọi

bà là Lệ-hải-bà-vương. Bà thực không thẹn với hai bà Trưng. Đàn bà dễ có mấy tay, đời xưa mấy mặt đời này mấy gan ? Đàn bà nước ta đã có bà Trưng bà Triệu anh-hùng như thế, đàn-ông khi ấy có những ai ?

Đương lúc người Tàu quận-huyện hết cả nước Nam ta, không những là ở Hoan-châu (Nghệ-an) có Mai Thúc-Loan xưng là Hắc-đế, ở Đường-lâm (Sơn-tây) có Phùng-Hưng hiệu là Bố-cái-đại-vương, đều là bậc nam-nhi anh-hùng cả. Mà nhất là khi ấy lại có ông Lý Bôn người quận Giao-chỉ khởi-binh lên đánh đuổi quan Thứ-sử nước Lương là Tiêu Tư, chiếm-giữ Long-biên, dựng lên cơ-nghiệp nhà Tiền-Lý.

Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ-đồ mới ngoan !

Đó là lời khen vua Lý Nam-đế thực là một bậc tạo-thời-thế chi anh-hùng!

Người nước Nam mà sang làm quan Tàu như ông Lý Ông-Trọng người Từ-liêm làm quan Tư-lệ-hiệu-úy đời Tần, đem binh giữ Lâm-thao chấn-phục được nước Hung-nô. Ông Khương Công-Phụ người quận Cửu-chân (Thanh-hóa) đỗ tiến-sĩ đời Đường, làm quan đến Trung-thư-môn-hạ-bình-chương-sự, tức là chức Tể-tướng, và lại có Lý Cầm, Lý Tiến cũng được bổ chức quan thú-lịnh. Xem thế thì người nước Nam ta đời nào chẳng có người giỏi, nức tiếng sang đến nước Tàu. Kể có công với nước Tàu thì giỏi thật, nhưng còn về phần nước nhà thì sao ? Nên có câu rằng :

Gáo vàng đem múc giếng tây,
Khôn-ngoan cho lắm tớ thầy người ta.

Gáo vàng đây là tỉ những ông như Lý Ông-Trọng, Khương Công-Phụ và Lý Cầm, Lý Tiến có tài giỏi qui báu đủ làm cho người phải qui-trọng đó chăng?

Dân nước Nam đương ở về hồi nội-thuộc nước Tàu bị lắm điều áp-chế cực-khổ, trừ ra chỉ gặp được mấy người quan Tàu khá như Sĩ Nhiếp, Nhâm Diên, Lý Thiện. Đào Hoàng thì dân còn không đến nỗi khổ ? Còn ngoài ra thì gặp nhiều người quan Tàu tàn-bạo, dân không biết kêu vào đâu.

I

Cóc kêu dưới vũng tre ngâm,
Cóc kêu mặc cóc, tre dầm mặc tre.

II

Thương thay thân phận con rùa,
Trên đình hạc cưỡi dưới chùa đội bia.

Cóc đấy là ai ? Rùa đấy là ai ? là cái cảnh-tượng dân ta khi bị người Tàu áp-chế, chẳng khác gì thân rùa, thân cóc, còn biết kêu vào đâu nữa.

Nước ta lại có một hồi mười hai ông sứ-quân, mỗi ông chiếm-cứ một nơi tự-xưng hùng-trưởng, như là Ngô Xương-Xí xưng là Ngô sứ-quân giữ ở Bình-kiều, Trần Lãm xưng là Trần Minh-công giữ ở cửa bể Bố-chính, v. v., cả thảy 12 ông, tranh cướp lẫn nhau thật là giang-sơn đâu anh-hùng đấy.

Của đời muôn sự của chung,
Tranh nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

Qua cái hồi thập-nhị sứ-quân ấy mới đến vua Đinh Tiên-hoàng ra thống-nhất.

Vua Đinh Tiên-hoàng ra bình-định được thập-nhị sứ-quân, tự-lập làm vua, đóng đô Hoa-lư (Ninh-bình), kỷ-nguyên là Thái-bình, lúc ấy thực là trời quang mây tạnh, non nước thăng-bình.

Xem trên trăng bạch trời hồng,
Dạo miền sơn-thủy bể bông Thái-bình.

Thái-bình tức là niên-hiệu Thái-bình. Vua Đinh Tiên-hoàng thực là vua chính-thống đệ-nhất nước Nam ta.

Sau vua Đinh Tiên-hoàng lại phải người Đỗ Thích giết chết. Nguyên Đỗ Thích là cửa canh cửa, khi nằm trên cầu có mộng thấy sao lưu-tinh sa vào miệng, tự nghĩ là điềm hay, mạnh lòng tiếm-nghịch. Sau được làm quan Chi-hậu-nội-nhân, thừa khi vua Tiên-hoàng uống rượu say nằm ở trong điện-đình bèn vào đâm chết.

Đỗ Thích thực là đứa gian-nghịch coi trời bằng vung.

Con cóc nằm nép bờ ao,
Lăm-le lại muốn đớp sao trên trời.

Con cóc đấy là trỏ Đỗ Thích, chút phận cỏn-con, vì mộng thấy lưu-tinh mà muốn những một bước đến trời, cả gan làm sự thí-nghịch, sau bị người nước phanh thây xé thịt ra là đáng lắm; người ta chỉ vì cái bụng lăm-le xằng ấy mà đến nỗi chết cũng nhiều.

Nguyễn Bặc là bày tôi cũ vua Đinh Tiên-hoàng, Lê Hoàn là Thập-đạo tướng-quân, làm tôi nhà Đinh mà có ý muốn tiếm ngôi nhà Đinh. Nguyễn Bặc khởi-binh lên đánh Lê Hoàn, phải Lê Hoàn bắt được, Hoàn kể tội Bặc cho là người bội-nghĩa bất-trung, nên Bặc có lời trách lại, bảo rằng :

Nước trong khe suối chảy ra,
Mình chê ta đục mình đà trong chưa ?

Mình đấy là trỏ Lê Hoàn, *ta* là Nguyễn Bặc. Đó là lời chê Lê Hoàn đắc-quốc cũng chẳng trong sạch gì, mà đã vội trách Nguyễn, Bặc thì sao cho phải.

Qua đời Lê đến đời Lý. Nguyên Lý Công-Uẩn mẹ là Phạm-thị, khi mới sinh Công-Uẩn ra, đem đến ở chùa Tiêu-sơn (thuộc Bắc-ninh). Thầy tu chùa Tiêu-sơn là Lý Khánh-Văn bèn nuôi Công-Uẩn làm con nuôi, đổi theo họ Lý.

Con ai đem bỏ chùa này ?
Nam-vô Di-Phật con thầy thầy nuôi.

Sau Lý Công-Uẩn làm quan nhà Lê đến chức Điện-tiền-chỉ-huy-sứ, dựng lên được cơ-nghiệp nhà Lý, đóng đô ở Thăng-long, tức là vua Lý Thái-tổ.

Khi Lý Công-Uẩn còn làm Chỉ-huy-sứ ở đời Lê Ngọa-triều, vua Ngọa-triều có một hôm ăn quả khế mà bắt được hạt mận, biết rằng là cái điềm họ Lý sắp nổi lên, bèn sai bắt những người họ Lý giết đi. Thế mà Lý Công-Uẩn vẫn ở hầu bên cạnh mà không biết.

Ta trong hạt khế ta ra,
Mình còn cạnh khế chi ta hỡi mình?

Đó là trời điềm ra thế, còn ai lường mà biết trước được.

Đời Lý có ông tướng giỏi là Lý Thường-Kiệt, thường đem binh sang đánh Tống, vây hãm châu Khâm châu Liêm ; lại một lần đánh phá quân Tống ở sông Như-nguyệt.

Nực cười châu-chấu chống xe,
Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.

Nước ta đọ với nước Tàu có khác gì châu-chấu đọ với ông voi không, thế mà chỉ nhờ có ông tướng giỏi là Lý Thường-Kiệt mà hai lần đánh phá Tống-binh, thực là một trận võ-công-đệ-nhất ở trong lịch-sử.

Đời Lý Anh-tôn nước ta mới mở ra cuộc thông-thương với các nước ngoài, khi ấy có thuyền các nước như Tiêm-la, Qua-oa, Nhật-bản, thường đi lại buôn bán ở bến bể, vua bèn lập ra phố buôn gọi là trang Vân-đồn ở ngoài Quảng-yên. Khi ấy các nước còn đều dùng thuyền buồm chạy bể cả.

Tới đây hỏi khách tương-phùng,
Chim chi một cánh bay cùng nước non ?

Khách là trỏ người thương-khách, *chim một cánh* tức là cánh buồm. Đó là nói khi ấy đường thông-thương hàng-hải còn dùng thuyền mà chạy bằng buồm, thế mà cũng thông-đồng bén dọt, đường thương-giới nước ta mở-mang ra từ đó.

Đời vua Lý Thái-tôn vào đánh Chiêm-thành, bắt giết chúa Chiêm-thành là Sạ-Đẩu, lại bắt được nàng Mị-Ê là vợ chúa Chiêm-thành, đem về đến sông phủ Lý-nhân. Vua nghe nói nàng hát hay, cho đòi đến hầu ngự-chu để hát. Nàng Mị-Ê từ mà nói rằng : « Tôi là vợ mán gái quê, có dám đâu bì với các

nàng cung-tần được. Nay đã nước tan chồng chết, xin liều một thác cho rồi ! » Nàng bèn cuốn chiếu vào mình lăn xuống sông mà chết.

Dù ai sang cả mặc ai,
Thân này nước chảy hoa trôi sá gì !

Vua Thái-tôn khen là trinh-tiết, phong làm Hiệp-chính-hựu-thiện-phu-nhân. Đàn-bà như thế mới thực là thủy-chung nhất-tiết.

Đời Lý có người Nùng Trí-Cao là con Nùng Tồn-Phúc chiếm-cứ châu Quảng-nguyên. Vua Thái-Tôn đi thân-chinh bắt giết Tồn-Phúc. Còn Trí-Cao chạy trốn, vua lại sai tướng đuổi đánh bắt được. Nhưng thương cha anh nó đã bị giết, lại tha nó ra cho làm quan châu Quảng-nguyên, Trí-Cao lại chiếm-cứ các châu đồng trên ấy làm phản.

Mở mương Mường chạy lên rừng,
Ta hay Mường chạy ta đừng mở mương.

Ta là trỏ vua Lý, *mường* là Trí-Cao, nghĩa là nói vua Lý tha cho Trí-Cao lại để cho nó quấy-nhiễu ngoài biên-thùy, tung-hoành sang đến tận Quảng-châu bên Tàu. Sau nhà Tống phải sai Địch Thanh ra dẹp mới yên.

Đời nhà Lý kinh-lý miền thượng-du, thường hay đem các công-chúa gả cho các tù-trưởng trên mường, để làm kế cơ-mi cho dễ. Như vua Nhân-tôn gả nàng Khâm-thánh cho Hà Di-Khánh ở Vị-long, vua Anh-tôn gả nàng Thiều-dung cho Dương Tự-Minh ở Phú-lương, vân-vân.

Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo.

Câu này là có ý than tiếc cho các nàng công-chúa, và có ý chê vua Lý lại không có kế gì xử-trí miền thượng-du hay sao.

Cuối đời Lý, vua Huệ-tôn đi vi-hành qua thôn Lưu-gia ở bến bể, thấy người con gái thuyền chài là con Trần Lý có sắc đẹp, bèn lấy làm vợ. Rồi đón vào cung lập làm nguyên-phi ; dùng cả người cậu vợ là Tô Hoằng-Từ làm thái-úy phong tước Thuận-lưu-bá ; lại phong cho anh vợ là Trần Tự-Khánh làm Chương-tín-hầu, cả nhà họ Trần đều quí-hiển cả.

Hoa thơm thơm lá thơm lông,
Thơm cây thơm rễ, người trồng cũng thơm !

Đó là chỉ vì yêu một cái hoa, mà đến nỗi yêu cả lông cả lá, cả đến dây mơ rễ mái nhà hoa, yêu đâu lại yêu đến nỗi thế, yêu đến nỗi làm cho cỗi Lý phải tồi-tàn ; ngán thay !

Họ Trần đã đắc-dụng rồi, lại có Trần Thủ-Độ được lên làm Điện-tiền chỉ-huy-sứ, Thủ-Độ lại đưa cháu là Trần Cảnh vào làm chức Chi-hậu-cục-chính-thủ vào cung hầu hạ bà Chiêu-hoàng.

Một ngày dự mệnh thuyền rồng,
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.

Đó là lời khen con nhà thuyền-chài mà lại được vào chốn long-cung, thực là hạnh-phúc lắm. Trần Cảnh sau được bà Chiêu-hoàng truyền ngôi cho, tức là Trần Thái-tôn.

Trần Thái-tôn lên ngôi vua rồi, bèn tôn Thủ-Độ làm Thái-sư, bỏ Lý Huệ-tôn cho ra ở chùa Chân-giáo, một hôm Thủ-Độ đi qua cửa chùa, thấy Huệ-tôn đương ngồi nhổ cỏ, Thủ-Độ bèn bảo rằng : « Nhổ cỏ thì phải nhổ cho hết rễ. » Huệ-tôn đáp rằng : « Ngươi nói ta biết rồi. » Được ít lâu. Thủ-Độ sai ải-sát Lý Huệ-tôn ở vườn sau chùa, giáng bà Huệ-hậu làm Thiên-cực công-chúa mà lấy làm vợ.

Vì ai nên nỗi sầu này,
Chùa Tiên vắng-vẻ tớ thầy xa nhau.

Ai đó là trỏ Thủ-Độ, *thầy* là Huệ-tôn, *tớ* là Huệ-hậu, vì Thủ-Độ tàn-

nhẫn mà làm cho tớ thầy xa cách nên nông-nổi này, Thủ-Độ thực là nhẫn-tâm thay!

Trần Thái-Tôn được bà Chiêu-hoàng lấy làm chồng truyền ngôi cho rồi, bèn phong Chiêu-hoàng làm Chiêu-thánh-hoàng-hậu, ít lâu lại giáng làm công-chúa đem gả cho Lê Phụ-Trần.

Trách người quân-tử bạc-tình,
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao.

Đó là lời quốc-dân chê người bạc-tình, sao nỡ phũ-phàng với hoa như vậy.

Đời nhà Trần vì lấy nhan-sắc mà đắc-quốc, nên con gái không dám gả cho người ngoài, trong họ lấy lẫn nhau cả, quốc-dân thấy thế có ý chê cười.

Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long lân qui phụng một đoàn tứ-linh.

Lời chê đó rất là mát-mẻ, cành vàng lá ngọc, mà quanh đi quẩn lại cũng là một đoàn tứ-linh cả.

Trần Khánh-Dư là một tay tướng giỏi đời nhà Trần, bị phải cách-chức, tịch-ký mất cả gia-sản. Khánh-Dư bèn lên ở núi Chí-linh, làm nghề đốt than, đó cũng là:

Chim quyên đào đất ăn giun,
Anh-hùng lỡ vận lên nguồn đốt than.

Người anh-hùng xưa nay gặp lúc vận rủi, cũng phải tùy-thời. Khánh-Dư về sau lại được khai-phục làm phó-tướng, đánh phá thuyền lương quân Nguyên ở cửa Lục ngoài Quảng-yên. Thế thì Khánh-Dư thực là người anh-hùng có công to về trận đánh Nguyên lắm.

Vua Anh-Tôn đời Trần có gả nàng Huyền-chân công-chúa cho chúa Chiêm-thành là Chế Mân. Chúa Chiêm-thành bèn hiến châu Ô châu Lý làm lễ sính-vật. Ô-châu Lý-châu tức là đất Thuận-hóa ngày nay. Tục Chiêm-thành hễ chúa chết, thì các cung-phi phải lên hỏa-đàn đốt để tuẫn-táng. Khi ấy chúa Chế Mân chết, công-chúa sắp phải lên hỏa-đàn.

Đàn kêu tích-tịch tình-tang,
Ai đem công-chúa lên thang mà ngồi.

Câu đó chừng là lời cung-nhân thấy công-chúa sắp phải bị sự nguy-hiểm, nên theo dịp đàn mà hát câu ấy để tỏ ý cho mà biết chăng. *Thang* chừng là cái thang lên hỏa-đàn đó chăng?

Nhưng vua Trần nghe tin chúa Chiêm mất, liền sai Trần Khắc-Chung vào điếu-tang, đánh lừa đem công-chúa ra ngoài cửa bể làm lễ chiêu-hồn, rồi vượt bể trốn về. Song Khắc-Chung đem công-chúa vượt thuyền qua bể lênh-đênh mãi đến hàng năm mới về đến kinh-thành, chẳng khỏi có điều bậy-bạ được.

Tiếc thay hột gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vần than rơm.

Câu thơ này thuần là thể tỉ cả, *gạo trắng* là vì như nàng Huyền-chân, *nước đục* là vì như chúa Chiêm, *than rơm* là trỏ Khắc-Chung, lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, ai là chẳng ghét thay cho những kẻ đãng-đâm. Câu thơ này tuy ngụ-ý chê trách, mà rất là bóng-bẩy thanh-tao.

Xứ Bắc-kỳ ta có đê là từ năm Thiên-ứng-chính-bình thứ 17 (1243) đời nhà Trần mới đắp ra đê Đỉnh-nhĩ. Nhưng tính ra suốt đời nhà Trần một trăm tám mươi mốt (181) năm mà vỡ đê đến hai mươi lần, năm ba năm lại một lần vỡ. Vua Tự-đức có câu rằng: « Trần nhân thất sách tại tranh hà 陳人失策在爭河 » nghĩa là người nhà Trần đắp đê là thất-sách.

I

Dã-tràng xe cát bể đông,
Nhọc lòng mà chẳng nên công-cán gì.

II

Con công-công dại lắm con ơi!
Luống công xe cát sóng dồi lại tan.

Con còng-còng với con dã-tràng giống như con cua con có tám chân, thường ở bãi bể đắp cát để làm tổ, hễ khi thủy-triều rềnh lên thì tan ngay đi, ví như đắp đê mà tranh với nước thì tài nào cho khỏi sự nguy-hiểm vỡ đê được. Nhưng đã chót đi rồi thì còn biết nghĩ kế gì cho tránh khỏi, mỗi năm một lần bồi-đắp thì cũng nhọc công cho dã-tràng thật.

Đời vua Trần Thuận-tôn có tên Hà Ô-Lôi sinh ra mặt mũi đen-đủi, hình-dung cổ-quái. Nhưng tiếng hát lanh-lảnh như tiếng vàng. Vua triệu vào cho làm con hát ở trong cung. Ô-Lôi cậy được vua yêu, bèn làm ô-uế cả trong cung, không ai dám nói gì cả, chỉ nói mỉa nó là dứa đen như quạ.

Ai mua con quạ bán cho,
Đen lông đen lá bộ đỏ cũng đen.

Con quạ là trỏ Ô-Lôi, vì chữ *Ô* 烏 nghĩa là quạ. Sau Ô-Lôi lẻn cả vào dinh Quốc-cữu Nguyễn Uy, trêu-ghẹo người nàng hầu của Quốc-cữu. Quốc-cữu bắt được, bỏ vào cối đá giã cho chết đi. Tục cũ của nước ta khi mới cưới nàng dâu về, để cối đá hay lò than ở cửa buồng để cho nàng dâu bước qua, là để trừ-khước cái quỉ Ô-Lôi đó. Câu ca này là chê Thuận-tôn chỉ say-đắm về con hát mà không biết răn-cấm đi.

Khi vua Thuận-tôn còn nhỏ, vua Nghệ-tôn giao cho Hồ Quí-Ly làm Phụ-chính, Trần Nguyên-Đán có câu thơ rằng : *Nhân ngôn kỳ tử dữ lão-nhu*。人言寄子與老鴉 *bất thức lão-nhu năng ái phủ* 不識老鴉能愛不。 nghĩa là : người nói gửi con cho quạ già, chẳng biết quạ già có yêu không ?

Mẹ gà con vịt chắt-chiu,
Mấy đời mẹ ghẻ nâng-niu con chồng.

Câu thơ đó là chê vua Nghệ-tôn đem con phó-thác cho Quí-Ly là phi-nhân. Quả-nhiên Quí Ly về sau giết Thuận-tôn, bức vua Thiếu-đế, cướp mất ngôi nhà Trần.

Quí-Ly đã cướp ngôi rồi, định mưu thiên-đô vào Thanh-hóa, sai đắp thành đào hào ở xã An-tôn, gọi là Tây-đô. Khi ấy Ngự-sử Nguyễn Nhữ-Duyệt can rằng : « Đất An-tôn trích-hiệp, là chỗ sơn-đầu thủy-vĩ, không thể ở được ; như thế thì đắp thành cũng là uổng công mà thôi. »

Kiến leo cột sắt sao mòn,
Vò-vò xây ổ sao tròn mà xây ?

Câu thơ này là chê Quí-Ly tiếm-thiết, dẫu xây thành ấy cũng không ở được. Quả-nhiên về sau quân Tàu sang đánh bắt Quí-Ly, thì vò-vò vỡ tổ ngay.

Khi đương đắp thành Tây-đô thì Hồ Hán-Xương (con Quí-ly) sai một ông Cống-sinh đi quản-đốc công-việc. Vợ ông Cống-sinh là nàng Bình-Khương can chồng rằng : « Người ta cốt có cương-thường, lui tới phải cho có nghĩa. Chàng là Cống-sinh triều nhà Trần, chớ không phải Cống-sinh nhà Hồ, nếu tham sủng-lộc mà theo về nhà Hồ, quên mất cả cố-quốc đi, thì còn ra danh-giá gì nữa. »

Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ,
Chàng về Hồ Hán thiếp về Hồ Tây.

Hồ-Hán là trỏ Hồ Hán-Xương, *Hồ-tây* là trỏ Tây-hồ, chỗ cố-đô nhà Trần đóng ở đó. Câu thơ ấy là lời vợ can chồng không nên theo về nhà Hồ. Vì thế mà Hồ Hán-Xương oán giận, bắt đem ông Cống-sinh ấy ấn vào chỗ góc thành chát lấp đi. Nàng Bình-Khương ra vin hai tay vào chỗ góc thành ấy khóc cực thảm-thiết, rồi đập đầu vào đá mà chết. Đến bây giờ vẫn còn có miếu thờ nàng ấy, mà chỗ vết đập đầu và hai bàn tay vẫn còn in ở chỗ góc thành đó. Những người chỉ biết tham sủng-lộc

mà để tiếng dơ muôn đời, thử ngẫm đó mà coi.

Đời nhà Nhuận-Hồ, có một ông Hoàng-Mi-tiên-sinh ẩn ở núi Na-sơn Thanh-hóa, Hồ Hán-Xương cho quan vào đón rước không chịu ra. Sứ-giả lại vào đón lần nữa, thì chỉ thấy ở vách đề hai câu thơ rằng: «*Kỳ-la hải-khẩu ngâm hồn đoạn* 奇羅海口吟魂斷。*Cao-vọng sơn-đầu khách tư sầu* 高望山頭客思愁。» Hai câu thơ này là có ý bảo Quí-Ly, Hán-Xương sau đều bị bắt ở cửa bể Kỳ-la, và ở núi Cao-vọng. Người cao-ẩn ấy như chim khôn biết trước, chớ không chịu ra theo.

Chim khôn lánh bẫy lánh dò,
Người khôn lánh chốn ô-đồ mới khôn.

Câu thơ này là khen người cao-ẩn, coi công-danh là cái dò bẫy, phú-quí là chốn ô-đồ, nếu cứ hăm-hở mà mắc vào thì có ngày bị nhục.

Thưa các Ngài,

Từ nãy đến giờ tôi mới nói qua về lịch-sử đời thượng-cổ và đời trung-cổ, thượng-cổ thì còn là nghi-sử thời-đại, đến trung-cổ mới là tín-sử thời-đại. Vả các ngài lại nghe những câu phong-dao vừa đọc trên đó thì lại càng tỏ cái tinh-thần quốc-sử ra biết là chừng nào! Nay tôi xin nói đến lịch-sử đời cận-cổ là từ đời Lê trở xuống.

Đương khi cuối đời nhà Hồ, quân Minh sang chiếm-cứ nước ta. Khi ấy có ông Lê Lợi khởi-binh ở Lam-sơn chống nhau với quân Minh. Đắp ra thành Lục-hoa, bây giờ còn di-tích ở huyện Nam-đàn và Thanh-chương tỉnh Nghệ. Bấy giờ nhân-dân vị quân Tàu tàn-hại mà rủ nhau về theo vua Lê nhiều lắm.

Đường vô xứ Nghệ rành rành,
Non xanh nước biếc như tranh họa-đồ.
Ai vô xứ Nghệ thì vô!

Nghe câu ca ấy thì biết rằng vua Lê Lợi khi bấy giờ được lòng người qui-phục, ai cũng nô-nức mà vui theo, nên mới dựng lên được cơ-nghiệp nhà Lê.

Nước ta từ đời Lê đã có nhiều những quân buôn người, mà dân mình thì nghèo đói, lắm khi phải đến bán con. Đời Lê Hồng-đức đã có đặt ra cái luật cấm bán con. Nhưng cũng không thể trừ hết cái tệ ấy được.

Vì bằng bác mẹ chẳng sinh,
Đem con bán phố Vạn-ninh cho rồi.

Phố Vạn-ninh thuộc tỉnh Quảng-yên, bây giờ là đạo Hải-ninh. Xem câu ca này thì biết rằng dân-tình xưa nay vẫn khổ về cái thói mẹ mìn nó lừa dỗ.

Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm nằm tơ-tưởng đi mò sông Thương.

Câu phong-dao này rất là rộng nghĩa. Hoặc người bảo rằng vì quốc-dân than tiếc cho vua Lê Chiêu-thống đem vàng sang cầu-viện nhà Thanh là mất vàng toi, nên người nước lấy làm tiếc mà làm ra câu ca ấy. Lại có nghĩa rằng nước ta khi trước gồm có những 9 quận, từ khi Ngô Tôn-Quyền chia ra châu Giao châu Quảng thì nước ta mất đi mất 3 quận là: Nam-hải, Thương-ngô, Quế-lâm bây giờ thuộc về Quảng-đông Quảng-tây mất cả. Vả lại về đời Hồ Qui-Ly, Mạc Đăng-Dung lại đem hiến mất mấy châu mấy động ở về trên Lạng-sơn và ngoài Quảng-yên cho nhà Minh, vì thế nước ta hụt mất đất đi nhiều, cũng là nghĩa gánh vàng đem đổ sông Ngô cả. Lại có một nghĩa nữa là nói nước ta xưa nay chỉ ham về đường hư-văn, bao nhiêu những lợi-quyền khai mỏ vàng mỏ bạc, kỹ-nghệ công-thương đều về tay người Tàu cả, mà mình chỉ mơ-mảng những chuyện bảo-huyền, vứt của ra mua đồ ngoại-hóa,

thì cũng đáng tiếc thay! Đó cũng là một nghĩa.

Nói về nghĩa thứ hai thì nước ta tuy về phía bắc giáp Tàu hụt mất đất đi nhiều, nhưng phía đông-nam thì lại mở rộng mãi ra. Chưa kể chi lịch-triều ta khai-thác mãi vào trong Nam, hãy nói ngay xứ Bắc-kỳ ta về phía đông-nam tỉ với trước cũng thêm rộng ra nhiều. Ta thường nghe có câu rằng :

Lênh-đênh qua cửa Tần-phủ,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm.

Các ngài nay còn trông thấy cửa Thần-phù ở đâu không? Tôi thường xét trong sách Địa-dư của cụ Nguyễn Trãi nói rằng : Cửa bể ấy thuộc trang Chính-đại, huyện Nga-sơn, Thanh-hóa, chính là cái đường bể ta đi vào trong Trung-kỳ khi xưa. Truyền rằng : Cửa bể ấy có thứ cá hình người, có đuôi không vẩy, bởi lưu-tinh hóa ra thứ cá ấy, nên thuyền-bè đi lại rất là nguy-hiểm. Đời Hùng-vương vào nam-chinh đã bị cơn phong-ba ở đó, nhờ có người đạo-sĩ là La Viện vượt thuyền đi trước, mới qua được cửa bể ấy. Khi La Viện mất, vua phong làm Áp-lãng-chân-nhân, nay còn lập miếu thờ ở dưới núi. Khi vua Lê Thánh-tôn qua cửa bể ấy có câu thơ rằng : *Thử khứ hải-môn tam-thập cửu* 此去海門三十九。*kế trình hà nhật đáo Ô châu* 計程何日到烏州 ; nghĩa là : Qua đó cửa nguồn ba chín cửa, tính ngày bao thủa tới châu Ô. Đem câu thơ ấy sánh với câu phong-dao này thì đều là nói cửa bể ấy rất là hiểm-ác. Thế mà đến cuối đời Lê đã bồi lấp đi hết cả, nay tức là huyện Kim-sơn đó, cùng với huyện Tiền-hải ở Nam-định, trước là cửa Lân, cũng mới bồi-lấp độ hơn một trăm năm nay. Thế có phải xứ Bắc-kỳ ta về phía đông-nam càng bồi rộng mãi ra không? Ấy cũng là cái lẽ bể-dâu biến-đổi xưa nay đó.

Đời nhà Lê phải một hồi Mạc Đăng-Dung lên tiếm ngôi, nào là giết vua Chiêu-tôn, bỏ vua Cung-tôn, rồi lại xây lập kinh-thành ở làng Cổ-trai, huyện Nghi-dương (Kiến-an). Tuy Mạc-thị bấy giờ muốn xoay hướng đổi nền thế nào mặc lòng, nhưng nhân-tâm bấy giờ còn mến nhà Lê không mấy người chịu theo Mạc. Bảo nhau rằng :

Ai ôi! giữ chí cho bền,
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Đó là lời những người trung-thần thủ-tiết bảo nhau không theo nhà Mạc. Nên khi ấy có những ông Đàm Thận-Huy, Nguyễn Tự-Cường khởi-binh lên đánh Đăng-Dung, ông Nguyễn Thái-Bạt nhổ vào mặt Đăng-Dung, Lê Tuấn-Mậu thu đá dập vào mặt Đăng-Dung, đều là những người bền chí trung-trinh cả.

Đời Lê lại còn một hồi họ Trịnh chuyên-quyền, sĩ-phu triều Lê nhiều người xu-phụ họ Trịnh mà quên mất cả bụt chùa nhà đi, nên có câu rằng :

Chở khinh chùa Tích không thờ,
Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây.

Chùa Tích là ví như nhà Lê, *gốc cây* là ví như họ Trịnh, đó là bảo rằng đừng thấy nhà Lê suy mà khinh, mà chỉ xu-viêm phụ-nhiệt theo về họ Trịnh để hóng lấy cái mồi phú-quí.

Khi họ Trịnh chuyên-quyền, làm lắm điều bội-bạc, như là vua Anh-tôn, Kính-tôn nhà Lê đều phải Trịnh Tùng thí-nghịch ; Trịnh Tráng thì bỏ vua Duy-Phường, Trịnh Cương thì bức vua Ý-tôn, Trịnh Xâm lại giết Lê thái-tử Duy-Vĩ ; dân-gian thấy họ Trịnh làm nhiều điều tàn-nhẫn như thế, mà ai cũng phải cắn răng không dám nói, chỉ nói trách bóng gió mà thôi.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Nào ai vun quén cho mày, mày ăn.

Đó là mượn cái sự ăn quả ra mà trách những người vong-ân bội-nghĩa không nhớ đến cỗi rễ nhà Lê.

Lại khi cuối đời Lê thì quyền-chính đều vào tay họ Trịnh cả. Trịnh Tùng chỉ để một nghìn xã làm lộc thượng-tiến cho vua Lê, và 5.000 quân túc-vệ để hầu vua mà thôi. Vua Thần-tôn nhà Lê khi ấy không có việc gì cả, chỉ ngày ngày đi giong chơi sơn-thủy, hoặc bơi thuyền ở Tây-hồ để tiêu-dao, dân-gian thấy thế lấy làm buồn cho vua Lê, có câu :

Thuyền câu lơ-lửng đã xong,
Thuyền chài lơ-lửng uổng công thuyền chài.

Thuyền câu là trỏ họ Trịnh, *thuyền chài* là ví như vua Lê. Đó là nói họ Trịnh lộng-quyền mà chơi bời du-dãng đã đành, chớ như vua Lê mà cũng lơ-lửng chơi-bời, không nghĩ gì đến sơn-hà xã-tắc tổ-tiên nhà mình, thì chả uổng công lắm ru !

Cuối nhà Lê có bọn tam-phủ (1) kiêu binh, là quân thân-binh của Trịnh-phủ, từ khi phù-lập chúa Trịnh (2) là Đoan-nam-vương lên ngôi, thời lại càng cậy thế hoành-hành, không ai hãn-chế được, mà phải dùng lên làm quan, như Nguyễn Liêm, Gia-Thọ xưa là một chú lính mà cũng làm lên đến quan to.

Em dừng thấy lính mà khinh,
Lính-binh Thống-chế ba dinh một dòng.

Đó là lời khen các ông quan to thời bấy giờ, cũng dù cũng võng, cũng dinh cũng tòa, nhưng cũng là một phường trong bọn kiêu-binh cả. Lời thơ ấy là lời khen mát-mẻ biết là chừng nào !

Dân ta ở về thời Lê Cảnh-hưng về hồi năm 1787, thực là một hồi loạn-lạc rất khổ, nào là gặp nạn bão to, nạn nước lụt, phiêu-lưu đói khát, không kể sao cho xiết. Khi ấy lại có anh em Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc nổi lên ở Qui-nhân, ngoài Bắc-hà thì họ Trịnh thua chạy, trong Nam-kỳ thì dức Cao-hoàng cũng phải chạy tan nát cả, dân khi ấy có khác gì đàn chim vỡ tổ.

Bão bùng cánh ngọn xơ rơ,
Chim không nơi đỗ dật-dờ phương nao ?

Câu đó là than cái đời loạn dân phải ly-tán. Trong bài *Hoàn-nam-ca* của cụ Hoàng Quang 黃光 đời Nguyễn-sơ cũng có câu thơ rằng : « *Chim Việt ngưa Hồ ngơ - ngáo đó, hươu Tần yến Tạ lạc-loài mô ?* » cũng là ý than loạn như câu phong-dao trên đó.

Đương lúc loạn-lạc như thế, thì khác gì như chiếc thuyền lênh-đênh giữa vời, không ai biết phương-hướng nào mà theo cho phải, kẻ thì chạy sang Tàu theo vua Lê Chiêu-thống, kẻ thì phụ theo Tây-sơn, những người chí-sĩ có ý thầm - thận thì bảo nhau rằng :

Khoan-khoan hỡi ả chèo đò !
Hỡi anh vỗ lái dặn dò trước sau.

Người xử-sĩ trong Gia-định cũng có câu rằng : « *Chẳng đặng thẳng lèo tranh trước gió, chi bằng mái một giữ khoan khoan.* » Đó cũng là cái ý phải đợi thời, phải đợi gió mới giong buồm được.

Đương khi Tây-sơn Nguyễn Huệ vào chiếm-cứ thành Thăng-long, thì vua Lê Chiêu-thống và bà Hoàng-thái-hậu cùng với bà cung-nhân Nguyễn Thị-Kim chạy lên Cao-bằng. Sau bà Hoàng-thái-hậu và vua Lê lại chạy sang Tàu, bà Thị-Kim đi theo không

(1) Là bọn lính lấy ở Hà-trung, Tĩnh-gia, Thiệu-hóa ba phủ trong Thanh-hóa, nên gọi là Tam-phủ.

(2) Tức là Trịnh Tùng, nhất-danh là Trịnh Khải.

kịp phải trở về lần lút ở chốn dân-gian, may thuê dệt mướn để tự nuôi mình, thực là trăm chiều cay đắng.

Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.

Cây cải là ví như bà Thái-hậu, hai chữ *về trời* đây là nói bà Thái-hậu phải xiêu - bạt chạy sang Tàu, vì ta khi xưa thường tưng gọi Tàu là Thiên-triều. Bà cung-phi thì tự ví mình như rau răm, phải lần-lút ở lại chốn thôn-quê rất là cay đắng. Nghe câu thơ ấy thì thực là tỏ ra tấm lòng người liệt-nữ chưa xót biết là chừng nào! Sau về hồi Gia-long tam-niên, người Tàu đưa linh-cữu vua Chiêu-thống về đến cửa ải Lạng-sơn, bà Thị-Kim nghe tin, bèn ra đón, đưa linh-cữu vua về chôn xong, bà bèn than khóc làm lễ viếng rồi uống thuốc độc mà chết. Ấy đàn bà tiết-liệt như bà thực là hiếm có thay!

Nước ta khi xưa thường có những câu sấm, nghiệm ra biết trước được việc hưng-vong, khi ấy có câu:

Bao giờ rồng đến nhà tôm,
Rồng leo cây Ngải thì con rồng vàng.

Nhà tôm là ý nói họ Trịnh được đất ở vực Tôm. Nguyên Trịnh Kiểm khi xưa nhà nghèo, tính chí-hiếu, thường đi ăn cắp gà láng-diềng để nuôi mẹ. Người láng diềng lấy làm tức, lúc khi Kiểm đi vắng, bèn trói người mẹ vứt xuống vực Tôm (thuộc Thanh-hóa), thành ra về sau được ngôi đất ấy. Người Tàu đã có câu quyết-đoán rằng: « *Phi đế phi bá, quyền khuynh thiên-hạ, nhị bách dư niên, tiêu-tường khởi-họa.* » Nghĩa là ngôi đất ấy phát làm chúa, không phải đế bá, mà quyền khuynh cả thiên-hạ, độ hai trăm năm, thì trong nhà tự khởi-họa lên mà mất. Sau quả-nhiên truyền đến Trịnh Xâm, đem quân vào đóng ở tỉnh Nghệ, truyền ngôi cho Trịnh Cán thì mất nước. *Cây ngải* là trỏ tỉnh Nghệ. Vì chữ *ngải* 艾 viết giống chữ *nghệ* 乂. Ý là nói từ khi Trịnh Xâm vào Nghệ thì họ Trịnh suy-yếu như con rồng đã vàng uá già yếu dần đi vậy. Nghe câu ca ấy thì biết được cái triệu hưng-vong của họ Trịnh.

Tưởng rằng chị ngã em nâng,
Chẳng hay chị ngã em mừng em reo.

Câu ca ấy thì ai là chẳng thường nghe, nhưng phải biết rằng nguyên câu ấy là chê Trịnh Tùng 鄭松 là em mà đem quân đánh nhau với anh là Trịnh Cối 鄭檜. Nghĩa rộng ra là trách cả những kẻ huynh-đệ huỳnh-tường, không nghĩ gì đến nghĩa anh em đồng-bào.

Ai lại chẳng thường nghe câu:

Tiếc công gánh gạch Bát-tràng,
Xây hồ Bán-nguyệt cho nàng rửa chân.

Nhưng nàng rửa chân đó là ai? Đó là một nàng nhan-sắc chỉ cậy có cái mồ-hôi thơm mà làm nũng chúa Trịnh, muốn thế nào chúa cũng phải chiều lòng. Thậm-chí chúa có một hòn ngọc Dạ-quang-châu là của yêu của chúa. Nàng cầm xem. Chúa bảo: Sẽ chớ kẻo vỡ. Nàng liền đập tan ra, khóc bảo chúa rằng: « Làm gì cái ngọc này, vào Quảng-nam mà lấy ra thì vô-số, sao chúa lại trọng của khinh người thế! » Từ đấy nàng ở riêng ra một cung, không đi lại với chúa nữa. Chúa phải dỗ-dành mãi mới nghe. Lại làm nũng chúa bắt chúa phải bắt dân-phu gánh gạch xây bờ hồ Tây, để làm chỗ cho nàng đi lại bơi thuyền chơi trăng ở hồ Tây, dân lấy làm ta-oán lắm. Ấy nàng rửa chân ấy là nàng Đặng Thị-Huệ vợ chúa Xâm, chỉ cậy có cái mồ-hôi thơm mà làm nũng chồng một cách lạ-lùng! Ta bây giờ đã có nước hoa, thơm bằng mấy mồ - hôi, chẳng biết có nàng nào làm nũng chồng được như cách nàng Thị Huệ không?

Sau Thị-Huệ sinh được một cậu con tên là Cán 榦, từ thủa bé phải bệnh cồ quặt-quẹo mãi, nghe đâu cụ Lãn-ông ta có vào chữa cũng không hiệu, thế mà nàng lại xui-giục chúa lập con mình lên làm Thế-tử, mà chuất ngôi con trưởng là Trịnh Tông 鄭 棕 đi.

Nên có câu :

Đục còn nên giữ lấy tông,
Cuốc đà long cán còn mong nỗi gì !

Câu thơ này nghĩa bóng là nói chúa Xâm không biết giữ lấy con trưởng là Tông, mà quá yêu con thứ là Cán, cái đứa con nít ốm-yếu ấy thì còn mong nỗi gì được. Quả-nhiên về sau quân Tam-phủ lại phù-lập Trịnh Tông lên, chúa Cán thất-kinh mà chết. Thị Huệ cũng bị giết chết, thế thời những kẻ tranh ngôi đoạt-trưởng có được gì đâu.

Khi ấy có một ông quan rất là thanh-liêm người làng Vãn-hà, Thanh-hóa, tên là Nguyễn Nho - Quan 阮 儒 冠, đỗ trạng-nguyên, làm đến Tể-tướng, dân lấy làm yêu-mến lắm, khi tri-sĩ về, dân có câu ca rằng :

Chàng về Vạn Vạc chàng ơi !
Con chàng bỏ đói ai nuôi cho chàng ?

Vạn là tên làng Vãn-hà, *Vạc* là làng Cổ-đô, là chỗ ông Nho-Quan ở, *chàng* là trỏ ông Nho-Quan, dân yêu-mến ông như cha mẹ, nên khi ông về, dân lấy làm tiếc mà làm ra câu ca ấy, làm quan như ông mới là khỏi thẹn với bốn chữ : « Dân chi phụ mẫu ».

Từ đây trở xuống tôi xin nói qua về lịch-sử đời Tây - sơn Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ từ khi chiếm-cứ được Bắc-hà, tức là Bắc-kỳ) tự-lập làm vua, kỷ-nguyên là Quang-trung, truyền đến con là Quang-Toản kỷ - nguyên là Cảnh-thịnh. Nhưng vì tàn-bạo quá, nhân-tâm oán giận thì sao cho trường-trị được.

Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.

Đó cũng là một câu sấm nghiệm biết được đời Quang-trung số-vận chỉ có bấy nhiêu mà thôi. *Đầu cha* là trỏ chữ *Quang* 光 có chữ *tiểu* 小 ở trên đầu, *chân con* là trỏ chữ *cảnh* 景 thì có chữ *tiểu* 小 ở dưới. Sau quả-nhiên từ năm Quang-trung kỷ-dậu (1789) cho đến năm Cảnh-thịnh nhâm-tuất (1802) vừa 14 năm thì hết đời Tây-sơn.

Khi Tây-sơn ra lấy Bắc-hà là vì tại Nguyễn Hữu-Chỉnh 阮 有 整 ta thường gọi là Cống - Chỉnh. Cống - Chỉnh xui Nguyễn Huệ ra lấy Thăng-Long rồi, Nguyễn Huệ lại bỏ Cống-Chỉnh giao cho giữ ở Nghệ-an. Vì thế vua Lê Chiêu-thống lại triệu Cống-Chỉnh ra Bắc-hà phong làm Bằng quận-công để phù Lê. Ngày nay ca-nhi thường ca câu :

Ai đem con sáo sang sông,
Nên chi sáo lại sổ lồng sáo bay.

Con sáo đó là trỏ Bằng quận-công lấy nghĩa chữ *Bằng* cũng là toài chim, *sang sông* là ra Bắc-hà. Đó là nói Nguyễn Huệ bỏ Cống-Chỉnh ở Nghệ-an, để cho Chỉnh lại ra Bắc-hà được, là để cho sáo xổ lồng đó. Sau Nguyễn Huệ sợ Cống - Chỉnh ở Bắc-hà thì không lợi cho mình, bèn đem quân ra đánh giết Cống-Chỉnh.

Khi anh em Nguyễn Huệ khởi-binh ở Trung - kỳ, bắt hết cả nhân - dân Thuận, Quảng ra lính, tận-dân vi-binh, dân-tình lấy làm ta-oán lắm.

Tiếng ai than khóc nỉ-non,
Là vợ chú lính chèo hòn Cù-mông

Cù-mông là tên núi, thuộc huyện Đồng-xuân tỉnh Phú-an, qua ngọn núi ấy rất là hiểm-trở. Câu ca này là tả cái tình-cảnh chinh-phụ khi ấy phải đi theo chồng chèo đèo lặn suối rất là cực-khổ.

Ấy cái tình-cảnh lính thì rất khổ như thế, nhưng cái cảnh quan thì lại nhiều người thích quan. Khi ấy có lệ cho nộp tiền mua quan, lại phát ra những đạo sắc lưu-không để bán, hễ ai mua thì điền tên vào, quan-tước bấy giờ rất là tạp-nhạp.

Đô-đốc tam thiên Đô-đốc,
Chỉ-huy bát-vạn Chỉ-huy.
Trung-úy Vệ-úy chẳng kể làm chi,
Cai-đội phó-đội lấy tàu mà chở.

Ấy quan-tước đời bấy giờ đã tạp-nhạp đến như thế là cùng, nhưng hãy được tiếng gọi là quan đã, thì chẳng hơn ư? Nên lại có câu:

Mười quan thì đặng tước hầu,
Năm quan tước bá ai hầu kém ai.

Xem những câu ca ấy thì ra khi ấy không kỳ ai, có tiền là có quan, quan khi ấy nhiều đến nỗi những tam-thiên bát-vạn, thế thì các quan Hàn nước ta bấy giờ cũng chửa nhiều là mấy!

Đời bấy giờ lại còn nhiều người xu-viêm phụ-nhiệt rủ nhau ra y-phụ với Cống-Chỉnh, đua nhau ra làm quan ở đời Quang-trung, đời Cảnh-thịnh cũng nhiều, nên có câu rằng:

Rủ nhau đi gánh nước thuyền,
Quang đứt chĩnh vỡ gánh liền xuống sông.

Quang gánh đây không phải chỉ là quang gánh nước đâu, *Quang* là trỏ Quang-trung, *gánh* là trỏ Cảnh-thịnh, *chĩnh* là trỏ Cống-Chỉnh. Câu ca này là ý nói bóng, nói chạnh ra như thế, ý là bảo đời Quang-trung, Cảnh-thịnh, và Cống-Chỉnh về sau cũng chung-qui thất-bại cả, mà người làm quan ở đời bấy giờ cũng chẳng bền được đâu.

Hồi Tây-sơn loạn-lạc như vừa nói ở trên đó, chính là hồi Nguyễn-triều ta ra khai-sáng đó. Nhưng Nguyễn-triều ta từ đời đức Gia-dụ vào trấn Thuận-hóa, lấy nhân-ân thu-phục nhân-tâm, người ngoài Bắc ta vào qui-phụ cũng nhiều; lấy làm vui-sướng mà có câu rằng:

Măng dang nấu cá ngạnh nguồn,
Đến đây ta phải bán buôn mua vui.

Nhân-dân bấy giờ mà hát như thế thì biết rằng lòng người đã vui theo chúa Nguyễn, dẫu ăn măng dang cá ngạnh ở nguồn Quảng-trị mà cũng lấy làm vui, ấy cái nền khai-thác ra Nguyễn-triều là trước từ đó.

Khi Nguyễn-triều ta mới vào khai-thác Trung-kỳ thì đường-sá hãy còn nghiêu-khê, non sông hãy còn trắc-trở, thế mà không bao lâu đã mở-mang thông-đồng cả.

Thương anh em cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam-giang;
Phá Tam-giang ngày rầy đã cạn,
Truông nhà Hồ Nội-tán cấm nghiêm.

Truông nhà Hồ nguyên là một cánh rừng rậm thuộc phủ Vĩnh-linh tỉnh Quảng-trị là một nơi những quân kẻ cướp tụ họp để ăn cướp đường; *phá Tam-giang* thuộc về huyện Quảng-điền phủ Thừa-thiên, ở đấy có ba ngọn sông chảy xô vào, rồi chảy ra cửa Thuận, nên gọi là phá Tam-giang. Chỗ ấy sóng gió rất dữ, thuyền-bè đi lại rất khó, hành-khách rất lấy làm lo sợ. Từ khi Nguyễn-triều ta vào trấn ở Thuận-hóa, vua Hiển-tôn đã sai quan Nội-tán là Nguyễn Khoa-Đăng đi kinh-lý phá triệt cả cánh rừng chỗ truông nhà Hồ đi, dẹp yên hết những quân giặc cướp. Lại sai khơi cảng để thông ngọn sông Tam-giang cho bình bớt thủy-thế đi, nên từ đấy thuyền bè đi lại, hành-khách không ai còn lo sợ gì cả. Nghe câu ca ấy thì biết cái công Nguyễn-triều ta khai-thác Trung-kỳ rất là gian-lao.

Nguyễn-triều ta lại có công khai-thác ra Nam-kỳ nữa, như là triều đức Thái-tôn dung-nạp cho Dương Ngạn-Địch vào ở Định - tường, Trần Thắng-Tài vào ở Biên - hòa ; vua Hiển - tôn chiêu-mộ dân Bố - chính Quảng-nam cho vào lập thôn-xã ở trong Nam ; vua Thế-tôn lại được nước Châu-lạp hiến thêm cho đất Tầm - bôn, phong - long mở ra tỉnh Hà-tiên, khai - thác ra cả thảy sáu tỉnh Nam-kỳ, nhân-dân đều vui lòng vào sinh- tụ ở đó, bảo nhau rằng :

Nhà-bè nước chảy phân hai,
Ai về Gia-định Đồng-nai thì về.

Nhà bè tức là Chợ-lớn ở Nam - kỳ bây giờ, ở đó có hai con sông Đồng-nai, Sài-gòn chảy qua, chính là một nơi đô-hội, chính là nơi Nguyễn-triều ta mở-mang từ khi xưa.

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để anh khuyên gió gió đừng rung cây.

Câu phong - dao này ai là chẳng thường nghe, nhưng cái thâm ý thì rất là khó giải. Song thử xem trong lịch-sử nước ta từ xưa đến nay trải bao nhiêu là trận phong - trào, bao nhiêu là trận gió làm cho cây rung lá rụng. Về đời thượng-cổ còn là phong-tục thuần-hậu không kể chi. Đến hồi trung-cổ thì nào là hồi nội-thuộc, nào là hồi độc - lập, loạn - lạc luôn mãi, đã trải bao nhiêu là trận gió rung cây. Rồi lại qua đời loạn nhị-thập Sứ-quân mới có đời nhà Đinh, qua đời loạn Lê Ngọa-Triều mới có đời nhà Lý. Đời nhà Trần thời có loạn Mông-cổ ; qua đời loạn Hồ Qui-Ly mới có vua Lê Thái-tổ ra. Trong đời Lê thì nào là lúc họ Mạc tiếm-thiết, họ Trịnh chuyên-quyền, cũng không mấy khi là không loạn-lạc ; mãi đến đời loạn Tây-sơn, mới có Nguyễn-triều ta ra khai-sáng. Xem những hồi loạn-lạc kinh-qua như thế, mà đời trị thì ít đời loạn thì nhiều, thế thì xưa-nay trải bao nhiêu là trận gió rung cây, đố ai quét sạch lá rừng được. Hoặc-giả câu phong-dao ấy là ý than loạn, ý-nghĩa rất là sâu-xa !

Khi đức Cao-hoàng ta từ trong Nam ra dẹp loạn, thường nhân khi gió nồm mới kéo binh-thuyền ra các nơi cửa bể Nha-trang, Thi-nại để đánh quân Nguyễn Huệ, khi trở gió lại trở về. Nhân-dân Thuận Quảng bấy giờ rất là mong-đợi trận gió Nam-phong, nên có câu :

Lạy trời cho chóng gió nồm,
Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra.

Nghe câu phong-dao ấy thì biết lòng dân khi ấy mong-đợi đức Cao-hoàng ra dẹp loạn để quét cho sạch bờ-cõi ngoài Bắc trong Nam, chính là cái trung-triệu Nguyễn - triều ta trung-hưng đó.

Thưa các Ngài,

Những hồi lịch-sử tôi vừa nói trên này, các ngài cũng đã thừa biết cả đi rồi. Nhưng tôi cũng kể qua ra đây, là có ý phác-họa ra một bức tranh lịch-sử tự hồi thượng-cổ cho chí đời trung-cổ, cận-cổ, trải bốn nghìn năm, để nhắc lại các ngài biết cho rằng lịch-sử nước ta cũng có người thiếu - niên anh-hùng như Đồng Thiên - vương, Đinh Tiên-hoàng, cũng có người liệt-nữ anh-hùng như Trưng-vương, Triệu Âu, trinh - tiết như Mị-Ê, Nguyễn Thị Kim. Cũng có hồi lịch-sử vẻ-vang như hồi Lý Thường-Kiệt sang đánh Tống, Trần Hưng - đạo phá quân Nguyên, Lê Thái-tổ đánh quân Minh, Nguyễn Quang-trung phá quân Tôn Sĩ-Nghị. Cũng có hồi lịch-sử suy-loạn như hồi Tùy Đường nội - thuộc, hồi Nam - Bắc phân-tranh, cùng là hồi Nhuận-Hồ tiếm-thiết, Mạc, Trịnh lộng-quyền, cho đến hồi Tây-sơn phiến-

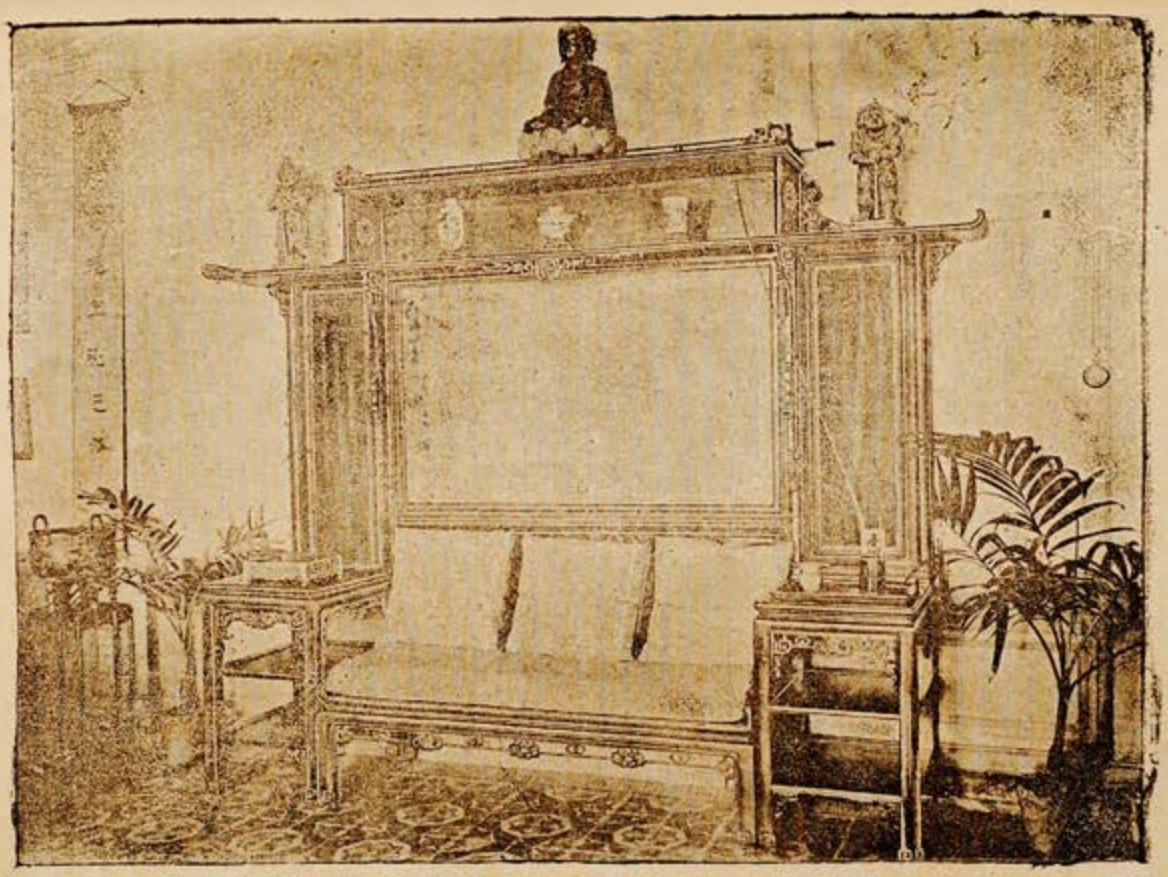

Đấu-sảo hội Khai - trí. — Bộ kỷ ngồi nói truyện
(kiểu mới của hiệu Phúc-mĩ, được nhất hạng)

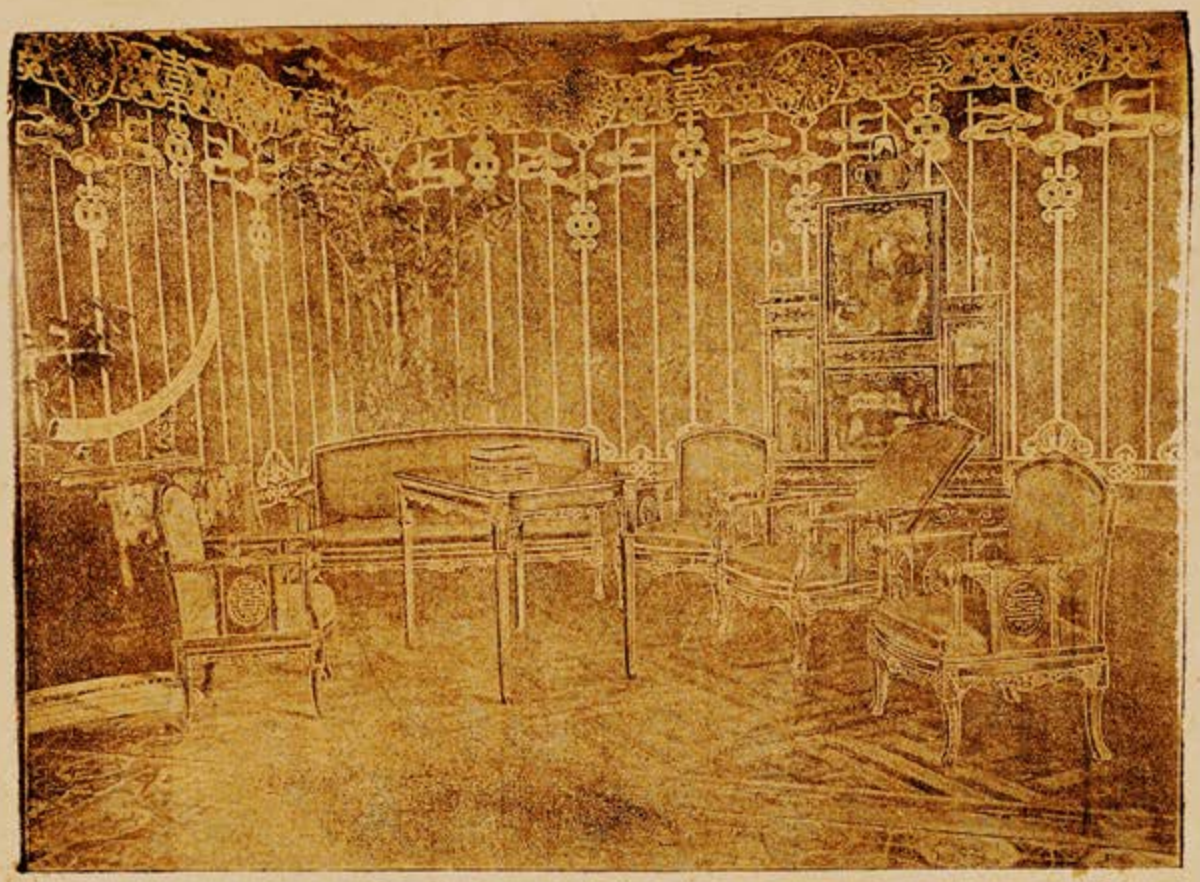

Đấu-xảo hội Khai-Trí — Bộ Sa-lông được nhất hạng

(kiểu của ông Nguyễn Đức-Thục ; ông Nguyễn Long - Hưng đóng)

loạn. Ấy lịch-sử nước ta cũng có bồi thịnh-trị, cũng có bồi đại-loạn, cũng có quốc-túy, cũng có quốc-hồn, mà cũng có tinh-thần về quốc-dân xã-hội.

Tôi lại kể qua mấy câu thơ-ca trên đó, chẳng qua cũng là vặn thử cái máy lưu-thanh bằng phong-dao của tổ-tiên ta lưu-truyền lại trong bốn nghìn năm, để các ngài nghe thử xem cũng có câu nên buồn nên tức, cũng có câu nên nhớ nên thương, mà cũng có câu nên hoan-hân cổ-vũ. Ấy những câu phong-dao nước ta không phải là không có văn-chương, không có ý-nghĩa, không có tinh-thần, không phải là không có ảnh-hưởng quan-hệ gì đến lịch-sử. Xin đừng vội chê tiếng nước ta nôm-na mách-qué mà không học, lịch-sử nước nhà hèn-yếu mà coi khinh, bụt chùa nhà không thiêng cầu Thích-ca ngoài đường, thì chả hóa ra mang tiếng là Tịch Đàm vong-tổ lắm ru!

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN

MỘT TẬP DU-KÝ CỦA CỤ LÃN-ÔNG

Thượng-kinh ký-sự

上京記事

(*Nguyên hán-văn dịch ra quốc-ngữ*)

Phàm đọc văn của một nhà hiền-triết nào ở cách đời với mình, thời trước hết phải chứng xét cái thời-đại, cái thân-thế cùng cái cách lập-thân hành-đạo của nhà hiền-triết ấy thế nào, thì mới nhận ra được những cái chân tinh-thần về học-thuật tư-tưởng của nhà hiền-triết ấy, mà sự đọc văn như thế mới có ích, có thú-vị vô-cùng. Bởi vậy trước khi dịch sách du-ký của cụ Lãn-ông tức là sách Thượng-kinh ký-sự *này, thời tôi đã khảo-cứu cái thời-đại, cái thân-thế và những cách tập-thân hành-đạo của cụ, rồi tập-thành truyện-ký mà lạm thêm đôi lời bình-luận cho phát-siển thêm cái tinh-thần về học-thuật tư-tưởng của cụ ra, là có ý giới-thiệu cụ cho các nhà đọc văn du-ký này của cụ được đỡ tốn cái công khảo-cứu mà tự-hưởng được cái ích-lợi cái thú-vị vô-cùng.*

Nay xét những văn du-ký của người Việt-Nam ta cùng của cả những người ở các nước phương Đông-Á này từ thế-kỷ thứ mười tám tức là từ đời cụ Lãn-ông về trước, thời thấy ít lắm, mà có chăng nữa chẳng qua chỉ dùng cái ngòi bút tài-hoa, bài văn điêu-khắc mà, vẽ-vời những cảnh-trí của nước-non, để làm cái tài-liệu cung cho nhà tao-nhân, mặc-khách mà thôi, chứ cầu lấy cái ngòi bút thiên-nhiên, lời văn tả-thực, ngoài những sự miêu-tả cảnh-trí ra lại thu thập được cả các trạng-thái của cả các hạng người trong xã-hội, mà thu-thanh tróc-ảnh, truyền lại cái minh-giám có bổ-ích cho đời sau, như tập du-ký *của cụ Lãn-Ông này, không khác gì những văn du ký của các nhà danh-nho Thái-tây cận-thời, thì thực là hiếm có. Như thế thì tập* du-ký *này không phải là một tập văn du-ký kiệt-tác mới xuất-hiện ra ở trong văn-học-giới Á-Đông ta dư?*

Vả tập văn du-ký *này về phần nhiều là lược-tả cả những cảnh-trí, những phong-vị cùng những nhân-vật đất Hà-thành. Tôi nhân đọc tập* du-ký *này mà đối với cái đất cố-đô kia, trong lòng bất-giác sinh ra có điều cảm-khái, muốn không nói mà không có thể*

điềm nhiên đi không nói được; bởi vì đất Hà-thành là cái chỗ văn-hóa phát-nguyên của nước Việt-Nam ta ngày nay, là cái chỗ chủ-não của người nước Đại-Việt ta ngày trước, kể đặt kinh-đô thời cũng đã trải qua năm sáu triều, kể năm cũng đã hơn bảy tám trăm năm đến nay, biết bao nhiêu là công-nghiệp gây-dựng ở đấy, bao nhiêu là cái tinh-hoa tụy-tụ ở đấy, thế mà nay ta muốn tìm đến những chỗ di-tích để mà chiêm-bái các đấng tiền-nhân, thời ngoài cái Văn-miếu từ Lý-triều sáng-tạo đến quốc-triều trùng-tu, với một pho tượng đồng thần Trấn-Vũ, đúc từ đời Lê ra, không còn có cái cổ-tích nào là khả-quan nữa; khách du-lịch bất-đắc-dĩ muốn bằng-điếu cổ-nhân ở trên tờ giấy, thời cũng không có sách-vở gì để ghi chép cái di-tích nào cả. Ấy về phần hình-thức còn như thế, nữa là những cái lưu-phong dư-vận vô-hình kia, thì còn biết tra-vấn vào đâu cho được. May sao còn được một quyển Thượng-kinh ký-sự của cụ Lãn-Ông là một quyển sách của cụ chép khi cụ trùng-du thành Thăng-long vì việc phải vào thăm bệnh ông thế-tử của chúa Trịnh, mà sở-ngộ những người những cảnh nào có quan-hệ đến việc cụ kinh-qua, thì cụ mới chép để phụ vào bộ sách thuốc của cụ mà làm cái hứng-thú riêng cho bọn y-gia, khiến cho hậu-nhân ta mới nhờ đó mà được phảng-phất thấy cái đất Hà-thành về cuối đời Hậu-Lê là lúc trị-hóa và văn-vật đã về mạt-lưu rồi. Còn thì cái đất Hà-thành từ cụ Lãn-ông về trước với cái đất Hà-thành từ sau cụ Lãn-ông cho đến cận-thời, oanh-oanh liệt-liệt thế nào, nguy-nga điền-nhã thế nào, bất-quá chỉ tóm-tắt vào trong bốn câu thơ của một nhà thi-nhân mới vịnh thành Hà-nội nọ. Bốn câu thơ rằng: « Ngưu-hồ dĩ biến tam-triều cục, Long-đỗ không-dư bách-chiến thành. Nùng-lĩnh phù-vân kim cổ sắc, Nhĩ-hà lưu-thủy khốc ca thanh. 牛湖已變三朝局。龍肚空餘百戰城。濃嶺浮雲今古色。珥河流水哭歌聲。» Nghĩa là cái mùi nước Ngưu-hồ đã biến theo ba lần thay đổi triều-đình; cái đất Long-đỗ chỉ còn cái thành trải trăm trận chiến-tranh nay bỏ không; trông cái đám mây bay trên núi Nùng-lĩnh kia hình như có những sắc đời kim đời cổ; nghe cái dòng nước chảy dưới sông Nhị-hà nọ, hình như có những tiếng khóc tiếng cười. Thực là bi-đát tiêu-sơ, trơ-trọi man-mát vô-cùng, mà sự khảo-cổ đáng nên di-hận là dường nào, người tiền-nhân ta thực không trối được cái lỗi không biết qui-báu những cổ-khí và biên-chép những cố-sự là những cơ-sở tiến-hóa riêng của một dân-chủng, mà sở-dĩ thành ra cái tệ-đoan như thế là vì có hai cái nguyên-nhân như sau này:

1· — Vì cái tư-tâm chuyên-chế của người Á-Đông ta, đời này nối lên thì muốn phá-diệt đi cho hết những cái dấu-vết của đời đã qua, để cho người ta không còn trông thấy cái dấu cũ gì mà sinh lòng hoài-cựu nữa, cho nên vô-luận sự-nghiệp công hay tư, công-trình khéo hay vụng, đều làm cho tiệt-diệt đi không còn một tí gì mới thỏa dạ.

2· — Vì ngày trước cái tiếng chữ Hán-tự ta học với cái tiếng của miệng ta nói thường hai đàng khác nhau hẳn, cho nên khi viết văn trừ những văn có qui-thức ấn-định như văn vần, văn biền-ngẫu cùng những lời vắn tắt, những bài ngắn-ngủi thì mới có thể dựa theo cái mẫu-mực mà mô-phỏng được. Đến như những văn ký-sự, văn luận-thuyết, trảng-thiên nhất-khí, từng quyển từng pho, lúc viết văn vừa phải cấu-tứ lại vừa phải dịch lời, ý-nghĩa một nơi, văn viết một nẻo, muốn cho ý-nghĩa được hiển-minh, lời lẽ được liên-tiếp, như tiếng nói mẹ đẻ, thực là khó. Ấy cái thông-bệnh học chữ ngoại-quốc hay là thứ chữ cổ-văn gì mà nay âm-thoại thông-thường ít dùng đến thời đều như thế cả, không những một người Việt-Nam ta. Cái đó chỉ vì không quen mà thôi, đã khó mà văn-tự lại không bày-tỏ được hết cái ý-nghĩa của mình thì dẫu có việc gì hay, muốn ghi-chép lấy cũng phải ngần-ngại mà chưa dám quyết, phương-chi một đời đã hồ-đồ mấy người có chí.

Xem thế thì biết rằng vì cớ thứ nhất mà nước ta ít những chỗ giữ được những cái mĩ-nghệ bản-quốc đời xưa. Lại vì cớ thứ hai mà nước ta ít những sách ghi-chép cố-sự trong nước. Từ khi phong-khí mở-mang đến nay, cái nghĩa tự-do, cái học bác-cổ đã truyền-bá dần vào mà người trong nước, đã biết qui-trọng những cổ-khí là những cái ngụ những tâm-lý, những sự nghiệp của tiền-nhân người mình; lại thêm được cái thể quốc-ngữ mới này, chữ là tiếng, tiếng là chữ, biên viết liên-tiếp mà ý-nghĩa rõ-ràng, không những sự trạng, những nghệ-thuật, học-vấn trong xã-hội đời nay, dẫu về cổ-đại cũng có thể tìm-tòi chắp-nhặt dần-dần rồi ghi-chép lấy để làm khuôn làm phép cho đời sau. Thế mà đương cái thời người mình chỉ biết có một thứ chữ Hán, chỉ sùng-trọng có một thứ chữ Hán, là thể chữ gián-tiếp khó-khăn như cớ thứ hai trên kia đã nói, mà trong văn-giới Hán-tự của người mình cũng chưa có cái sách kỷ-sự tường-tế nào, mà cụ Lãn-Ông cũng cố công chịu khó, ghi chép lấy đôi chút việc mình có quan-thiệp với đời mà bỏ sót đến ngày nay, cho ta được xem mà biết, thì đủ biết tác-giả là người hữu-tâm với thiên-hạ hậu-thế là dường nào.

Từ khi tôi mới được đọc văn du-ký này của cụ Lãn-Ông thì tôi muốn đem dịch ra quốc văn ngay, nhưng tôi còn e lời dịch-văn của tôi còn non-nớt, không đủ thấu-triệt được hết cả tinh-thần của nguyên-văn; may gặp dịp Phạm Thượng-chi tiên-sinh đi tảo-du về, tiên-sinh đang nhiệt-tâm những sự-trạng và những di thư của tiền-nhân ta, mà dịch ra quốc-văn để gây dựng lấy cái nền văn-tự cho nước nhà. Bởi vậy tôi có đem trình tiên-sinh duyệt cho một cuốn truyện cụ Lãn-Ông bằng quốc-văn mà tôi mới biên-dịch ra, thì tiên-sinh vui lòng nhận ngay mà cho đăng lên báo-chương, và chính cái tên « Một nhà danh-nho và danh-y nước ta ngày xưa : Cụ Lãn-ông » của cuốn truyện ấy là Phạm tiên-sinh mệnh-đề cho, là vì thích-hợp với cái chủ-nghĩa của tiên-sinh trên nọ, nên tiên-sinh mới lượng-thứ cái lời văn quê-mùa đi cho tôi. Vậy nay tôi lại thừa dịp mà dịch luôn cuốn du-ký của cụ Lãn-Ông này, xin hải-nội chư-quân-tử cũng đồng một ý cao như Phạm tiên-sinh đối với cuốn truyện cụ Lãn-ông của tôi, nghĩa là vì người trong làng văn mà rộng dung cho cái lời viết văn vậy, thì tôi lấy làm may lắm. Nay kính-tự.

Dịch-giả kính đề bài tự-tự ở trên sân nước lụt trong nhà Hải-nam thư-hiên.

N. T. T.

* * *

Phàm-lệ

1· — Nguyên-văn không có chia ra từng chương từng tiết, từ đầu đến cuối quyển chỉ nói liên một hơi, người mới đọc bất-miễn lấy làm lan-man mà khó tổng-quát được mạch-lạc. Bởi vậy nay cứ xét trong văn-lý, hễ hết một việc và một mạch, thì ngắt ra làm một chương và đặt thêm một cái tên chùm đầu chương, để giúp cho độc-giả dễ hiểu. Nhưng cái tên chùm đầu chương mới đặt thêm và cái số chương là tự dịch-giả thêm vào, chứ không dám cải cái cốt-cách của nguyên-văn đi vậy.

2· — Trong nguyên-văn có ba phần là : thơ, ký và y-án, mà thơ với ký là thuộc về khoa văn-học phổ-thông, ai xem cũng hiểu và cũng thích xem. Còn như y-án thì thuộc về chuyên-khoa, phi những nhà chuyên-môn thì không hiểu được và cũng không thích xem. Bởi vậy những chỗ nói về bệnh-lý và đơn thuốc thì xin lược đi một đôi câu để cho chú-trọng về một khoa văn-học; nếu những nhà y-sĩ có muốn tra-cứu cho tường về khoa y-học của cụ Lãn-Ông, thời đã có nguyên-thư.

Hai điều phàm-lệ trên này : điều thứ 1 thời đứng vào địa-vị tiểu-chú ; điều thứ 2 thì chỗ nào lược đi có đánh dấu và chua

một chữ « lược », dịch-giả phải kính-cẩn như thế, là muốn cho văn-lý được hiển-minh thêm và văn-thể được thuần-nhất mà đối với nguyên-văn không có hại gì vậy, xin duyệt-giả thứ lỗi cho.

3° - Nguyên tác-giả chép việc du-lịch có quan-thiệp với các bậc quốc-vương đại-thần đương-thời, cho nên nói đến những bậc ấy chỉ nói cái tôn-hiệu hay là quan-chức mà thôi, chứ không nói tên. Như đầu sách nói niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 43 là niên-hiệu vua Hiển-tôn 顯宗 nhà Hậu-Lê mà sau nói « Thánh-thượng », nói « Ngự-sàng » thì thường ngờ là vua Lê. Lại một vị đương-quốc đại-thần mà chỉ nói quan « Chánh-đường » mà thôi. Như thế người đời sau xem văn mà không tra-cứu đến những thời-sự và nhân-vật đương-thời, bất-miễn mang-nhiên không hiểu đầu đuôi cái việc du-ký ấy. Mà đã không hiểu thì tất không lĩnh-hội được cả cái tinh-thần lập-thân hành-đạo của Lãn-Ông tiên-sinh là thế nào nữa. Bởi vậy dịch-giả đã gia-công tra-cứu những thân-thế sự-nghiệp của tiên-sinh và những thời-sự nhân-vật có quan-thiệp đến tiên-sinh, biên-tập làm một chuyện ký của tiên-sinh mà giới-thiệu lên trước, xin duyệt-giả tham-quan cho tiện (1).

I

Giả cố-sơn vâng ra kinh-quốc

Năm nhâm-dần, niên-hiệu Cảnh-hưng 景興 thứ 43 (1781), tháng Mạnh-xuân, lúc đó trời quang mây tạnh, hoa cỏ đua tươi, ở trước sân nhà U-trai của tôi, có mấy cái cây đang ra hoa kết quả, tuyết rủ hương bay, tha-thướt bóng tà, hình như mĩ-nhân đâu vơ-vẩn. Những con *đống-đao* 凍蛟 thời bò ra từng đàn, thỉnh-thoảng có mùi dị-hương. Dưới ao bình-trì về mé tây-viên thời cá thung-thăng đợn sóng rẽ ăn vòng nguyệt. Mấy con oanh vàng líu-lô và thấm-thoắt đưa thoi trong cái bụi rậm um-xùm kia, càng tỏ ra có cái ý sinh-dục của tạo-vật. Trong những khi ấy : có lúc thì tôi dắt mấy tên đồng lên chơi núi, tha-hồ ngắm cảnh yên-hà mà giải-trí ; có lúc thời tôi ngồi câu ở Nghinh-phong-đình 迎風亭 ; có lúc thì tôi dạo cung cầm ở Tị-huyên-lư 避喧廬 ; có lúc thì tôi xem sách ở Tối-quảng-đình 最廣亭 ; lại có lúc thì tôi đánh cờ rồi ngủ ở Di-chân-đường 頤眞堂 ; tùy ý tôi thích chơi đâu thì chơi, ngày nào cũng chén say là-cà ra rồi mới về. Đến ngày 12 tháng ấy, bỗng thấy hai người dịch-mục của quan Thự-trấn 署鎮 bản-xứ sai về, mới tới sân thì hai người cùng nói lên rằng : « Cụ lớn tôi có lời mừng cho cụ », tôi chưa hiểu ra việc gì, bèn bóc phong-thơ ra xem, thì thấy có hai đạo văn-thư như sau này.

Một đạo là bản sao lời chỉ truyền rằng :

« Quan Nội-sai-binh-phiên Trạch-trung-hầu 內差兵番澤忠侯 phụng lời chỉ này mà truyền cho quan Thự-trấn xứ Nghệ-an là Côn-lĩnh-hầu 琨嶺侯 phải thăm hỏi cho được một người tính-danh là Lê Hữu-Trác 黎有卓, tục gọi « Chiêu Bảy », con quan tiền Thượng-thư họ Lê, làng Liêu-xá 遼舍, huyện Đường-hào 唐豪 ; nay vào ở quê mẹ làng Tinh-điềm 情甜, huyện Hương-sơn ; rồi phải lượng sai lính trấn-binh tức-khắc đưa tiến kinh thi-mệnh.

« Nay chỉ truyền

« Ngày 29, tháng 11, năm Cảnh-hưng thứ 42 »

Một đạo là thủ-thư của quan Thự-trấn đưa mừng tôi, đại-lược rằng :

« Một người học-trò ở nơi thảo-dã, mà nhất-đán danh tiếng đạt đến Cửu-trùng, thời thực đáng nên mừng-rỡ

(1) Xem *Nam-Phong* số 69-70.

cho con đường tiền-trình muôn dặm kia là đường nào. » Lại « *Vương-mệnh bất-sĩ-giả* 王命不俟駕 phải tức-nhật đăng-trình ngay, ra đến Vĩnh-doanh 永營 đã có lính trấn-binh đón cả ở đó để tiến-hành ».

Một người đem tin ấy lại bảo thầm tôi rằng : « Việc này là bởi quan Chánh-đường 正堂 cử-tri cho cụ vào thăm ông Đông-cung-vương-thế-tử bị bệnh nặng đã lâu. Chuyến đi này không phải việc thường, phải bội-đạo mà đi, bất-phân mộ-dạ mới được ».

Tôi biết chuyện đầu đuôi rồi, kinh sợ vô-cùng, ngẩn người ra như thằng si thằng ngốc đến một giờ lâu, người trong nhà nghe thấy, kẻ biết tôi thì họ lo thay cho tôi, kẻ không biết tôi thì họ mừng thầm cho tôi, không còn phải bàn đến cái việc của những bọn người nhà họ làm râm-ran cả lên một hồi bấy giờ nữa.

Nguyên quan Chánh-đường về hồi 4, 5 năm trước, ông phụng-mệnh ra trấn Hoan-châu 驩州 có mời tôi xem mạch và chữa thuốc, ông đãi tôi là bậc thượng-tân, ăn cùng mâm, ngồi cùng chiếu, lễ-ý rất là long-trọng. Sau ông có cái công bình được bọn hải-khẩu, về triều làm đến Tam-công 三公, tín-dụng không ai bằng. Tôi nghe tin mấy năm nay vẫn lấy làm lo canh-cách ở trong lòng, thường nói chuyện với học-trò rằng : « Tôi chắc thế nào cũng phải một phen lao-lục vào huyền-điện ở chốn Kinh-kỳ mà phụ với cỏ hoa chốn cố-sơn này chớ chẳng không. » Đến ngày nay sự-thế quả như thế, tôi cũng ân-hận cho tôi đi ẩn chưa được kín. Tuy-nhiên, ông là người có tài-đức như ông Cơ-công 姬公 ngày trước, đối với những người thiên-hạ chi-sĩ, ai ông cũng đãi một cách khiêm-cung tử-tế, nữa là ông đối với tôi. »

Bấy giờ có người giải-muộn cho tôi rằng : « Ông là một người uyên-súc và tinh-thâm về cái học tính-mệnh, không làm nên một nhà lương-tướng thì cũng làm nên một nhà lương-y, đã đành cái sự sản-thái mai-quang, vẫn là cao-thượng, nhưng nay cửu-trùng tri-ngộ, tứ-hải nghe danh, thì lại không phải là cái việc của kẻ trượng-phu đáng nên làm hay sao ? » Tôi ngẩn-ngừ mà trả lời rằng : « Vị hoa nên người ta hái, vị hư-danh nên phải lụy mình. » Vậy thời căng-danh sao bằng đào-danh có thú hơn không ?

Bấy giờ tôi bất-rứt không biết là đường nào, suốt đêm không ngủ, tự nghĩ thầm trong bụng rằng : « Mình lúc thiếu-thời mài gươm, đọc sách, rồi phiêu-dãng chốn giang-hồ, chốc ngoại mười-lăm năm, đã không sở-đắc được một cái gì, sau vất bỏ cả công-danh ra ngoài về ẩn-cư ở dưới núi Hương-sơn này, vừa nuôi mẹ, vừa xem sách cho được tiêu-dao trong cái vườn đạo-lý của ông Hiên ông Kỳ, mà tự lấy cái sự bảo-thân tế-thế làm đắc-sách, hay đâu nhất-đán bị cái hư-danh nó làm lụy cho mình đến thế này. » Nghĩ chán rồi tôi lại tự an-ủi lấy cho tôi rằng : « Mình khốn-tâm hành-lự về một khoa y-học đã ba-mươi năm nay, tập được một bộ *Tâm-lĩnh* 心領, muốn đem vấn-thế, nhưng việc cả, nhà nghèo, khôn lẽ làm cho xong việc, vậy xin quỉ-thần cảm-cách cái tấm thành-tâm này cho, thì chuyến đi này chắc có chỗ tao-ngộ cũng chưa biết chừng » Nghĩ quanh tính quẩn như thế rồi bất-giác mừng hớn-hở cả người lên, bèn ra tiếp-đãi hai người lai sứ và viết một phong-thơ để trả lời quan bản-trấn. Ông vốn là người tương-tri với tôi, ông muốn làm tờ khải để nói thay cho tôi, nên tôi phải kể cả cái sự tôi đã suy-lão rồi, xin ông chước-miễn đi cho. Hôm sau quan bản-trấn lại sai một tên thuộc-vệ đem một lá phiếu về, trong phiếu nói rằng : « Bản-chức đã vát-thủ những thuyền-

chích để đi duyên-giang cho tới trạm, vậy ông phải khởi-thân ngay, nếu còn trì-duyên thì sẽ can-hệ. » Mà kẻ trong nhà tôi chúng nó cũng cố hết sức khuyên dỗ tôi, tôi biết thế-bất-đắc-dĩ, tức thì đạt giấy cho bọn đạo-đồ hợp lại ; ngày mười-tư làm lễ tiên-thánh, tiên - hiền, rồi hát một chầu ; ngày mười-sáu bọn đạo-đồ thấy tôi có việc viễn-hành lại bày một tiệc hát nữa ; ngày mười-bảy tôi sắp-sửa nửa quảy đồ-thư, một bên cầm-kiếm, cho đem xuống thuyền để đi đường thủy ra Vĩnh-dinh. Bấy giờ tân-khách đến chơi đông một nhà, kẻ thì xin thuốc, người thì tiễn tiền, dùng-dằng chẳng nỡ chia tay, mãi đến lúc mặt trời đã xế non đoài mới nhổ sào xuôi, lúc đó tôi ngồi ở trong thuyền, đối-cảnh hàm-tình, lòng khách chứa-chan không biết là chừng nào, mới ứng-khẩu đọc ra một bài thơ rằng :

流 水 何 太 急。
行 人 意 欲 遲。
Nước chảy đâu mà vội,
Hành-nhân vẫn lững-lờ.
羣 山 分 岸 走。
一 棹 劈 烟 飛。
Trèo đèo lên đám khói,
Núi chạy rẽ đôi bờ.
沙 雁 親 如 送。
遊 魚 急 欲 追。
Cá sông đưa tất-tả,
Nhạn cồn tiễn ngẩn-ngơ.
雲 間 香 積 樹。
太 半 已 斜 暉。
Mây ám cây Hương-lĩnh,
Bóng hôm nửa rõ mờ.

Đêm hôm ấy, thuyền đi dưới bóng trăng, trông ra làng-mạc hai bên bờ sông đều im-ả cả, thỉnh-thoảng tiếng chó sủa theo tiếng thuyền đi, một vầng minh-nguyệt, vắng-vặc lòng sông; đôi ngạn hải-trào, mênh-mông bến khách ; chuông nện chùa xa văng-vẳng, sương sa bụi dặm mịt-mù ; mấy ngọn ngư-đăng hiu-hắt, vài đôi âu-lộ sóng bày Bọn đạo-đồ tùy-hành ai nấy đều mượn chén tiêu-sầu. Tôi bèn ngâm một thiên tiểu-luật để tự-tình rằng :

一 江 烟 水 靖。
客 思 滿 問 河。
Một dải sông quang tạnh,
Xui lòng khách chứa-chan.
風 重 征 帆 急。
霜 深 去 雁 斜。
Gió mạnh buồm xuôi chóng,
Sương mù nhạn rẽ ngang.
寒 山 來 夜 聲。
遠 浦 出 漁 歌。
Véo-von chài viễn-phố,
Lanh-lảnh khánh hàn-san.
今 夕 猶 如 此。
明 朝 且 奈 何。
Ấy cảnh đêm nay thế,
Mai biết đâu mà bàn.

Gà gáy đến Vĩnh-dinh, cắm sào trước bến đi nghỉ được một chốc. Sáng mười-tám đồ bộ, vào yết quan Thự-trấn thì ông đợi tôi đã mấy hôm, nhân nhà ông có tiên-kỵ, nên ông phải về nhà quê rồi, chỉ dặn lại người thuộc-viên sắp-sẵn lính bản-dinh với năm quan tiền để cung bản - phí mà nói rằng : « Quan tôi có tiên-kỵ phải về nhà quê không kịp tiếp cụ, có chút vi-thành này xin cụ tỏ tình cho. » Quan Thự-trấn lại phái một quan Văn-thư đem ba-mươi tên lính bản-đạo và sắp đủ khẩu-lương để đi hộ-tống. Ngày hai-mươi quan Văn-thư sửa-sang hành-lý đăng-trình, nhưng bọn lính tùy-hành ấy chưa đủ lương, còn phải đi vay giật, mãi đến quá trưa mới trầy

được. Tôi nghỉ ở trạm xã Kim-khê 金溪 quan Văn-thư làm lễ vào yết miếu ở làng ấy ; ông có đặt một tiệc hát mà cho mời tôi, tôi đến thì thấy một « cô đồ g » đang hầu giá nhà thánh ngồi trên sập, vừa đảo vừa đang lẩm-nhẩm nói, có người bảo tôi rằng : « Thánh-mẫu đây linh-ứng lắm, cụ thầy nhân vô Kinh, có muốn cầu việc gì thì sao không ra mà kêu ngài. » Tôi nói : « Phàm ai cũng cầu lấy cái sở-đắc, chứ có ai cầu lấy cái sở-thất, bụng tôi không có nguyện-đắc cái gì, thì còn cầu mà làm chi. » Cô đồng nghe nói tủm-tỉm cười, quan Văn-thư cũng trông tôi cả cười. Nửa đêm tan tiệc, ai nấy đều về nhà trọ nghỉ, sáng sớm tinh sương ngày hai-mươi mốt chúng tôi khởi-hành, bấy giờ gặp trận mưa dầm tầm-tã, một tụi hành-nhân rét-mướt quá thể, mà trông lên đàng trước mặt thì núi san-sát dãy dài hàng mấy trăm ngọn, đường đá gập ghềnh, tôi thấy đường đi bạt-thiệp gian-nan như thế, bất-giác buột miệng ngâm ra một câu rằng :

南望千山如黛色。
愁君客路在其中。

Trời nam sắc nước như chàm,
Thương anh lẻo-đẻo dặm đàng còn xa.

Đường đi qua Cấm-sơn 禁山, sang đò Cấm - giang 禁江, tới bến Thiết - cảng 鉄港. Lúc đó hơi mặt bể, khói đầu non, bốc lên nghi-ngút, thực như câu :

Núi này trăm sáu ngọn cao,
Chẳng hay sư cụ nẻo nào ra vô.

Độ trong vài bước mà không ai trông thấy ai, chỉ nghe tiếng chim kêu vượn hót ở trên tầng mây, nhác xem cái thú sơn-lâm ấy, hình như có ý khiến cho tôi phải đối-cảnh sinh-tình mà có điều cảm-súc thầm ở trong bụng rằng : ba - mươi năm nay, cái đám lợi-danh kia, mình đã buông theo với dòng lưu-thủy, để cho được ưu-du trong cái chỗ suối rừng, lấy một chữ *nhàn* làm đắc-sách ; ai hay đã không có cái bụng lợi-danh mà lại hóa ra làm cái thân danh-lợi thế này, thật chỉ vì mình không chân-độn được nên mới phải thế, nhân cảm-hoài nên một bài thơ để dãi lòng rằng :

只慮滿半綸林不遜
恐名山擔絳泉知世
疎自猿烟羅欲爲從
狂揣鶴霞辭了富醫
對無逆劳萬三豈養
聖他征驛里生知一
君。秘。人。馬。身。道。貧。眞。

Nương-náu nghề y để dưỡng-chân,
Nghĩ chi là phú nghĩ chi bần.
Suối rừng quanh-quẩn khuây vì đạo,
Chiếu mệnh xa vời phải dấn thân.
Nửa gánh yên-hà thêm nhọc trạm,
Đầy ngàn viên hạc rộn đưa chân.
Biết ai đâu nữa mà mang tiếng,
Luống sợ sơ-cuồng trước thánh-quân.

Tối hôm ấy đến chợ Đông-điệp 東疊 nghỉ lại,... (lược)... — Sáng mai tôi cho một tên tùng-nhân đến cáo với quan Văn-thư để bọn chúng tôi đi trước, mà hẹn đến trạm chợ Hoàng-mai 黃梅 thì cùng nghỉ, vì quan Văn - thư nhân có việc quan chưa xong, còn phải đóng lại ở đó, nên y vâng lời ngay. Ngày hai-mươi-hai tôi đưa bọn tùng-nhân đi trước, ra mé tây núi, núi ấy một dải liền-liền nhau, ngọn thì ẩn, ngọn thì hiện ở trên đám mây trắng, lại có mấy quả núi nhỏ li-quần mọc ra bên đường, bóng chiều phơn-phớt hoe-hoe ánh ra ngoài đồng bằng. Tới núi Long-sơn 龍山 thì thấy một chỗ độ một cung đất, trong

có những cây cổ-thụ um-tùm, dâm-dâm man-mát, thật là xinh thay ; đá cuội thì thâm-thấp như cái dẳng bày hàng tề-chỉnh. Tôi mới cho đỗ cáng lại ở đó để đi du-ngoạn một lát, nhân đề một bài thơ lên vách đá rằng :

依山崗作寺。
傍石架山鐘。
Chùa dựng bên sườn núi,
Chuông cheo mỏm đá hòn.
細雨描春草。
明霞落晚松。
Mây quyến thông già rụng,
Mưa vờn cỏ xuân non.
人吟殘照裏。
鳥語亂林中。
Bóng xế người ngâm-ngợi,
Rừng rậm chim véo-von.
奉詔趨行驛。
勤勞笑懶翁。
Nực cười cho ông Lãn,
Phụng chiếu cũng lon-son.

Đề rồi giục-giã lên đường, đến chợ Hoàng-mai thì chiều hôm nghỉ lại, mà cũng chưa thấy quan Văn-thư đến. Sáng hôm sau tôi sai lính bản-dinh cứ khởi-hành, đến chiều thì quan Văn-thư mới tới nơi, y nói với tôi rằng : « Tôi sợ lính đi đường không đủ dùng, mà số lính quan bản-trấn tôi phụng-mệnh truyền đề kén ở các nơi huyện-thành chưa đủ, nên tôi muốn bắt thêm mấy người nữa để đài-tải hộ vào mà đi cho chững-chạc. » Tôi nói : « Đi đây có mấy hột tiền lương mà phải lo chi việc ấy. » Sáng ngày hai-mươi-ba đi ra cầu Kim-lan-mạn 金蘭蔓橋, rồi đến suối Lãnh-thủy 冷水溪 là cái chỗ Thanh Nghệ giáp-giới nhau, thấy một bọn hành-nhân đứng ở bên đường, trông thấy tôi thì họ đều chào vái ; hỏi ra thì là người ở một làng bên đường đó, họ mới ở Kinh về, tôi cũng dừng võng lại nói chuyện ít lâu mới đi. Lúc đó tôi niềm quê nỗi khách, ngổn - ngang trong lòng, nhân ứng-khẩu ngâm ra một bài thơ rằng :

驛愛分疆地。
羣山互送迎。
Chỗ này giáp Hoan Ái,
Non nước đón đưa ta.
樵歌雲路出。
鳥語谷風生。
Trong hang tiếng chim gáy,
Trên mây giọng tiều ca.
伏石當途立。
遙天斷碧橫。
Đá vằng ngăn trước lối,
Mây biếc chặn đàng xa.
行人說鄉思。
惟我上神京。
Tiến kinh duy có lão,
Còn họ chỉ chuyện nhà.

Ngày hôm ấy trời xuân êm-ả, đường bộ thảnh-thơi, hôm đến chợ Thổ-sơn 土山 trọ lại. Chợ ấy có một cái đồn-binh của trấn Thanh-hoa phân-phái ra đóng trú-phòng ở đó, binh-khí cũng nhiều, thấy bọn chúng tôi họ giữ lại xét hỏi, sau biết chúng tôi đi có phụng-mệnh, họ mới xúm lại xin lỗi rồi lui ra. Ngày hai-mươi bốn, sáng sớm tiến-trình ; bấy giờ mây kéo đen dầm tứ phía, sương khói mù-mịt, gió rét lạnh-lùng, dẫu mặc áo bông dày cũng phải run lên cầm-cập. Đi mấy giờ nữa mới đến bờ bể Hào-môn 豪門 ; trông ra một nước một trời, sóng vỗ mênh-mang muôn dặm. Nhân sực nhớ đến cái việc ông Tần-Hoàng 秦皇 và ông Hán Vũ 漢武帝 khi xưa, phí biết bao nhiêu là tâm-tư, nào cái thuật đánh cho đá phải chạy lồng lên rồi bỏ vào túi vân-nang mà quẩy, thế mà rút cục lại cũng chẳng trông thấy cái hút bóng chỗ Bồng-lai tiên-cảnh ở đâu cả, thì thực là suyễn-mậu

chi thậm ! — Lại cổ-nhân thường cho cái đám quan-trường là nơi hoạn-hải là biết trong chỗ phù-trầm có cái nguy-cơ ; lúc đó tôi vừa hết sức ngắm cảnh yên-ba vừa ứng-khẩu ngâm một bài thơ rằng :

海岸驚行客。
蒼茫萬里秋。
Khách đi trên mé bể,
Ghê trông tít-mù khơi.
波濤震驚極。
雲霧起天樞。
Sóng mênh-mang mặt đất,
Cơn ngùn-ngụt chân trời.
浴日千重浪。
隨風一葉舟。
Nước lau vầng nhật xế,
Gió giục chiếc thuyền bơi.
古人嗟宦海。
深意在沉浮。
Ý thâm chữ hoạn-hải,
Là chìm nổi đòi nơi.

Hôm ấy quan Văn-thư sai chọn ba cái mảnh để sang cửa Cự-nham 巨岩 mà đồ bộ, vào chợ Hàng-cơm trọ lại; ngày hai-mươi-nhăm đi lên con đường thượng-đạo mà con đường hạ-đạo thì là cửa bể Thần-phù 神符, qua mấy chỗ tôn-lăng tôi đều xuống võng đi bộ, tối đến một cái chợ nghỉ lại ; sáng hai-mươi-sáu ra đi, chiều hôm sang đò Đài-xước 臺 至 đến chợ Huyện nghỉ-ngơi, ăn cơm chiều, bỗng đâu thấy một người ăn bận mũ áo thầy tu, tay cầm gậy trúc đi đến, xem ra có vẻ phiêu-nhiên xuất-trần, tôi lấy làm lạ, mới hỏi chủ hàng, chủ hàng nói : « Người là trụ-trì-tăng ở chùa bản-tự trên núi đấy, người xem bói hay lắm. » Tôi liền cho tên dược-đồng ra mời vào hàng, phân chủ khách ngồi xong, tôi nói : « Tôi nghe tiếng sư cụ người đây, thâm-minh về Dịch-lý, tôi muốn nhờ người xem cho một quẻ về con đường tiền-trình thế nào, có nên chăng ? » Nhà sư không hề từ trối, trả lời ngay rằng : « Nay quan muốn xem việc gì thì cứ thành-tâm mà xem là linh-ứng ngay. » Tôi bèn kể đầu đuôi cho nhà sư nghe ; nhà sư nghĩ độ một phút rồi nói to lên một câu rằng : « Quẻ này tốt lành lắm, đích là một việc phi-thường. » Tôi nói : « Quân-tử hỏi điều dữ chứ không hỏi điều lành, có thế nào người cứ nói thực. » Nhà sư nói : « Tôi xem quẻ này là quẻ « *Nguyên-thủ* », có cái tượng « quân minh thần lương »; trong quẻ : hào Chu-tước 朱雀 thừa vượng, hào Thanh-long 青龍 cư trung ; hào Bạch-hổ 白虎 cư mạt, Quí-nhân 貴人 lâm vào bản-mệnh, Dịch-mã 驛馬 ứng vào hành-niên, quẻ này đích là cái điềm được trung-triệu, ba lần truyền mà nhật can 日干 thời-chi 辰支 cùng được lục-hợp, thật là cá nước duyên ưa, rồng mây gặp hội, tốt lành lắm ! Nhưng chỉ hiềm hào Bạch-hổ nó nhập tù thì lo lúc vào đến Kinh lại bị bệnh.» Tôi nghe nói nghĩ thầm trong bụng rằng : « Người này hình-mạo thì nham-cổ mà học-thức thì tinh-vi, chắc có cái kiến-thức xuất-nhân, nhưng chỉ hận rằng gặp khí muộn quá, không dò được hết chỗ uẩn — để của người ta. » Tôi mới kể qua đầu đuôi cái chuyện thực của tôi một lần và nói rằng : « Chỗ tôi ở tuy là một nơi rừng hang hẻo-lánh, nhưng cái thú u-nhàn, trăng mặt bể, mây đỉnh non kia lưu-luyến đã thành ra nghiện mà không thể rời ra được, không biết bao giờ tôi lại được phản-hồi chỗ đó cho được giong chơi với bầy mi-lộc, đối-thoại với bọn ngư-tiều ở dưới bóng tịch-dương ấy ? » Nhà sư nghe tôi nói cũng ta-thán mãi mà rằng : « Miếng cao-lương làm mê cho tạng-phủ người ta, sao người ta thì mê mà chỉ có một ngài đây là tỉnh như vậy ? Tuy-nhiên,

quẻ này xem ra «chủ khách vinh-vượng, thượng-hạ sinh-hợp », nên chưa đoán được quan bao giờ được về.» Tôi nghe thôi thở dài mấy tiếng, rồi sai tên dược-đồng lấy tiền ra hậu-tặng nhà sư; nhà sư kiên-từ và cười rằng: « Quan đi đây, xin ngài chỉ cho nhà chùa tôi vài chén kinh-tửu là đủ.» Tôi liền sai người tùng-giả ra hàng mua một hồ rượu ngon đem lại; nhà sư mừng lắm, hai tay nâng lấy mà rót ra đầy một cái bát lớn, cũng chẳng hỏi gì đến đồ nhắm, há ngay miệng ra mà nốc một hơi như long cuốn thủy cho rõ hết, rồi nhổ nước dãi xuống gầm giường mà khen lên một tiếng rõ to rằng; « Ngon !...». Đoạn rồi chào tôi mà từ-biệt. Bấy giờ tôi mới ra lên một cái đò đồng để đi, đến chiều tới chỗ trọ, quan Văn-thư đi đến chỗ nhà trọ tôi bảo tôi rằng: « Cụ với chúng tôi đi chuyến này là việc công-sự rất khẩn-yếu, thế mà mỗi ngày đi không được năm-mươi dặm; trong lời chỉ-truyền bữa nọ nói rằng: Ngày mồng mười đến Vĩnh-dinh, ngày 11 tới nhà cụ, mà nay gần nửa tháng rồi, đường trường còn những sáu bảy ngày nữa, trì-duyên như thế, lúc vào trình tôi lấy làm ngại lắm; xin cụ liệu chọn lấy những người lính nào cường-tráng cho bội-đạo đi suốt ngày, đêm khuya sẽ nghỉ; còn những người lính nào yếu đuối thì cho ở lại. » Tôi cười mà rằng: « Bác cần gì việc ấy, tuy chỉ-truyền rằng mười một đến nhà tôi, nhưng tôi còn đi chữa thuốc vắng, quãng đó lại còn phải đi tìm tôi mất mấy bữa; sau đi thì lại bị dọc đường mưa gió ngăn trở, như thế tưởng có mọc cánh ra hôm nay cũng vị tất đã tới nơi được. » Ông quan ấy cười mà rằng: « Rồi cũng phải thế mới xong. » Nói thôi pha trà uống mà đàm-tiếu với nhau, đoạn đều về nhà trọ nghỉ; gà gáy ngày hai-mươi-bảy giục nhau ra đi, quãng đường ấy tinh những núi non bao-bọc, mù-mịt khói mây, bầy hươu cái thấy tiếng người đi mà chạy bổ lên; đàn chim đang ngủ trên cành nghe tiếng người nói chuyện mà bay vọt ra; đó là ngàn Ba-đội 巴隊. Lên đến đỉnh ngàn mới thấy nhó bóng chiêu-đôn, sương tan chưa hết, một tụi hành-nhân áo quần ướt-thướt cả; tôi mới cho đóng lại vào một cái quán bỏ không trên đỉnh ngàn, để đánh lửa hơ áo và sưởi và sai tên tùng-nhân lau một hòn thạch-bàn, tôi bèn ngồi lên thạch-bàn tựa vào cành lá dưới gốc cổ-thụ, rồi gọi dược-đồng đun nước pha trà, nhà bếp thì đi làm bữa tảo-phạn mà cho mời quan Văn-thư đến chén với tôi. Đang khi dăng-cao vọng-viễn, cái ý-thú nó làm cho tôi lai-láng không biết là chừng nào, tôi vừa toan đọc một đôi câu cổ-thi để khiến-hứng thời bất-giác buột miệng đọc ngay lên rằng:

雲橫秦嶺家何在。
Mây ám non Tần nhà khuất nẻo.

雪擁藍關馬不前。
Tuyết phong ải Bắc ngựa lùi chân.

Ngâm thôi dường như có điều súc-động bên lòng, lẳng-lặng chẳng muốn nói-năng chi nữa, quan Văn-thư thấy tôi ra dáng buồn, y cười mà rằng: «Ở đây cỏ hoa đua nở, riêng một càn-khôn, chẳng khác gì cái phong-vị ở Hương-sơn, mà sao cụ súc-cảnh sinh-tình, dường như không được vui, cụ lầm rồi, chứ sĩ-quân-tử ở đời có hai cách là *xuất* với *xử*, xử thời lấy đạo mà tự-lạc, xuất thời lấy đạo mà tế-thời, cụ náu hình ở nơi thâm-sơn cùng-cốc, mà nhất-đán trên cửu-trùng biết tiếng, quan đại-thần trọng-đãi, thực là một dịp kỳ-phùng hiếm có đó, chớ sao cụ lại thế ? » Tôi nói: « Quí-hầu dạy quá lời, khiến cho người ta thêm thẹn. Cổ-nhân người ta tài cao học rộng, uẩn-súc kinh-luân, cho nên lúc xử thì

mai-quang sản-thái, lúc xuất thì trí-quân trạch-dân, chớ như tôi đây học-hành lõm-bõm, tài-trí hẹp-hòi, đã vô-dụng với đời, may vớ được một cái bạc-nghệ để tùy-thân là tốt, còn ngờ đâu nhất-đán thế này, thật là không xứng, chứ còn gọi là may thế nào được.» Quan Văn-thư nói: «Tôi đã vẫn được thấy quan tôi những lúc nhàn-đàm nói đến chuyện cũ, ý giả cụ là một nhà cao-ẩn mà mượn cái tiếng làm một ông thầy thuốc đấy thôi.» Tôi cười mà rằng: «Có lẽ đâu thế.» Quan Văn-thư lại nói: «Cái trí cụ nó như sắt như đá, tôi không dám nói nữa, nhưng tôi nghe thấy tiếng cụ làm được nhiều thơ hay lắm, tôi xin cụ cho nghe một đôi lời vàng ngọc, tôi cũng xin nối điêu lại để bày cười mà giải muộn cho cụ, có nên chăng?» Tôi mừng mà rằng: «Khách ôm cầm chỉ khổ vì không có tri-âm, cái khúc Cao-sơn Lưu-thủy kia ông đã hiểu rồi đấy chớ.» Liền gọi đồng đem văn-phòng tứ-bảo lại, tôi xướng trước lên một bài rằng:

繡 每 吟 裘 螺 烟 人 一
綣 逢 詩 若 髮 環 從 百
辰 勝 幽 霜 浮 沈 三 六
餘 景 鳥 花 青 綠 級 峯
始 爲 向 領 赴 橫 上 嵐
過 詩 人 粉 海 天 雲 霧
溪。累。嘯。汗。西。北。梯。迷。

Núi trăm sáu ngọn khí mơ-màng,
Nhẹ bước đường mây bậc bậc thang.
Ngàn bắc đen dầm mây cuồn-cuộn,
Bể tây xanh ngắt nước mênh-mang.
Ngâm thơ chim bụi theo vần họa,
Pha nước sương hoa rỏ giọt nhang.
Lòng thơ những mến nơi danh-thắng,
Bên suối giờ lâu mới lội sang.

Viết xong đưa cho ông họa, ông xem đi xem lại bốn năm lần, rồi tán-thán rằng: «Thơ cụ thực như những bài *Bạch-tuyết* 白雪, *Dương-xuân* 陽春, khó họa lại lắm, xin để tôi cố nghĩ mà bòn nhặt ở trong cái khô-trảng này mấy bữa nữa cho kỹ rồi mới dám hiến-sú lại.» Bây giờ chúng tôi mới dắt nhau hạ-sơn. Chiều hôm ấy tới trạm chợ Vân-sàng 雲床市. Ngày hai-mươi-tám đến trạm Khương-kiều 薑橋; ngày ba-mươi đến trạm Thịnh-liệt-kiều 盛烈橋, quan Văn-thư mới bàn với tôi rằng: «Trong *khải* này nói: ngày mấy thì tiếp được lệnh truyền, ngày mấy thời khởi-trình, ngày mấy thì tới nơi. xin cụ xem qua thể-thức để lúc vào hầu mà liệu.» Nói rồi đưa tờ *khải* cho tôi mà cười rằng: «Nhất-nhất cứ xin y như lời kế-hoạch của cụ đã bày ở dọc đường, nhưng chiều mai thì ta cùng đến cả ở dinh quan Chánh-đường, xem công-việc thế nào.» Hẹn-hò tử-tế rồi ai nấy về nhà trọ nghỉ, mai quan Văn-thư đi con đường bên tả qua làng Nhân-mục 仁睦 rẽ sang con đường Hoàng-mai 黃梅 qua cầu Chiền 樟橋 vào thành. Còn bọn tôi có tên Tòng Thuần là học-trò đi theo nói với tôi rằng: «Năm trước con có một người bạn tâm-giao tên là Sự con một chú bắc-khách, về ở quê mẹ Lai-triên-ngung 來朝隅 tức là Hiến-nam-cung 獻南宮; nay di-cư sang cửa tây Khương-đình 姜亭, làm nghề thầy-thuốc, con thấy anh ấy là người chân-thành hiếu-hữu, con có cho anh ấy một bộ *Tâm-linh* của thầy, tự đó anh ấy đêm ngày học tập không lúc nào tay rời quyển sách ra, học-thuật ngày càng tấn-tới, nổi tiếng trong đất kinh-thành, anh ấy thường phàn-nàn rằng: Chỉ chiêm-ngưỡng mãi ngoài dặm nghìn mà không được tới chỗ cung-tường nhà thầy, vẫn định vào đến

Vân-hương mà bái-yết, nhưng ngặt vì còn chút mẹ già, không có thể đi xa được, bởi vậy anh ấy có đặt một cái ban để thờ sinh-vị thầy, khuya sớm đèn nhang, gọi là báo đức, hay đâu trời cũng chiều người mà cho anh ấy bây giờ lại được hầu gần thầy ; vả lại từ nhà anh ấy vào thành cũng chỉ vài dặm mà con đường ấy cũng ngang với con đường cầu Chiền, nên con muốn đến báo tin cho anh ấy biết, thầy dạy thế nào ? » Tôi thấy nói con người có nghĩa mà ưng cho. Tổng Thuần vâng lời đi trước, tôi thì đi theo con đường bên tả, mới được hơn dặm đất, đã thấy anh ta ra nghênh-tiếp ở bên đường quan-lộ, thấy tôi anh ta mừng - rỡ không biết là chừng nào, mời vào nhà trong bái-tạ, kể hết cái tình khao-khát bấy lâu, tôi nghỉ lại một đêm, anh ta khoản-đãi rất hậu, tôi bảo anh ta rằng: « Hà-tất phải làm như thế. Nay có quan hộ-tống (Văn-thư) đã hẹn với tôi ngày hôm nay thì cũng gặp nhau cả ở dinh quan Chánh-đường, việc là việc khẩn, vì dọc đường gió mưa ngăn-trở, nay mới tới đây, không còn trì-hoãn được nữa, nhưng tôi về ở chỗ sơn-lâm, bao nhiêu đường lối trong thành-đô quên mất cả, vậy nhờ ông đưa giùm cho. » Lại pha trà uống xong, chúng tôi khởi-thân ra đi, thầy Sự đi dẫn đường, qua cửa Vũ-quan 武關 vào cửa thành đó có một cái thổ-thành cũng không cao lắm, ngoài thành có một dẫy nữ-tường, trên mặt tường chạy ngựa được, ngoài tường chôn rào tre kín mít, dưới bờ rào có hào sâu, trong hào thả chông, xem ra thập-phần kiên-cố lắm ; lại đặt ba lần vọng-canh, lần nào cũng có lính đứng sắp hàng hai bên, gươm mác sáng quắc như tuyết, lính canh thấy bọn chúng tôi đi có đeo đồ binh-khí thì họ giữ lại tra hỏi ngặt lắm. Khi biết đoan-đích và nhận thấy hiệu có lính trấn-binh Nghệ-an, họ mới cho đi, chúng tôi bèn vào hàng tạm nghỉ. Nguyên chỗ này là nơi khi tôi còn bé đã từng trọ học, tôi mới chống gậy đi nhàn-bộ ra chơi khắp chung-quanh, xem phong-cảnh cũ, tuy hồ-sơn y-cựu mà phật-điện, đình-đài, quan - xá, quan-cư, nhất-nhất khác cả phong-dạng ngày trước, người đi kẻ lại như nêm, ngựa xe rộn-rã, tôi càng thêm cảm-khái, bèn tự-hoài một bài thơ rằng :

今少趨粗樓衣偶落
日辰陪率館冠隨魄
重歷著染亭文丹江
來歷對成臺物詔湖
半嬉玉山接生入三
不遊堂野遠中長十
然。地。仙。性。天。土。安。年。

Lưu-lạc giang-hồ ba chục niên,
Bỗng vâng chiếu-chỉ lại Trường-yên.
Đình-đài lâu-quán trời thâm-thấp.
Văn-vật y-quan đất dồi truyền.
Trót quen thô-suất nơi rừng rú,
Những thẹn su-bồi chốn cửa tiên.
Trải xem những thú chơi khi nhỏ,
Quá nửa ngày nay đã biến-thiên.

Ngâm xong tôi lại lên võng đi, từ cửa cung Khánh-thụy 慶瑞宮門 qua đình Quảng-minh 廣明亭 tới cửa Đại-hưng-môn 大興門, theo con đường bên hữu đi hơn nửa dặm đến dinh quan Chánh-đường, thấy cửa dinh vừa cao vừa rộng, voi đi cũng lọt, hai bên có điếm túc-trực bày đồ nhung-trang xem nghiêm-chỉnh lắm, lính canh đêm ngày, xét hỏi những người nhàn-tạp. Chúng tôi bèn vào hàng cơm trọ lại, bọn tùng-nhân đi sắm-sửa áo mũ để cho tôi vào sảnh-đường ; bấy giờ trống lầu vừa điểm

canh tư, vào tới cửa sảnh-đường thì thấy đồ nghi-trượng sắp bày sáng lòe cả mắt. Ngoài sân lính-tráng đi lại như chợ, tôi đứng đợi giờ lâu mới hỏi một viên trực-nhật dịch trưởng thì y nói : « Cụ lớn còn ở trong nội-đường, nên không dám vào bẩm ». Tôi lại hỏi một người « Mân-giả » thì y hỏi lại ngay tôi rằng : « Ông có phải là Lãn-Ông làm thầy-thuốc ở Hương-sơn đó không ? » Tôi nói : « Chính phải, nhưng sao quan biết tôi ? » Mân-giả nói : « Thường nghe thấy cụ lớn tôi nói chuyện, lại nghe có thánh - chỉ tuyên-triệu, cho nên tôi biết, ông cứ đợi đây một lát nữa, cụ lớn tôi đi chầu qua đó, thì ông sẽ đón giá mà tiến-kiến cho tiện. » Tôi nghe lời ngồi đợi một lát, quả-nhiên thấy cụ lớn ngài đi ra, thì chúng tôi chạy rạt cả ra nín im thin-thít ; giữa sân đặt một cỗ kiệu, những người cầm đồ nghi - trượng đứng thị - lập cả trước sau, trang-nghiêm lắm, tôi bèn bước dảo đến trước sân để bái-kiến, thì trên tòa vội nói ra một tiếng, lính tranh nhau truyền cho chước miễn và vẫy tôi vào gần, quan Chánh-đường cười mà bảo tôi rằng : « Khởi-trình từ bữa nào, bữa nào tới kinh ? » Tôi thưa hết đầu đuôi rồi quan Chánh-đường ngoảnh lại bảo khẽ một vị thiếu-niên tiểu-quan đứng thị - lập ở đấy mấy câu thì ông lên kiệu đi chầu ngay, tôi chưa hiểu ra sao, thấy vị tiểu-quan ấy ra mời tôi vào trong nhà tư, tôi mới biết vị tiểu-quan ấy là cậu cả con quan Chánh-đường, xuân - xanh trạc độ trong ngoài hai-mươi, tướng-mạo đẹp như ngà ngọc. Tiểu-quan mời tôi cùng ngồi một chiếu, tôi chối từ hai ba lần mà tiểu-quan không nghe, sau phân hai bên chủ khách cùng ngồi, tiểu-quan nói trước ngay lên rằng : « Nghe cụ là một người hoài-tài bão-học, chỉ ưu-du trong chốn lâm-toàn, lấy cái thú cầm-tôn để tự-lạc, lại dốc một niềm về sự tế-nhân độ-thế, vẫn thấy gia-quân tôi thường thường khen-ngợi rằng : Kể trong y-đạo đời nay, không ai hơn cụ được. Tôi vẫn có lòng hoài-vọng đã lâu, nhất - đán được thừa-nhan thế này, thực là tam-sinh hữu-hạnh. » Tôi từ-tạ mà rằng : « Kẻ sơn-dã sơ-cuồng này, đâu dám so với đời, mà Quận-hầu quá ban lời long-dự như vậy, tôi lấy làm e sợ quá ». Tôi nói thế rồi, Quận-hầu bèn gọi một tên dịch-mục lại mà bảo rằng : « Anh sang bên dinh quan Trung-kiên 中堅 bắt những lính canh dinh ở đấy quét dọn dinh-viện đi, rồi kê giường rải chiếu, một lát thì về bảo cho tôi biết, nhá ?» Tên dịch-mục đi không đến một giờ thì về bẩm đã tề-chỉnh cả rồi, Quận-hầu nói : « Trong dinh này huyên-náo lắm, không tiện, có một chỗ bên nhà chú tôi, tuy không được rộng-rãi lắm, nhưng có vẻ thanh-u khả-ái, hiện nay chú tôi có công-vụ phải đi Sơn-tây-trấn, cho nên dinh ấy vẫn để không, vậy xin mời cụ sang nghỉ bên ấy ». Nói thôi Quận-hầu đứng dậy dắt tay tôi cùng đi qua nhà nội - sảnh-đường độ vài mươi bước, đi vào một cái cửa mạch, thì thấy nào nhà ngoại-sảnh, nhà trung-đường, phòng ăn, nhà bếp, rất là tề-chỉnh. Quận-hầu mời tôi vào nhà trung-đường, cùng ngồi nhàn-đàm với nhau. Lúc kỳ-thủy tôi vẫn tưởng y là bậc công-tử vương-tôn, sinh-trưởng nơi phú-quí, tập nhiễm thói phồn-hoa, kịp đến khi thấy con người học-vấn uyên-bác, thâm-hiểu cả mọi lẽ kim-cổ thị-phi, nhân-tình thế-vị, hình như một người đã nếm trải cả rồi, vả lại phú - tính khiêm-nhường, tuyệt không có cái vẻ gì là cái kiêu-lận, tôi lại càng thêm kinh-phục lắm. Trời đã gần tối, Quận-hầu mới cáo-từ tôi mà về, tôi mới sai bọn tùng-nhân cất dọn đồ hành-lý vào, còn bọn trấn-binh đi hộ-tống thì cho hồi-trấn mà không nói đến việc ấy nữa.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT dịch

KHẢO VỀ LỐI THỦY-HỌA

Thủy-họa là một môn mĩ-thuật cao-thượng phong-nhã, các nước văn-minh đều công-nhận như thế cả. Sung-sướng thay những kẻ đã được cảm-súc vì những cảnh kỳ-quan của tạo-hóa. Sung-sướng thay những kẻ biết yêu những tranh cảnh thiên-nhiên, riêng mình thơ-thần trên quãng đường vắng-vẻ, một ngọn bút, một hộp thuốc... miêu-tả trên mảnh giấy những cảnh-tượng tráng-lệ mĩ-quan ! Cái mĩ-tình mà nó láng-lai rán-rụa ra thì bỗng dưng ta thấy trong mình khoan-khoái nhẹ-nhàng, tấm thần-hồn hình như thoát được ra hẳn ngoài cõi hồng-trần mà thảnh-thơi trong khoảng vô-biên phong-nguyệt.

Hai chữ *tranh cảnh* bao giờ cũng gợi trong thần-trí ta một cái ý-tưởng êm-đềm mà khoan-khoái. Nghe đọc hai chữ *tranh cảnh* mà lại chợt nhớ đến những nơi sở-thích : một cảnh am thanh, sân rêu tường mốc, cây-cối um-tùm, một góc hồ sen, nước trong xanh ngắt, hoa chiếc trắng chiếc đỏ, lá chiếc xanh chiếc vàng ; một con sông ban đêm, vừng trăng mờ tỏ lấp-ló trong đám mây thưa, thuyền ai man-mác, ngấn nước trắng tinh, cảnh-vật êm-đềm, mĩ-tình chan-chứa. Trước những bức tranh thiên-nhiên mĩ-lệ như kia, có khi ta đứng hàng giờ không biết chán, giá mà ta biết vẽ, trong túi lại sẵn bút, sẵn thuốc, sẵn giấy, thì cái lạc-thú thực hoàn-toàn. Mà nếu ta không biết vẽ thì thiệt biết chừng nào !

Ở đời ai là không có khi sầu-não, hoặc quá nhàn-rỗi mà sinh buồn. Đọc sách ư ? Đi chơi ư ? Gảy đàn ư ? Đánh rắng đọc sách, đi chơi, gảy đàn là những cách tiêu-khiển vô-hại mà có bổ-ích cho tinh-thần, nhưng đọc sách lâu rồi cũng nhọc óc, đi chơi lắm rồi cũng mỏi chân, gảy đàn mãi rồi tay cũng chán. Duy chỉ có những nhà phong-lưu thủy-họa, — nghĩa là những nhà ái-mĩ vẽ cầu vui, không phải lấy hội-họa làm sinh-kế, — là bao giờ cũng sẵn cách tiêu-sầu rất thần-diệu : tay cầm ngọn bút, mảnh giấy, đứng trước một bức tranh cảnh thiên-nhiên, thì dù trong lòng đang bi-sầu u-uất đến đâu, cái mĩ-tình lai-láng ra cũng đủ mãnh-lực mà phá tan đi hết. Xem thế thời biết rằng : ta mà tập được thuật thủy-họa cho tinh thời cái phạm-vi hạnh-phúc của ta cũng rộng ra được nhiều vậy.

Xét các lối hội-họa, thì lối thủy-họa phong phú nhất, có giá-trị nhất, người Pháp trọng-dụng nhất (một bức thủy họa của các nhà danh-họa ta, người Pháp có khi chịu mua tới hai ba chục đồng bạc), mà lối này nếu biết những phương-pháp thích-hợp thì tập cũng dễ, cũng chóng. Nước ta, đã thấy có nhiều người tập lối thủy-họa, nhưng xét ra sự tấn-tới không được mau. Không phải là vì người nước ta không có khiếu vẽ đâu, chính là vì ta không biết đường thẳng mà đi, thành ra chậm đấy. Bởi vậy khảo về thuật vẽ tranh-cảnh lối thủy-họa, mong rằng giúp được những nhà đang luyện-tập lối ấy chóng đạt tới mục-đích.

Chương-trình họa-học lớp cao-cấp các trường Pháp-Việt cũng có ghi môn thủy họa (*aquarelle, dessins décoratifs*), học-trò ta thường có khiếu về nghề hội-họa, thiết-tưởng các nhà giáo-sư cũng nên đem bài khảo này đọc cho học-trò nghe, may cũng có phần bổ-ích.

Chúng tôi vì lòng ái-mĩ, vì chút nhiệt-tâm với mĩ-thuật soạn nên quyển sách nhỏ-mọn này, cũng đã dụng công khảo-cứu trong nhiều bộ sách Thái-Tây và chất-vấn các nhà danh-họa ta, nhưng chắc thế nào cũng còn nhiều khuyết-điểm. Vậy duyệt-giả có ý-kiến nào cao-minh, hoặc biết phương-pháp nào mới-lạ còn thiếu trong sách này, xin vì nghĩa công-ích viết thư chỉ bảo cho, chúng tôi rất sẵn lòng hoan-nghênh để khi xuất-bản sửa chữa cho được hoàn-bị.

Chúng tôi rất cảm ơn ông Trần Phềnh (1) và ông Ngô Đặng-Đĩnh là hai nhà thủy-họa có biệt-tài, đã nổi tiếng trong họa-giới nước ta ngày nay, hai ông đã hết lòng giúp chúng tôi trong việc khảo-cứu này. Không những hai ông cho chúng tôi được rất nhiều tài-liệu qui-hóa, hai ông lại dụng công đọc đi đọc lại bản thảo của chúng tôi rồi chỗ khiếm-khuyết thì bổ-túc, chỗ sai lầm thì phủ-chính : chúng tôi được hai nhà nghe sành-sỏi giúp sức cho như thế nên mới được vững lòng đem bài khảo này cống-hiến quốc-dân vậy.

Tác-giả cẩn-chí

. . .

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nói về những vật-liệu của nhà thủy-họa

Thủy-họa (*aquarelle*) là lối vẽ bằng nước với thuốc ; vì lối vẽ này dùng rất nhiều nước nên gọi tên như thế.

Nhà thủy-họa dùng những miếng thuốc (*couleurs*) chế sẵn ; lấy bút lông (*pinceau*) thấp nước vào miếng thuốc rồi vẽ ra giấy. Vẽ thủy-mặc nghĩa là vẽ bằng nước với mực tàu cũng thuộc về lối vẽ này. Thủy-họa hơn các lối vẽ khác là vì màu thuốc bao giờ cũng phong-phú, cũng tinh-tế mà đậm-đà hơn.

Những vật-liệu của nhà thủy-họa nên giản-dị, nhẹ-nhàng, không cồng-kềnh để dễ mang đi mang lại. Những vật-liệu thiết-dụng nhất là : thuốc vẽ, ván vẽ, bút vẽ, bút chì, bọt-bông (*éponge*), cái đựng nước, nghiên vẽ (*godets*), hộp đựng thuốc, v.v..

I

Thuốc vẽ

Làm thuốc vẽ thì người ta nhào phẩm với nước, rồi chộn với hồ (*gomme*) hay là mật ong. Ngày trước thì chỉ có bán thuốc vẽ bằng thoi vuông hoặc miếng tròn. Dùng những thoi, những miếng ấy thì cũng tiện, nhưng phải một cái thuốc mà để tiếp-súc luôn với không-khí như thế thì khi ẩm khi khô, cái chất thuốc không bao lâu mà biến-đổi, đến sau miếng thuốc rắn lại, bút thấp nước sát vào lâu thuốc mới thôi ra.

Ngày nay các nhà chế-tạo đã hiểu lẽ ấy, nên đã chế ra thứ « thuốc ướt » (*couleurs moites*) làm bằng mật ong ; những thứ « thuốc ướt » này thì mềm luôn, dễ lấy và mùi rất đậm-đà. « Thuốc ướt » dùng rất thú, rất tiện, nhà chế-tạo đã để sẵn vào những nghiên vẽ (*godets*) để trong ngăn những hộp thuốc bằng kẽm, ngoài sơn bóng

(1) Cái tài họa của ông Trần Phềnh thì chúng tôi không cần ca-tụng. Ông có tranh đấu-xảo đã tám năm nay : lần đầu (1913) chỉ được có bằng khen, năm sau được ngay giải nhì từ năm 1915 đến nay năm nào cũng chiếm giải nhất, thế mà từ xưa tới nay chưa ai từng được giải nhất về thủy-họa mĩ-thuật. Ông chuyên cả vẽ sơn, những bức « phông » có giá-trị nhất của các rạp hát là do tay ông vẽ vậy.

đen, trong sơn mạ trắng. Các hàng sách cũng có bán thứ « thuốc ướt » đựng trong những ống (*tubes*) bằng thiếc, có nắp bắt ốc. Khi ta muốn lấy thuốc ra vẽ, thì ta vặn cái nắp, bóp cái ống là thuốc ra, nhiều hay ít là tùy ý muốn. Dùng xong lại vặn nắp lại, như thế thuốc bao giờ cũng giẻo, cũng tốt như bao giờ, chất thuốc không khi nào biến-cải được. Dùng thuốc miếng và thuốc đựng sẵn trong nghiên vẽ còn một điều bất-tiện nữa : là khi ta dùng cùng một ngòi bút quét vào viên thuốc nọ rồi lại quét vào viên thuốc kia để pha mùi (*mélanger*) thì tránh sao cho khỏi thứ thuốc nọ nó lẫn, nó thấm vào thứ thuốc kia, thành ra chất thuốc vì thế mỗi ngày một thay đổi. Bảo rằng mỗi thứ thuốc dùng một thứ bút riêng, hoặc lấy mùi nọ xong, rửa sạch bút rồi hãy lấy sang mùi khác, thì thực chỉ nói là được thôi, chứ đem ra thực-hành mới biết là không tiện. Vậy thời chỉ có dùng thuốc đựng ống thiếc là tiện-lợi hơn hết. Các hiệu sách Tây ở đây không có bán những ống thuốc ấy, nhưng có bán những miếng thuốc hiệu *Lefranc Frères*, bọc giấy thiếc, cũng tốt lắm, nhưng khi mua phải chọn những thứ thuốc mềm, càng mềm càng tốt. Dùng những miếng thuốc này thì mỗi khi vẽ xong, nên lau sạch rồi gói vào giấy thiếc cho kỹ.

Các nhà đã có chí tập-luyện lối thủy-họa, thời chớ nên hà-tiện, mua thuốc rẻ tiền, như những hộp « *couleurs sans danger* », dùng những thuốc đó tập mất nhiều công-phu mà không thành-hiệu được. Thuốc vẽ bán ở các cửa hàng thì nhiều quá lắm (đến 150 thứ mùi), nếu không sành tất mua phải nhiều mùi vô-ích mà thiếu những mùi thiết-yếu. Sau này kể ra mười hai mùi thuốc cần hơn cả, dùng 12 mùi ấy mà pha biến-hóa vô-cùng, ra màu gì cũng được (những tên thuốc cứ để y nguyên chữ Pháp cho tiện) :

1° *Bleu de Prusse* ;
2° *Bleu de cobalt* ;
3° *Bleu d'outremer* ;
4° *Jaune Indien* ;
5° *Ocre jaune* ;
6° *Vert de Prusse foncé* ;
7° *Carmin de garance* ;
8° *Vermillon* ;
9° *Terre de Sienne brûlée* ;
10° *Sépia* ;
11° *Brun Van Dyck* ;
12° *Noir d'ivoire*.

Nói về các mùi thuốc. — 1° *Bleu de Prusse*. — *Bleu de Prusse* là một mùi rất phong-phú, rất dễ thôi ra bút, vậy ta dùng rất nên cẩn-thận. Pha với các mùi vàng (*les jaunes*) thành ra các mùi xanh (*les verts*).

1 Khi dùng một mình, *Bleu de Prusse* trong suốt lắm (*transparent*), nên thường dùng làm « gương phủ » (*glacis*) (1) cho các mùi xanh.

2° *Bleu de cobalt*. — Mùi *bleu de cobalt* này đẹp lắm, nhạt hơn *bleu de Prusse*, nhưng không nên dùng một mình để vẽ da trời vì không được trong. Pha với *bleu d'outremer* thì thành ra những màu da trời rất đúng, rất đẹp. Cũng có khi thêm một vài điểm *bleu de Prusse* cho khác mùi. Pha với cái mùi vàng thành các mùi xanh.

3° *Bleu d'outremer*. — *Outremer* là một mùi lơ hơi tím-tím, thường pha với *bleu de Prusse* hay *bleu de cobalt* để tô da trời hay vẽ nước sông, nước bể. Pha với *sépia* thành ra mùi xám (*gris*). Pha với các mùi vàng thành ra các mùi xanh-xẫm. Thường pha với mùi *carmin de garance* thành ra những

(1) *Gương phủ* (glacis) là một mùi pha rất loãng nước, quét phủ lên một mùi khác để thay đổi.

mùi tím-đỏ tuyệt đẹp. *Bleu d'outremer* rất hay pha với *vermillon* để làm các mùi bóng tím xam-xám, tai-tái, đẹp lắm. Một đôi khi cũng pha với *terre de Sienne brûlée.*

4° *Jaune indien.* — *Jaune indien* là một mùi rất đẹp, rất trong. Pha với các mùi *bleu* thành ra các mùi xanh rất sáng-sủa, đẹp-đẽ. Rất hay dùng làm « gương phủ ». Pha với những mùi không được trong để làm cho những mùi đó thêm đậm-đà.

5° *Ocre jaune.* — Mùi này là một mùi rất đẹp, rất sáng-sủa, rất phong-phú, ta vẽ những nhà tranh, nhà lá, là rất hay dùng đến. Vẽ đến cảnh trời nắng, thì *ocre jaune* là một mùi thiết-dụng. Mùi này thường pha với các mùi lơ để làm các mùi xanh, pha với *sépia* hay *noir d'ivoire* để làm các mùi xám. Dùng *ocre jaune* phải pha cho nhiều nước.

Ocre jaune là mùi thiết-yếu, vả lại không có mùi gì thay được, không pha mùi gì cho tương-tự được. Vậy sắm thuốc chớ quên mùi này.

6° *Vert de Prusse foncé.* — Là một mùi xanh đen mà xẫm, có nó thì vẽ cây vẽ lá dễ được đậm-đà.

7° *Carmin de garance.* — *Carmin de garance* cũng gọi là *laque de garance*, là một mùi đỏ tím cánh-kiến, đẹp mà trong lắm, pha với các mùi *bleus* nhất là *bleu d'outremer* thành ra những mùi tím rất đẹp. Hay dùng làm « gương phủ » lắm. Mùi này là một mùi đắt nhất, một miếng giá 5, 6 phật-lang, nhưng lại là một mùi cần lắm, chớ hà-tiện mua thứ xấu mà không dùng được.

8° *Vermillon.* — *Vermillon* tức là son, là mùi đỏ, tuy rằng ít khi dùng, nhưng cũng cần phải có để vẽ những vật thật đỏ, để có khi pha với các mùi lơ và mùi cánh-kiến. Dùng *vermillon* nên pha cho nhiều nước, vì là một mùi nặng-nề, hay có gợn, phải nên cẩn-thận.

9° *Terre de Sienne brûlée.*— Mùi này là một mùi rất phong-phú, rất đậm-đà, rất đẹp-đẽ. Nó là một mùi hung-hung đỏ tía. Rất hay dùng để vẽ đất vẽ gạch, vẽ cây mùa thu, vẽ cảnh mặt trời lặn. Cũng hay dùng để pha với mùi *outremer* và nhiều mùi khác, *Terre de Sienne* là một mùi rất bóng, thường dùng để làm « gương phủ ».

10° *Sépia.* — *Sépia* là một mùi rất hay dùng. Có khi dùng nguyên-chất, không pha với mùi khác. Pha với mùi *outremer* thành ra mùi xám rất đậm-đà. Cũng nhiều khi pha với các mùi khác.

11° *Brun Van Dyck.* — Mùi này rắn lắm, phải tán cho rõ thực nhỏ mà dùng. Pha với mùi nào cũng được. Đem *brun Van Dyck* pha với *bleu de Prusse, outremer, cobalt*, thành ra ba mùi xám đẹp lắm. Đem pha với *jaune indien* và *ocre jaune* thành ra hai mùi nâu thường cần đến luôn.

12° *Noir d'ivoire.* — Mùi này không mấy khi dùng đến. Có dùng là chỉ để pha với mùi xám đét, hoặc để vẽ những phần xẫm của các vật vốn sẵn đen.

Nói về các mùi thuốc mà không nói đến mùi trắng, là vì mùi ấy trong phép thủy-họa tịnh không dùng đến. Những chỗ trắng trong bức họa là chỗ để chừa giấy trắng không vẽ đến, điều ấy là một điều thiết-yếu không nên quên. Còn như muốn làm nhạt các mùi thuốc, thời ta nên cho thêm nước hoặc pha với cái mùi nhạt khác, chứ đừng pha với mùi trắng. Vì sao vậy? Vì rằng mùi trắng đét mà xấu lắm,

pha với các mùi khác chỉ thêm nặng thêm tối, thêm bẩn ra mà thôi.

Thuốc trắng các cửa hàng cũng có bán, là để dùng vẽ vào những tờ giấy mùi, nhất là để cùng với các mùi xẫm vẽ những cảnh ban đêm có ánh trăng, hoặc có đèn chiếu, hoặc cảnh mưa đêm, có chớp nhoáng, v. v...

II

Giấy vẽ

Các cửa hàng sách có bán nhiều hiệu giấy, nhiều hạng giấy để dùng trong các lối thủy-họa. Có nhiều hiệu giấy tốt là : giấy hiệu *d'Arches*, hiệu *Arnold*, hiệu *Conson*, hiệu *Excelcior*, hiệu *Watmann*. Tốt nhất là giấy hiệu *Watmann*. Giấy vẽ thuốc, bất cứ hiệu nào, không được nhẵn, nghĩa là phải có cát *(grain)*, hoặc cát to cát nhỏ tùy theo cái cách mình vẽ và cái lối mình vẽ. Ví-dụ như vẽ mặt người, vẽ hoa quả thì phải dùng giấy nhỏ cát *(papier à grain fin)*, vẽ tranh-cảnh thì phải dùng thứ giấy cát vừa, cát to hay thứ giấy thực rộp *(papier à grain moyen, à gros grain ou papier torchon)*. Cái cát giấy thực nhiều khi giúp cho nhà thủy-họa làm nên những nét bút rất thần-tình. Ví-dụ như cái thân cây gồ-ghề, đám lá cây lấm-tấm, con đường đá sỏi, v.v., mà vẽ vào giấy rộp hay giấy to cát thì tiện cho nhà vẽ thuốc lắm vậy. Một điều nên nhớ là dùng giấy to cát nhỏ cát quen đi có khi cũng thành một cái thiên-tính, nghĩa là nếu ta đã tập vẽ vào giấy nhỏ cát thành thói quen rồi thì sau không thể vẽ vào giấy to cát được nữa, trái lại tất-nhiên cũng thế. Bởi vậy ngay từ lúc mới tập cũng đã nên liệu cái cảnh mình vẽ mà dùng giấy cho thích-nghi, như thế thì sau này mình vẽ vào giấy nào cũng được, không phải bó-buộc vào một thứ giấy nhỏ cát hay to cát.

Giấy dùng về thủy-họa lại phải mềm-mại mà *chịu được nước*, vì lối vẽ này cần dùng đến nhiều nước lắm, nếu giấy không chịu được nước hoặc là thấm nước thì khi vẽ giấy cong lên không vẽ được hay hút thuốc vào giấy thành ra những vết thuốc lốm-đốm khó coi. Cũng bởi lẽ đó mà mua giấy nên cẩn-thận kẻo mua phải giấy cũ hay giấy mốc. Một điều nhỏ-mọn mà rất cần, tưởng nên nói để các nhà mới học vẽ được biết, là không lẫn mặt trái với mặt phải giấy vẽ : *mặt trái giấy bao giờ cũng nhẵn hơn mặt phải*.

Các cửa hàng cũng có bán những xếp giấy gọi là *blocs* (bờ-lốc), nghĩa là nhiều tờ giấy vẽ sén bằng nhau, ép lại, sung quanh ba phía phiết hồ để cho những cạnh giấy liền với nhau, tất cả dán lên một tờ giấy bồi-cứng (*carton*). Trên này vừa nói những tờ giấy chỉ phiết hồ có ba cạnh : khi nào muốn lấy tờ giấy trên ra thì lách con dao nhỏ vào cạnh giấy không phiết hồ ấy, rồi khéo lia qua những cạnh kia. Dùng những quyển *blocs* ấy thì tiện được rằng lúc nào mình cũng sẵn giấy căng thật phẳng vẽ được tờ nào lại lấy ra tờ ấy, tờ giấy dưới lại sẵn-sàng cho mình vẽ rồi. Các nhà mới tập vẽ nên dùng thứ *blocs* này, khổ giấy 0 m 27 × 0 m 17 thì vừa tiện.

Trước khi vẽ thì phải dán giấy vào ván vẽ cho thực phẳng, vì nếu dán không khéo thì lúc đang vẽ giấy phồng lên, thuốc chỗ cao chảy xuống chỗ thấp, đọng lại thành ra hỏng mất bức vẽ. Có hai cách dán giấy sau này vừa giản-dị vừa tiện-lợi, tưởng ai cũng nên theo vậy :

1° Đem ngâm tờ giấy vẽ vào trong một chậu nước thực trong. Cách độ một giờ đồng-hồ, đem tờ giấy để lên cái ván vẽ thực sạch, lấy bọt-bông

(*éponge*) nhẹ tay thoa nước đi (đừng dùng khăn bông và cũng đừng tì tay mạnh quá). Lấy hồ phiết xung quanh mặt trái tờ giấy rồi dán lên ván vẽ. Thế là tờ giấy căng rất phẳng vậy. Vẽ xong rồi, lấy dao con cắt sung quanh tờ giấy vẽ, thế là xong.

2° Cách vừa nói là cách hay hơn hết, nhưng phải đợi mất một giờ đồng-hồ. Nếu cần vẽ ngay thì dùng cách này: thoa thấm nước mặt trái tờ giấy bằng miếng bọt-bông. Phiết hồ xung-quanh mặt trái tờ giấy, rồi dán vào ván vẽ. Đặt một tờ báo lên trên rồi lấy hai tay sát trái chiều cho cực mạnh, để cho giấy căng phẳng và hồ chóng ăn vào ván.

III

Bút vẽ

Bút vẽ xấu tốt rất quan-trọng cho nhà thủy-họa. Vậy khi ta mua bút ta phải chọn cho thật kỹ-càng. Chọn bút thế nào? Ta nhúng ngòi bút vào nước một lát, ta khẽ vớt ngòi bút vào

Bút Tốt *Bút Xấu*

thành chén nước: nếu đầu ngòi bút nhọn mà bụng ngòi bút tròn và to, nếu lông ngòi bút đều-đặn, không có cái lông nào đứng lên hoặc cong-queo, ấy là quản bút tốt (xem bình vẽ) Ta phải biết rằng bút xấu rất nhiều mà bút tốt thật hiếm, có khi chọn mươi mười lăm quản mới được một quản tốt. Bút tốt xấu đã là quan-trọng cho mình, mình không nên sợ phiền nhà hàng mà chọn cho được cái thực tốt.

Bút vẽ có hai hạng, một hạng có một ngòi, một hạng có hai ngòi, một ngòi to một ngòi nhỏ. Bút hai ngòi thì tiện lợi như sau này: nhà thủy-họa bao giờ cũng để một ngòi khô, một ngòi nhúng nước, hoặc một ngòi lấy thuốc để vẽ còn một ngòi để hơi ướt (nước lã) phòng khi dùng để chữa hoặc để làm nhạt bớt những mầu quá xẫm, hoặc để vớt.

Nhưng lại phải một điều bất-tiện, là bút hai đầu thì dài lắm, nên giữ-gìn khó, mang đi mang lại cồng-kềnh. Bút một ngòi thì không có những điều bất-tiện vừa nói, mà ta dùng hai ba cái để vẽ, cái sát vào thuốc, cái để không, thì cũng tiện dùng như bút hai ngòi vậy.

Bút vẽ dễ hư lắm, ta phải giữ-gìn rất cẩn-thận. Mỗi lần vẽ xong, ta phải rửa ngòi bút cho thật kỹ-càng, rồi lấy giẻ sạch mà lau chùi cho khô. Không bao giờ nên quên rửa bút, vì nếu thuốc còn dính vào ngòi bút, thì lông bút thành ra cứng, rỏn, cùn, dễ đứt; bút mà quên không rửa chỉ một vài lần là không dùng được nữa.

Khi ta xếp bút vào hộp, ta phải cẩn-thận chớ để cho ngòi nó sát vào thành hộp mà hỏng mất bút.

IV

Mấy vật-liệu phụ-thuộc

Bút chì. — Bút chì dùng để vẽ phác những nét chính, đến khi thuốc vẽ đè lên thì không còn trông thấy nét chì nữa. Bởi vậy bút chì dùng đây không nên cứng quá, cứng quá thì có vết hằn lên giấy vẽ; không nên mềm quá vì mềm quá chì thôi ra nhiều, sau thuốc không lấp được hết thành ra hại đến giá-trị của bức họa. Bút chì số 2 dùng là vừa thích-hợp. Hiệu bút cũng nhiều

hiệu tốt, nhưng có tiếng nhất là hiệu *Fabert, Conté, Gilbert.*

Bọt bông. — Nhà thủy-họa nên có vài cái bọt bông thực mềm-mại, thực sạch-sẽ để rửa giấy hoặc có khi cần phải chữa thì dùng bọt bông thấp nước mà lấy bớt thuốc ở bức họa đi.

Cái đựng nước. — Nên có hai cái đựng nước, hai cái cốc to hay chén to cũng được, một cái đựng nước sạch luôn để rửa bút, một cái đựng nước để pha mùi.

Gô-đê. — Nên có vài ba cái gô-đê để pha mùi. Nhất là khi vẽ trời, vẽ nước hay vẽ mầu lót (*ton préparatoire*) phải cần pha sẵn nhiều thuốc thì gô-đê lại cần lắm. Những khi ấy thì phải pha sẵn thuốc cho đủ dùng, thừa một chút còn hơn thiếu, vì thiếu thuốc mà phải pha thêm thì nhà thủy-họa có khi lúng-túng vội-vàng, mà thuốc pha sau chắc đâu được đúng hệt mầu thuốc pha trước.

Khăn tay cũ. — Nên có vài cái khăn tay cũ, sạch-sẽ để lau bút, lau gô-đê.

Hộp đựng thuốc. — Hộp thuốc nên dùng thứ bằng kẽm, trong sơn mạ trắng, ngoài sơn bóng đen, có ngăn đựng thuốc và để bút. Thứ hộp này thường có hai nắp, gập đi gập lại, hai cái nắp ấy khi mở ra đều dùng để pha mùi ngay vào đấy, hay là để thử mùi thuốc cũng tiện. Sạch-sẽ là sự cần nhất trong thuật thủy-họa, nhà hội-họa khi vẽ xong, nên nhớ rửa nắp và các vật-liệu khác.

(*Còn nữa*)

VŨ ĐÌNH-LONG

NGHỀ DIỄN-KỊCH Ở NƯỚC MĨ (1)

Ở nước Mĩ bây giờ người ta nói đến việc cải-lương diễn-kịch nhiều lắm. Gần đây thiên-hạ xem ra nhiệt-thành về diễn-kịch, và nguyên-nhân sự nhiệt-thành ấy có lẽ là ở bên nước Mĩ, ngoài các nơi đô-thị lớn, không hề có những rạp hát chuyên-môn của các tay nhà nghề.

Ba-mươi năm về trước, những phường hát ở *New-York* thường đi dạo khắp các miền trong nước, đến nơi tỉnh nhỏ nào có rạp hát thì ở lại giăm ba bữa để hát. Đi nơi nọ sang nơi kia thời đi bằng xe-lửa, mà xe-lửa hồi bấy giờ không có buồng, không có ngăn gì cả, đàn-ông đàn-bà ngồi chung đụng nhau, trong toa sặc những mùi thuốc-lá, mùi phấn đánh mặt, lẫn với những mùi tạp khác nữa. Phường hát coi bộ cũng tồi-tàn, chẳng hơn gì phường *Roman Comique* ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17. Sau thấy nghề đi hát giong ấy cũng khó-nhọc, mà phí vận-tải thì đắt hơn xưa, dần-dần bỏ hết. Vả phong-thói mỗi ngày một sa-hoa, các bà các cô ở những tỉnh nhỏ đã biết sắm áo ở hiệu *Worth* tại *New-York*, vào trọ ở những khách-sạn như lâu-đài bằng đá hoa, trong có hai nghìn buồng tắm, chắc trông thấy những tranh cảnh rách nát, quần áo cũ rích, con hát gầy-còm của các phường hát giong, cũng phải chán mà không thèm xem nữa. Lại thêm

(1) Dịch ở «Thời-báo» (*Le Temps*).

nghề chớp bóng mỗi ngày một thịnh-hành, mất có 25 xu được vào một nơi sáng - sủa sạch - sẽ, xem những cảnh phong-quang khoái-hoạt, thỏa chí thích tình, như thế thì còn thiết gì đến lối diễn-kịch cũ nữa.

Vậy phường hát các tỉnh mỗi ngày một thôi dần đi, và rạp hát các tỉnh đổi ra rạp chớp bóng hay xưởng đề xe. Có thành-phố mười vạn con người không có một rạp hát chuyên-môn. Nhưng mà người ta bao giờ cũng vẫn ưa xem hát, nên nhiều nơi có những bọn « tài-tử » họp nhau lại cố tìm cách để mở diễn-kịch.

Ở thành *Nouvelle-Orléans*, đấy là một nơi nói tiếng Pháp nhiều, có một hội diễn-kịch lập lên đặt tên là « *Petit Théâtre du Vieux-Carré* », hội toàn là những tay « tài-tử » cả, hiện đã được hơn một nghìn người mua vé đồng-niên giá là 10 đồng để mỗi năm xem diễn bảy bài kịch. Ở thành *Santa Barbara* đất *Californie*, cũng có hội *Community Arts Association*, bốn năm trước mới là một bọn nhỏ mấy người, nay đã trở nên to-tát lắm, có một phường hát, một phường nhạc, một trường dạy về kịch-học, thi-học và họa-học, mà đứng chủ-trương toàn là tư-nhân cả, không phải những tay nhà nghề, mỗi năm kinh-doanh bảy tám bài kịch, tranh cảnh, quần áo, đèn thắp toàn là của Hội làm lấy cả.

Đó là công của người riêng hay của các đoàn-thể; đến các trường Đại-học thường cũng có đặt ra lớp dạy diễn-kịch. Từ năm 1907, ông giáo BAKER đã lập ra ở trường Đại-học *Harvard*, là trường cổ nhất và có tiếng nhất ở nước Mĩ, một cái viện học đặt tên là « Xưởng số 47 » (*Atelier 47*), để cho học-trò tập soạn kịch. Ở trường Đại-học *Princeton*, lập ra ở giữa bình-nguyên đất *New-Jersey* đã ngót hai trăm năm nay, cũng có hai hội diễn-kịch, do ông giáo STUART giám - đốc Hội lập ra trước nhất thì mỗi năm kinh-doanh một vở « nhạc -vũ-kịch » (*opéra-ballet*), — nghĩa là kịch vừa có nhạc vừa có múa, phải đến 50 người đóng vai, còn nhạc-bộ cùng những người bày trò, người coi điện, cũng đến bấy nhiêu nữa, đến kỳ nghỉ lễ *Noël* thì cả bọn đi dạo hát ở các miền trong một khoảng 4000 cây-lô-mét. Còn hội kia thì mỗi tháng diễn một bài hay mấy bài cho anh em trong trường và người dân trong thành-phố đến xem. Các bản kịch là toàn học-trò soạn lấy, kinh-doanh lấy và ra diễn lấy.

Xem đó thì biết khắp trong nước đâu đâu cũng hăm-hở về việc diễn-kịch. Tuy vậy, nhưng không chắc rằng nghề diễn-kịch có thật tiến-hóa, có thật cải - cách như nhiều người nói không. Ngày nay dùng điện-khí thì chắc là bày được nhiều cảnh đẹp hơn trước, và thiên-hạ xem chớp bóng đã quen, người bày cảnh cũng phải biến-hóa ra nhiều cách lạ mới làm cho vừa ý người ta được. Vả phép bày cảnh ngày nay, không có chỉ chủ đặt cho hệt như cảnh thực nữa, lại muốn bày ra những hình-sắc ly-kỳ để ảnh-hưởng đến tâm-hồn tình-tứ của người đến xem cho mau cảm cái truyện trong kịch. Nhưng đó là cải-lương cái hình-thức ngoài bề mà thôi, chưa phải là cải-cách hẳn cái gốc nghề diễn-kịch.

Cứ xem như thế này thì đủ biết : là cách bày cảnh mới ấy đem ứng-dụng vào những cổ-kịch của SHAKESPEARE lại càng đắc-thể lắm. Mùa đông mới rồi ở *New-York* có diễn bài *Roméo et Juliette* và bài *Hamlet* của SHAKESPEARE. Bài sau ấy thiên-hạ hoan-nghênh lắm, kể cổ-kịch mà được như thế xưa nay cũng ít có; sự hoan-nghênh ấy là bởi con hát bỏ cả cách-bộ cũ mà theo lối tự-nhiên, nhưng thứ nhất là bởi cách bày cảnh tuyệt khéo. Như

có một cái thang rộng càng lên càng thon lại, quanh có cái bao-lơn trông ngút-ngàn mãi vào trong đám tối. Cái thang như thế, mà chàng *Hamlet* bé nhỏ đứng dưới, ăn mặc đen, như bị ám cả đi, khiến cho trong lòng lại càng âm-thầm bối-rối ; trên thang ấy thì nàng *Ophélie* như người hóa dại, chèo lên nhẹ-nhàng thoăn-thoắt, trông xa tựa đám khói trắng giữa ban đêm ; còn những xác người chết về hồi sau cùng thì không có chồng-chất trên sân khấu như xưa, để nằm ngay trên các đợt thang.

Trong vở *Roméo et Juliette* thì cái kịch thú nhất là kịch hai anh chị ở trong vườn hoa, cảnh bày có một cái mặt nhà bằng đá hoa trắng, bề dưới phẳng-lì, bên cao mới trổ một cái cửa sổ có bao-lơn, màn che trướng rủ êm-đềm. Đá hoa đã trắng, lại sáng trăng phơn-phớt rọi vào, nàng *Juliette* yểu-điệu mà rụt-rè, cũng ăn mặc trắng. *Roméo* đứng dưới ở trong bóng tối ngửng lên như cái ái-tình đương não-nùng khao-khát được lên cõi tiên-nga. Cách sắp đặt ấy giản-dị, mà khiến cho những câu thơ xuân-tình có cái giọng thần-tiên thanh-thú biết bao nhiêu, cảm đến tâm-tình người ta một cách rất nhẹ - nhàng, như không có cái hình-ảnh gì ngoài nó ngăn-gián nữa.

Mùa đông mới rồi, ở *New-York* có diễn đến 200 bài kịch mới, trong số đó cũng có một vài bài không phải chỉ mới ở cách sắp đặt, cách bày diễn mà thôi. Nhận ra có một cái đặc-sắc khác nữa, là dùng bài kịch để « biểu-diễn » một cái lý-thuyết về nhân-sinh, về xã-hội, gọi là « biểu-hiệu chủ-nghĩa » (*expressionnisme*) theo như danh-từ mới của người Đức đặt ra mà ở nước Mĩ ngày nay đã thịnh-hành lắm.

Có một bài nhan-đề là *R. U. R.* của người *Tchèque* tên là KAREL CAPEK, cả mùa đông mới rồi kỳ nào diễn cũng đầy người đến xem, người ta cho là bài hay nhất theo lối mới đó. Truyện như thế này. Nhà hóa-học kia chế ra được một giống có đủ cả tính-cách như người ta, chỉ duy không có dục-tình, không có tư-tưởng mà thôi. Giống người ấy làm thợ giỏi lắm, làm lính tốt lắm. Muốn chế ra bao nhiêu cũng được, mua về bán đi như đồ vật vậy. Đâu đâu cũng thấy dùng cái giống người máy đó ; rồi dần dần nhiều hơn người thật, vì người thật thấy dùng giống người máy tiện, chẳng muốn sinh con đẻ cái cho đau-đớn khổ-sở làm chi nữa. Bấy giờ giống người máy nó mới nổi loạn lên, giết cả giống người thật, là giống đã chế-tạo ra nó. Nhưng rồi dần dần nó cũng tự tiêu-diệt đi hết, vì người hết cả thì còn ai chế ra nó nữa. Đến cuối bài kịch, chỉ còn lại hai thằng người máy, một đứa đàn-ông, một đứa đàn-bà, hai đứa dắt tay nhau vào một cõi thiên-đường lạc-thổ những tro cùng bụi, là cõi đất còn sót lại sau khi cái thế-giới máy-móc này đã qua buổi kiếp-hôi.

Bài kịch ấy được thiên-hạ vui xem lắm, vì bày ra một giống người tuy hình-dạng là người mà thân-thể là máy, đối với giống người có cảm-tình, có tư-tưởng, coi vừa buồn cười mà vừa ghê-tởm ; lại bởi cái chủ-nghĩa trong bài kịch, muốn chứng rằng một cái văn-minh chỉ lấy công-nghệ máy-móc làm gốc là cái văn-minh bại-hoại. Bài kịch đó là thuộc về lối kịch nghị-luận (*pièce à thèse*), đặt một câu truyện li-kỳ để làm biểu-hiệu cho cái tôn-chỉ lập-luận.

Có thể nói rằng ngoài những bài kịch cũ bày ra cảnh mới, người Mĩ ưa xem thường là những bài có quan-hệ về một vấn-đề luân-lý gì, và cách kết-cấu giống như những bài của AUGIER và của DUMAS FILS.

Mùa diễn-kịch mới rồi, có một bài được toàn-thắng nhất (thiên-hạ mua vé từ chín tuần-lễ trước), chính là thuộc về lối ấy. Nguyên là bài đoản-thiên-tiểu-thuyết của người Anh SOMERSET MAUGHAM đề là « Cái lá động » (*Le tremblement d'une feuille*), hai người Mĩ là ông JOHN COLTON và cô CLÉMENCE RANDOLPH đặt ra thành kịch, đổi tên là « Trận mưa dào » (*Pluie*).

Chỉ có một cảnh : cái nhà bằng gỗ, vừa làm khách-sạn, vừa làm cửa hàng, ở đảo *Pago-Pago* thuộc nước Mĩ ở giữa Thái-bình-dương. Chung quanh thời cây-cối rậm như các rừng nhiệt-đái. Đảo ấy là một nơi cùng-tịch, thỉnh-thoảng mới có giăm ba người da trắng qua lại, mà ai đến cũng tất vào trọ ở nhà ấy. Chủ - quán là một lão béo phục-phịch, cả ngày chỉ mặc áo ngủ, ngồi ưỡn bụng ra trên ghế, trong túi áo bao giờ cũng có một trai rượu *whisky* chốc-chốc lại mở ra uống để cho khỏi sốt rét rừng. Vợ lão là người bản-xứ, cũng to-lớn phục-phịch như thế, mà da vàng như nghệ; bao nhiêu công việc trong nhà một mình mụ làm hết mà mụ vẫn tươi cười vui-vẻ. Một hôm có chuyến tàu đến : ở tàu xuống vào trọ ở quán có bốn vợ chồng một ông y-sĩ ở Nữu - ước và một ông giáo-sư tên là *Davidson*. Giáo - sư là người khắc-khổ đạo-đức lắm, đã hóa được nhiều người thổ-dân theo đạo. Đạo của ông rất nghiêm-nhặt, cho mọi sự ở đời là có cái gốc ác hết cả, nên ông dạy cho các con chiên của ông biết điều ác mà tránh. Ông thường nói rằng : « Phàm những việc cho là việc rất tự-nhiên, phải dạy cho biết chính là những tội-ác đó. »

Có một người đàn-bà cùng đi tàu với ông thời lại trái hẳn với ông : ông khắc-khổ bao nhiêu, người kia phóng-túng bấy nhiêu. Tên người ấy là *Sadie Thompson*. Áo thì lòe-loẹt sắc đỏ sắc vàng, đầu đội cái mũ to tướng, dáng đi thỗn-thện, lững - thững cũng đến quán tìm trọ, mà theo sau thì một lũ những lính thủy trên tàu cùng là lính nhà thương gần đấy, lói những lời trăng hoa, giọng cót nhả. Nghe tiếng nói toang-toang, đủ biết cô là người đất *Kansas*, là đất đồng-bằng rộng-rãi, người dân vui-vẻ.

Cô có đem theo một cái máy hát và một chai *Whisky*, bọc trong bọc quần áo ra dáng trân-trọng lắm. Lão *Sam Horn* là chủ - quán chỉ cho cô một cái buồng ở tùng dưới, cửa mở ra ngoài hiên. Cô vào ở đấy, cả lũ các thầy cai thầy quyền cũng theo sau, cách buồng chỉ nghe thấy tiếng máy hát om - sòm, tiếng cốc rượu loảng-soảng.

Ông giáo-sư thấy thế lấy làm tức lắm. Ông đi truyền đạo cho đời đã cảm-hóa được bao nhiêu người dân ở đây, hội truyền-giáo của ông lại rất là có thế-lực ở nước Mĩ, có thần-thế ở Thượng-nghị-viện, ở cái đảo cùng-tịch này ông muốn làm gì mà chẳng được. Ông bèn đẩy cửa mạnh ra, đường-đột vào trong phòng của chị ả giang-hồ kia. Không biết ông vào nói những gì, mà không đầy một phút thấy ông chạy dâm-bổ ra, ngã dụi vào cạnh cái bàn, như người bị ai đá cho một cái thật nên thân. Thế là hết hồi thứ nhất.

Bắt đầu hồi thứ hai, thấy có tin không lành : trên tàu có bệnh dịch tả, tàu không chạy được, hành - khách phải ở lại 40 hôm. Mùa mưa vừa đến, ào - ào nổi trận mưa dào. vụt chốc mưa rồi vụt chốc lại tạnh ngay. Mưa xong rồi thì nước lênh - láng, khói ngùn-ngụt, trong không - khí như đầy những hơi thấp - nhiệt. Tạnh được ít lâu, rồi lại trận khác, nước đổ như trút xuống mái nhà, chớp nháy lấp-

loáng trong rừng rậm. Lão chủ-quán cũng chẳng lấy thế làm phiền lòng ; lão cứ ngồi phơi bụng sệ trên ghế đài, nhắm rượu *whisky* hoài, còn việc cửa việc nhà mụ vợ làm hết thảy, lão có phải lo chi, chỉ nằm dài đọc sách NIETZSCHE (một nhà triết-học Đức). Nhưng mà khách trọ nhà lão thì cũng lấy làm nóng ruột.

Trong lúc bấy giờ thì ông giáo - sư vẫn căm-tức trong bụng, lập kế báo thù. Ông dò ra ả giang-hồ đã nhục-đãi ông đó vốn là người có tì : con gái hơ-hớ ra như thế mà đi sang cái đảo cùng-tịch này làm nghề đánh máy chữ để kiếm ăn, chắc không phải là con người lương-thiện. Ả nghe đâu đã can vào một cái án ăn trộm ; ông sẽ dùng hết thế-lực để làm cho ả phải trở về *San Francisco* mà chịu tù tội. Cái thù ấy, chắc là ông sẽ trả được. Nhưng mà thù ấy không phải là thù riêng của ông ; cái nhục ông đã phải chịu không phải là chỉ nhục đến danh-giá một mình ông, tức là nhục đến cả đại-danh của Thiên-chúa, vì ông chẳng qua là một kẻ tôi hèn của Thiên-chúa mà thôi. Ông thành-tâm tin như thế, nên ông rắp bụng rằng : nếu ả *Sadic* chịu theo đạo, thì ông không làm cho phải tù tội nữa.

Hết ngày ấy sang ngày khác, thấm-thoát đã được nửa tháng trời. Ả kháng-cự, khóc-lóc không chịu. Ông vẫn khăng-khăng : một là theo đạo, hai là ở tù. Sau ả cũng dịu dần, có ý sợ-hãi, có ý xấu-hổ, nhưng thứ nhất là bởi trời mưa luôn như tầm như tã, làm cho nóng lòng rối trí, ngẫm-nghĩ đến thân-phận mình, biết lỗi mà ăn-năn. Ả bèn cúi xin giáo-sư ra sức tế-độ cho mình. Trước còn giảng đạo ban ngày, sau đến cả đêm.

Nhưng lạ gì, lửa gần rơm... Giáo-sư ta cầu-nguyện mãi đến mê-mẩn cả tinh-thần, ngồi bên cạnh một ả gái đẹp, ăn-mặc sỗ-sàng, quên hẳn mình là người thế nào mà tòm-tem đến phạm phải cái tội ác nhất trong mười tội ác. Ả kia thời lòng theo đạo vốn là thành-thực, đến khi thấy giáo-sư hành-động như thế, bốt-nhiên tỉnh-ngộ, vì lẽ đạo huyền-bí, tuy ả không hiểu, nhưng lòng người dâm-độc, ả đã rõ lắm. Bấy giờ không những ả biết rõ cái tà-tâm của lão, mà chính lão cũng tự biết sự xấu-sa của lão, lão bèn chạy ra ngoài mưa lấy con dao cạo đâm họng chết.

Ấy bài kịch như thế, bài ấy hay vì mấy lẽ. Trước hết là lối kịch đặt khéo : có linh-hoạt, có vận-động, có xung-đột. Nhưng thứ nhất là tỏ được một cái tính-tình mới của người Mĩ.

Ta thử xét cái cách dùng ý-tứ xa-xôi để dẫn cái cuộc kết-thúc lúc sau cùng. Về hồi sau thì vợ ông giáo-sư nói chuyện với ông thầy - thuốc và ông chủ-quán tỏ ý lo-lắng về chồng mình. Thấy đêm hôm trước thức mãi đến ba giờ, rồi khi đi ngủ thì nói mê nói sảng. Thường nghe thấy nói luôn đến « núi đất *Nebraska* ». Mãi về chiều tối, ông thầy thuốc trước khi đi ngủ, cầm cái nến xuống thang, hỏi chủ-quán rằng : « Ông chủ có biết đất *Nebraska* không ? — Có, tôi đã đi xe-lửa qua. — Ông có trông thấy núi ở đấy không ? — Có. — Ông có nhận những núi ấy trông giống như vú đàn-bà một cách lạ không ? » Nói thế rồi, ông thầy-thuốc nhìn chủ-quán một cách có ý-tứ, rồi lại từ-từ lên gác. Chủ-quán nghe thấy thế mới biết rõ đầu-đuôi, giơ tay lên, rồi cũng đi ngủ.

Chỉ có thế thôi, không có cắt nghĩa rõ nữa, ai không hiểu ý-tứ thì cũng không hiểu được kết-cục bài tuồng. Muốn hiểu thì phải rõ cái thuyết của bác-sĩ SIGMUND FREUD ở thành *Vienne*,

về các « mối tình nam-nữ » (*les complexes sexuels*), theo thuyết ấy thì phàm dục-tình bị đè nén thường hay xuất ra trong lúc mộng bằng những cái biểu-tượng riêng. Xem như bài kịch « Trận mưa dào » được hoan-nghênh như thế thì biết người nước Mĩ đã thuộc cái học-thuyết của ông FREUD là dường nào.

Cái kết-luận của bài kịch này cũng không khác gì kết-luận bài kịch *Tartuffe* (Giả đạo-đức) của MOLIÈRE : là ở đời cứ nên thực-thà tự-nhiên, đừng có giả đạo-đức mà cho cái gì cũng là tội-ác cả, và không nên tin những kẻ làm ra mặt sùng-đạo. Nhưng trong bài « Trận mưa-dào » thời cách công-kích cái chủ-nghĩa khắc-khổ của bọn giáo-sư nước Mĩ lại rất là kịch-liệt lắm. Như muốn oán-trách cái chủ-nghĩa ấy đã quá hẹp-hòi, làm cho người ta phải bó-buộc khổ-sở, và làm mất cả cái lửa nhiệt-thành ở trong lòng những bậc giáo-sư thành - thực chất - phác thủa trước đã gây dựng ra dân-tộc nước Mĩ. Mà công-kích cái chủ-nghĩa ấy không phải là lấy cái lẽ phải trung-chính giữa đời làm chốt, như trong kịch ông MOLIÈRE đâu, chính là lấy cái quyền tự-do, cái khí hăng-hái, cái thói nhẹ - nhàng phóng-khoáng, cái tính dung-dị tự-nhiên mà phản-đối lại. Trong bài này thì vai ông thầy thuốc là người nói-năng theo lẽ phải, cũng như vai *Cléante* trong kịch MOLIÈRE. Nhưng mà những vai tả cho thiên-hạ yêu, khiến cho người xem phải cảm-tình, lại chính là vai ả giang-hồ ăn trộm và vai lão chủ-quán say nhè, là cố-ý đối với cái vai lão giáo-sư mê-cuồng và hiểm-độc. Gây ra cái cảm-tình với những kẻ mà luân-lý trong xã-hội không thể dung được, đó không những là một cái xảo-thuật của nhà soạn kịch; đó có lẽ cũng là biểu-chứng một cái tư-tưởng hãy còn chưa chín vậy. Vả lại lấy cái thuyết của nhà tâm-lý-học thành *Vienne* làm cái luân-lý cho một bài kịch muốn giúp cho việc cải-lương xã - hội, tưởng cũng không lấy gì làm chánh - đáng cho lắm. Dù thế nào mặc lòng, cái luân-lý của bài này là luân - lý chung của đảng thanh-niên nước Mĩ bây giờ. Ta nên đem con mắt thành-thực mà xét sự đời, gặp cái cảnh xấu-sa cũng chớ làm bộ che mặt, nên khám - phá cho ra những cái lẽ u-âm mà ông cha ngày xưa bất-tiết xét đến ; đó là những cái tư-tưởng bàng-bạc trong các sách thơ, văn, kịch, thuyết, và phản-đối với cái chủ-nghĩa khắc-khổ của các bậc tiền-bối.

Xem như bài « Trận mưa dào » được thịnh-hành như thế, thì rõ rằng công-chúng đương hoan-nghênh cái lối kịch mới ấy. Đó chính là cái đặc-sắc của nghề diễn-kịch ở nước Mĩ hiện bây giờ : diễn-kịch ngày nay là diễn một cái tư-tưởng mới rộng hơn, khoan hơn cái tư-tưởng cũ, và hiện nay một phần nhiều người trong dân-gian đã theo rồi. Dân Mĩ ngày nay đi xem diễn-kịch, không phải để nghe diễn những câu cách - ngôn cũ-rích mặc thêm cho cái áo văn-chương mới lòe đâu, nhưng để xem tả cái tấm lòng mơ-màng khát-vọng của mình vậy.

HỒNG-NHÂN dịch-thuật.

BÀI PHÚ CỔ GIA-ĐỊNH

Bài phú này không rõ tên tác-giả, cũng không rõ làm thời nào: song độ chừng trăm năm nay thì phải. Văn không phải thật là hay, nhưng tác-giả có tài góp-nhặt những cảnh-tượng cùng nhân-vật đất Sài-gòn và Chợ-lớn, sắp đặt ra đối chọi với nhau đủ cách-thể, như là: Song-quan, cách-cú, hạc-tất, vân-vân... Nay muốn xét xem cho rõ biết từng chỗ từng nơi, tưởng không thể biết hết được.

Mà có rõ được đi nữa, trông thấy cũng thương-tâm, vì các nơi cổ-tích nay đã đi-dịch biến-thiên đi rồi. Vậy lục-giả lục ra đây là có ý để ghi lấy quốc-âm cổ-thời ở trong Nam đó thôi. — NG.A.-T.

.˙.

Phủ Gia-định, phủ Gia-định, nhà đủ người no chốn-chốn;

Xứ Sài-gòn, xứ Sài-gòn, ở ăn vui-thú nơi-nơi.

Lạc-thổ nhóm bốn dân: sĩ, nông, công, thương, ngư, tiều, canh, mục;

Qui-thành xây tám cửa: càn, khảm, cấn, trấn, tốn, ly, khôn, đoài.

Lợi đất thin-thin xóm Vườn-mít;

Bình trời vọi-vọi núi Mô-xoài.

Đông-đảo thay! phường Mĩ-hội;

Xum-nghiêm bấy! làng Tân-khai.

Ngói liệng đuôi lân, phố thương-khách tòa ngang tòa dọc;

Hiên xè cánh én, nhà quan-dân làng vắn làng dài.

Gái nha-nhuốc tay vòng tay niềng,

Trai xênh-xoang chơn hán chơn hài,

Dù võng nguênh-ngang chợ Điều-khiển.

Quan quân rậm-rật cầu Khâm-sai.

Vào Chợ Quán, ra bến Ngé

Xuống Nhà bè, lên Đồng-nai.

Coi ngoài rạch Bà-nghè, dòng trắng hây-hây tờ quyến trải;

Ngó lên đồng Ông Tổ, cây xanh mịch-mịch lá chàm rai.

Dưới bến Nghé hát lẳng-lơ giọng con đò, giọng con rồi (1).

Trên Tàu-voi ca khồn-khềnh, tiếng thằng mục, tiếng thằng nài (2).

Cây gia Thắng-mọi, coi bán đủ thuốc-xiêm cau mức;

Cái cầu Cao-miên, thấy làm nguyên cột-vắp ván trai.

Trên cây Gia-còm, nỡ để ông già gùi đội;

Dưới đàng Cầu-khấc, chi cho con trẻ lạc-loài.

Đàng-Nước nhỉ chảy tiêu-tiêu, người thương-khách lại qua hóng mát;

Quán-Nước trên dòng dợn dợn, khách bộ-hành tắm mát nghỉ-ngơi.

Kho Cầm-thảo chứa thuế vua, mạch nước sữa dân ai dám đoái;

Chùa Kim-chương làm tôi phật, tương chua muối mặn sãi trường-trai.

Trong làng Cây-gỗ nhà bền rường cột;

Ngoài chợ Cây-vông giậu cắm gốc gai.

Nhắm kinh mới như chỉ dăng đàng đất;

(1) *Con rồi* là phường đánh cá.

(2) *Thằng nài* là người quản tượng, người đánh ngực.

Đi chợ hôm vừa tối sập mặt trời.

Chùa Cầm-đệm nên nghiêm, rực-rực thấy sãi nằm nệm gấm;

Xóm Hoa-nương đua nở, dầy-dầy coi khách bẻ nhụy người.

Trong Chợ-lớn thinh-thinh, góp-nhóp đủ loài rừng vật biển;

Trên Cầu-quan lộ-lộ, lại qua nhiều chú đội cậu cai.

Giếng Chùa-Bà nhiễm mạch cam-tuyền, trai gái thảy thỏa tình khát-vọng;

Cầu Bà-Thuông trên đường quan-lộ, lớn bé đều phỉ-chí qui-lai.

Chói-chói bấy! Chùa ông Quan-đế, nên trung-nghĩa cao danh ngàn thủa;

Thăm-thẳm thay! Miếu đức Thánh-nhơn, mối tư-văn dựng để muôn đời.

Coi chùa Ông-Bổn đầu cân, dám quên chữ ngọn rau tấc đất;

Thấy miếu Công-thần chư-vị, chạnh nhớ câu niềm chúa nghĩa tôi.

Kẻ lâm-dân vái Bà Chúa thai-sanh, xin mẹ tròn con vuông, chẳng đặng trai thì đặng gái;

Người ký-chúc lậy chùa Bà Mẫu-hậu, xin thuận buồm xuôi gió, đi đến chốn về đến nơi.

Cắc-cớ thợ lò rèn, nghe chạc-chạc nhà bang đánh búa;

Lạ-lùng xóm lò-gốm, chơn vò-vò bàng-cồ xây trời.

Khỏi lo bể lầm-nhầm dầm sương, rong vác người đi chợ sỏi;

Hằng thấy kẻ hùng-hào xúc-ốc, nồng-nàn kẻ ở lò vôi.

Chạng-cỏi bấy thứ đờn-bà xứ Gò-vấp;

Thanh-tao thay ông hòa-thượng chùa Cây-mai.

Giếng Hàng-xáo múc lao-xao, kẻ chở thuyền người chuyên bộ;

Xóm Cối-xoay làm lạc-chạc, chồng đục họng vợ trổ tai.

Trong Cầu-đường chuốc ngót ngọt-ngon đủ đường cát, đường hạ, đường phèn, đường phổi;

Ngoài Xóm Bột phơi phong trắng rã, những bột mì, bột lọc, bột đậu, bột khoai.

Đồn tập trận rộng thênh-thênh, coi xấp-xỉ hồng bằng Thái-nguyên-dã;

Gò nổ súng cao trập-trập, nhẩm sâm si nửa tợ Vọng-tân-đài.

Chốn Thí-trường lầy-lầy nho-phong, đều phỉ-chí hộc-hồng, một thủa bảng vàng lăm chiếm;

Nhà Quốc-học dày-dày sĩ-tử, gắng gia công đăng-hỏa, mười năm đèn sách dùi mài.

Cầu Cây-gõ trày-trày, ốc gầm hồ ngươi cầu ông Bình;

Quán cao-lâu vọi-vọi đành thay mắc-cỡ quán bà Mai.

Trước phường-phố bày hàng bày hóa;

Sau nhà-quê trồng bắp trồng khoai.

Đồn tiếng Nam châu thời đã phải, ghe đen mũi ghe vàng mũi, vào ra coi lòa nước;

Người phương Đông qua lại bán buôn, tầu xanh mang tầu đỏ mang hàng-hóa chất ngất trời.

Trọ-trẹ ở dưới sông, bọn huế kéo neo hồ-hố hụi;

Xi-xô ngang đường cái, khách già rao kẹo ồi-châu-ôi.

Dây thấy bói chiếm bên đường, thấy gieo tiền hảo sách hảo đơn, lời kỳ-cục quẻ rằng linh quẻ;

Bọn quân-phường ngồi dưới cội, nghe đồ sứa hồi khoan hồi nhặt, giọng hoan-ương hơi thiệt tốt hơi.

Lính nghèo ngoài cửa kéo chồng khu, tội bao ham vui chơi con thỏa;

Trùm ruộng trong ghe xui mất của,
cũng vì vác mặt ngó cái đoi.
Nhiều nhà giàu một lạ một lùng, giàu
có kẻ đến vàng đến vẹo;
Mấy ai khó cho bần cho tiện, khó
sạch trơn và đắt và dùi.
Chốn chốn phong-quang ca-xướng;
Nhà-nhà lịch-lãm an nơi.
Lũ bảy đoàn ba, rựt-rựt thấy bạn mai
khách trúc;
Kẻ qua người lại, rần - rần nghe
nhạc ngựa chuông voi.
Muốn nói không hay vừa hết;
Muốn nghe không hay vừa thôi.
Vả tôi nay:
Học còn vẩn học, tài vốn thua tài.
Mắt nhìn thấy dân-phong vật-phụ;
Tình thừa ưa xúc-cảnh hứng-hoài.
Góp-nhóp những lời quê tiếng kịch;
Nối-nắn nên giọng vắn câu dài.
Mặt thủa vui thì ghi đề;
Khi buồn lại giở ra coi.

NGUYỄN ANH-TUẤN *sao-lục*
(Vĩnh-long)

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XII

Thứ bảy, 27 tháng 5.

Hôm nay đã rỗi việc, định đi xem các nhà bảo - tàng. Nhà bảo - tàng ở *Paris* thì biết bao nhiêu mà kể, cứ giở một quyển « Chỉ-nam thành *Paris* », về mục « bảo-tàng-viện », trông thấy một dòng dài những tên cũng đã đủ ngốt rồi. Tựu-trung có mấy sở có danh tiếng nhất, như sở *Louvre*, sở *Luxembourg*, nhưng các sở đó to lớn lắm, mỗi nơi phải đến mấy ngày xem mới hết được, và trước khi đi xem phải kê-cứu các sách cho kỹ thời xem mới bổ-ích, cho nên chửa dự-bị sẵn, chửa dám đến xem. Còn các sở khác thì nhiều lắm, không biết xem chỗ nào trước chỗ nào sau, thôi thì cứ tiện đâu xem đó, vì đâu cũng nên xem cả.

Hôm qua chơi tháp *Eiffel*, đứng trên trông xuống thấy ở giữa vườn hoa rộng có cái nhà tròn to lớn lạ-lùng, hai bên có hai cái tháp Ả-rập cao ngất trời. Đó là điện *Trocadéro*, làm theo kiểu Đông-phương, nguyên là nhà Đấu-xảo năm 1878. Điện có một cái nhà tròn ở giữa, hai bên hai đường hành-lang chạy vòng như hình bán-nguyệt. Nhà giữa nay làm nhà hội-tiệc, hoặc làm nơi diễn- kịch cho công-chúng xem, có thể ngồi được 6000 người. Hai nhà hành - lang hai bên thì từng dưới làm bảo-tàng-viện về nghề chạm khắc so-sánh của các đời và các nước (*musée de sculpture comparée*), từng trên làm bảo-tàng-viện về khoa dân - tộc - học (*musée ethnographique*).

Cả buổi sáng hôm nay đi xem hai nơi bảo-tàng đó. Nơi bảo-tàng về nghề chạm khắc không phải là bày nguyên những đồ chạm khắc đời xưa đời nay đâu, toàn là những hình nặn bằng đất về các kiểu chạm-khắc và kiểu xây-dựng thật đẹp và thật lạ của nước Pháp cùng các nước ngoài, nhưng nặn khéo đến nỗi trông hệt như thực. Đi xem qua một lượt thì biết nghề đắp

(1) Xem *Nam-Phong* số 58, 59, 60, 63, 65, 66, 68, 69, 70, 73, 75.

tượng, chạm các kiểu nhà ở Âu-châu đời nọ sang đời kia thay đổi tiến-hóa thế nào. Từ thượng-cổ cho đến thế-kỷ thứ 19, bao nhiêu những kiểu chạm đẹp ở phương Đông phương Tây là có hình nặn ở đấy cả, sưu-tập thật cũng đã dụng-công mà truyền nặn thật cũng đã khéo léo, khiến cho nhà khảo-cứu nhất-lãm mà thu-gồm được, so-sánh được cả mĩ-thuật mấy mươi đời mấy mươi nước. Các tượng Ai-cập, tượng Hi-lạp, tượng La-mã, những mảnh tường, mảnh cửa, kiểu mộ, kiểu nhà, hết thảy những lối - lăng thuộc về nghề chạm nặn, nghề xây dựng, đều xếp đặt theo thời-đại, theo xứ-sở, như một pho sách hiển-nhiên, hết thiên này đến thiên khác, chương nọ đến chương kia, thật là rõ-ràng rành-rẽ. Trong nhà bảo-tàng lại có mấy gian riêng để bày những hình nặn về các cổ-tượng và di-tích của Cao-miên, Diến-điện, Chiêm-thành và cả An-Nam ta nữa. — Ấy cách học-vấn của người Tây, bất-cứ về môn nào, cũng là kỹ-càng trọn vẹn, đến chốn đến nơi như thế, không trách sự học của người ta dễ sâu-xa và mau tấn tới vậy.

Viện bảo-tàng về dân-tộc-học thời bày những kiểu đồ đạc, đồ dùng, nhà cửa, đồ lễ-bái, đồ khí-giới, hình thể các giống người, nói tóm lại là hết-thảy những đồ-vật gì đủ hình-dung được cách sinh - hoạt của các dân - tộc trên thế - giới. Chia ra từng gian : gian về Mĩ - châu, có phần về nước *Mexique* đời xưa nhiều đồ hơn cả ; gian về Âu-châu, lại chia ra từng nước, mà phần nước Pháp thường hơn nhất ; gian về Phi-châu, về các quần-đảo Đại-dương. Duy về Á-châu thì không thấy có mấy tí đồ. Ý-giả vì Á-châu đã có nhiều nhà bảo-tàng riêng, như nhà bảo-tàng *Guimet*, nhà bảo-tàng *Cernuschi* (rồi sau này cũng phải đi xem hết), nên ở đây bày lược thế chăng ?

Bảo-tàng là nơi chứa những đồ-vật quí, nhưng chớ nên tưởng rằng đồ quí chỉ là vàng bạc châu báu, ngọc-thạch kim-cương mà thôi đâu. Đối với kẻ học-giả, một mảnh xương người, một miếng đá vỡ về đời thượng-cổ còn có giá hơn là hòn kim-cương mấy chục vạn. Nhà bảo-tàng chính là một sở học, chứ không phải là một kho chứa đồ mà thôi ; những đồ bày đó là để giúp cho sự học, vì học không phải ở sách mà thôi, học còn ở sự-vật nữa, mà học đến sự-vật gì có hình-ảnh ngay trước mặt, đó mới là học đến nơi. Bởi thế nên ở các nước văn-minh, nhà học-đường mở ra nhiều mà nhà bảo-tàng đặt ra cũng lắm, môn học nào cũng có nhà trường dạy, lại có sở trần-thiết, về lịch-sử-học cũng như về vệ-sinh-học, về văn-học cũng như về mĩ-thuật, về binh-học cũng như về nông-công. Không những các ông giáo các trường đem học-trò đến nhà bảo - tàng để giảng - nghĩa, lại thường ở các viện bảo-tàng lớn có đặt ra từng phiên giảng-công, mỗi tuần-lễ hay mỗi tháng mấy lần, khách đến xem có biên tên trước thời được nghe nhà chuyên - môn cắt nghĩa cho rõ-ràng về các đồ-vật bày.

Ở viện Bảo-tàng *Trocadéro*, cũng có những phiên giảng như thế, vừa giảng về khoa chạm khắc, vừa giảng về dân-tộc-học. Nhưng hôm nay đi xem không trúng vào phiên giảng. Ban chạm khắc lại có bán cả các hình nặn cho các nhà nghề và cho khách du-lịch, để truyền-bá các kiểu đẹp đời xưa đời nay.

Xem xong trong nhà bảo-tàng, ra đến ngoài vườn hoa. Vườn rộng thênh-thang, sửa-sang than-thản, chỗ thì bụi cây, chỗ thì bể nước, còn những tượng đồng tượng đá la-liệt. Có sáu

bức tượng lực-lưỡng hình sáu đại-châu : Âu-châu, Á-châu, Phi - châu, Bắc-Mĩ, Nam - Mĩ, Đại - dương-châu. Ở một bên lại có cái sở nuôi cá lớn, mỗi tuần-lễ có diễn-thuyết về nghề nuôi cá.

Quanh quẩn xem mãi đây, đến quá mười-hai giờ trưa mới đi kiếm hàng cơm ăn. Không muốn về trọ xa quá, định gặp hàng nào ăn ở đấy, để quá trưa lại đi xem nhà bảo-tàng *Guimet* ở gần đây. Ở nước nhà, mình phải cái thói ngủ trưa, hễ ăn xong tất phải ngủ nửa giờ một giờ đồng-hồ, nhiên-hậu mới khoan-khoái làm việc được. Sang đây thời thấy mất hẳn cái thói ấy ; một đôi khi cũng có nghỉ buổi trưa, nhưng đó là theo lệ thường, chứ không phải là một sự cần, khuyết không được. Đêm có thức khuya thì sáng dậy trưa, nhưng buổi trưa không cần phải nghỉ-ngơi gì, có thể đi chơi hay làm việc luôn cả ngày được. Đó là một sự lợi thời-giờ nhiều lắm, chứ cái cách cắt một ngày ra làm đôi bằng một buổi nghỉ trưa là cách rất không tiện. Nhưng cái khí-hậu xứ mình viêm-nhiệt, nếu trưa không nghỉ thì người uể-oải, không có tinh-thần đâu mà làm việc cho hết ngày được. Khí-hậu quan-hệ cho sinh-lý như thế ; làm người ở đất ôn-đái thật được nhiều điều sung-sướng tiện-lợi hơn ở các xứ nóng thật. Cứ nghiệm ngay mình : ở nước nhà tuy không phải có đau ốm gì quanh năm, nhưng khi nóng khi lạnh trong người vẫn không được thư-thái ; thế mà từ khi sang đến bên này, thấy trong người khoan-khoái mạnh-khỏe, tưởng xưa nay không bao giờ được như thế.

— Năm xưa làm việc ở trường Bác-cổ vẫn đã biết tiếng nhà bảo-tàng *Guimet*, vì sở này chuyên sưu-tập những đồ cổ thuộc về Á-Đông, thứ nhất là về các tôn-giáo ở Á - Đông, và thường giao-thông với trường Bác-cổ nhiều. Cả buổi chiều đi xem khắp trong nhà bảo-tàng này. Thôi, biết cơ-man nào là những đồ Tàu, đồ Nhật, đồ Cao-ly, Tây-tạng, Mông-cổ, Mãn-châu, An-Nam, Xiêm-la, Cao-miên, Ấn-độ, cùng những tượng thần, tượng Phật, thật là Hằng-hà-sa-số. Đồ sưu-tập trong nhà này gấp mấy nhà bảo-tàng của trường Bác-cổ ở đường Đồn-thủy Hà-nội, mà trường Bác-cổ kể cũng đã nhiều đồ rồi. Lại những đồ sứ cổ, bức họa cổ, đỉnh cổ, lọ cổ, trông mà đẹp mắt quá. Lạ thay, lấy con mắt người An-Nam mà xem những cổ-vật, cổ-tượng của Hi-lạp La-mã, dẫu đẹp mười mươi, nó vẫn thế nào ấy không cảm mình tí nào cả ; hoặc mình đã đọc sách qua mà thấy trong sách khen thì cũng cố miễn-cưỡng tìm cho ra cái đẹp ở đâu, chớ cứ tự-nhiên mà nhìn qua thì thật không lấy gì làm đẹp cả. Như tượng *Vénus*, tranh *Joconde*, cả thế-giới khen là đẹp, mình cũng vâng rằng đẹp, mà trong lòng trong trí thật chưa thấy có cảm-giác gì. Thế mà giá đứng trước một cái lọ sứ đời Minh hay một bức cổ-họa đời Đường, thì tự-nhiên thấy cảm ngay, hình như thần-trí mình cùng với đồ-vật ấy có cái thanh-khí thiên-nhiên vậy. Buổi sớm xem ở sở *Trocadéro*, dẫu nhiều hình đẹp kiểu lạ thật, nhưng đứng đấy vẫn như bỡ-ngỡ, phải gắng sức mới gọi là thưởng - thức được ít nhiều ; nay vào đến sở *Guimet* này, thời như vào chỗ quen-thuộc vậy ; những cái quí cái đẹp ở đây, mình thật biết thật cho là đẹp là quí, không có chút miễn - cưỡng gì. Không nói về văn-chương ; nói về âm-nhạc, về mĩ-thuật, tôi tưởng rằng người Nam mình cũng ít ai nghe khúc nhạc tây, ngắm bức họa tây, mà thật có cái « mĩ - cảm » như người Tây. Có lẽ là người mình không có cái « mĩ - thuật giáo-dục »

(*éducation artistique*) như người Tây, sự giáo-dục ấy nó khiến cho biết thưởng-thức những hình-sắc thanh-âm khác lạ với tai mắt mình. Song ở đời đã không có cái gì là «tuyệt-mĩ», và sự xấu sự đẹp chẳng qua là một sự tập-quán, thì ngoài những kẻ hi-tân hiếu-kỳ, cố-ý lấy cái mới cái lạ làm đẹp, còn phần nhiều người ta quan-sát về mĩ-thuật kì ông thể dời bỏ hẳn cái thiên-kiến riêng của giống mình được. Tỉ như một điều sau này : Người Tây bình-phẩm đàn-bà An-Nam có thói nhuộm răng đen thường nói rằng : Trông miệng người đàn-bà An-Nam tối om như cái hố sâu. — Người Tây có lẽ lấy thế làm xấu thật, nhưng ta lại cho thế là đẹp, cô con gái nào nhuộm răng khéo, đen lánh như hạt huyền, thì tựa-hồ như có duyên thêm lên. Tôi xin thú thật rằng tôi không thể trông được một người đàn-bà An-Nam để răng trắng, dẫu đẹp mười mươi mà coi bộ răng đủ chán ngắt rồi ! Vì người đẹp là người thế nào ? Là một người hệt với hình-ảnh một kẻ « ý-trung-nhân » của mình. Kẻ « ý-trung-nhân » của người An-Nam ta là một người đàn-bà da trắng tóc dài, hình-dung yểu-điệu. . . mà phải có bộ răng đen nhay-nháy mới được. Nếu răng trắng thời bỗng toẹt, không hệt với người trong mộng nữa ! — Có lẽ đó cũng là một cái thiên-kiến, và không khỏi có kẻ chê là hủ-lậu. Nhưng sự đẹp sự xấu nhiều khi chỉ quan-hệ ở một cái thói quen trần-hủ mà thôi...

Nhưng lấy cái phương-diện học-vấn mà xét, thời người ta ai cũng nên biết thưởng-thức mĩ-thuật các nước; xem đồ ngoại-quốc dẫu không có cảm mà cũng phải biết hiểu mới được, hiểu cái đẹp của người ta ở đâu và sở-dĩ làm sao người ta cho là đẹp.

Người Tây thật là có cái trí thông-hiểu như thế ; xem như cách sưu-tập và xếp-đặt những đồ Á-Đông ở trong nhà bảo-tàng *Guimet* này thì đủ biết.

Nhà bảo-tàng này nguyên là của một ông phú-hào tên là Emile Guimet, ông thường đi du-lịch ở các nước Đông-Á mua được nhiều đồ cổ đem về bày ở nhà, sau dần-dần mở rộng ra làm một sở bảo-tàng, trước còn ở *Lyon*, rồi đến năm 1888 ông biếu nhà-nước chuyển đem lên *Paris*, ở đường *Iéna* bây giờ. Ông mới mất được mấy năm nay; hồi sinh-thời ông ham khảo-cứu về các tôn-giáo Á-Đông đến nỗi rước những sư Tây-tàng, sư Nhật-bản về nhà mà lập đàn-tràng làm các lễ để mời những nhà bác-học đến xem.

Viện bảo-tàng *Guimet* đã có ảnh-hưởng to về khoa Đông-phương-học ở nước Pháp. Ngoài các bộ đồ trần-liệt, lại có một cái thư-viện nhiều những sách về Á-Đông. Lại xuất-bản những sách nghiên-cứu nhiều lắm, gọi tổng-danh là « *Guimet* Bảo-tàng-viện Tùng-thư (*Publications du Musée Guimet*). Mỗi năm trong mấy tháng, cứ mỗi tuần-lễ có một phiên diễn-thuyết công về văn-chương mĩ-thuật, tôn-giáo, triết-học các nước Á-Đông, do những tay bác-học có tiếng đến diễn và thiên-hạ đến nghe đông lắm.

Hội « Đông-phương Ái-hữu » (*Société française des Amis de l'Orient*) cũng có hội-sở ở đấy. Nhân vào xem nhà bảo-tàng, có lại thăm chánh-thư-ký Hội là cô K. và phó thư-ký là ông B. Cô K. cũng là một tay bác-học, chuyên-trị về Ấn-độ, lại có tài họa giỏi lắm. Ngồi nói chuyện giờ lâu về cái lẽ tương-thân của người Đông-phương với người Tây-phương. Hội này đặt ra chính là để giúp cho sự tương-thân đó. Hội họp những người Pháp có cảm-tình với Đông-phương và tiếp những người Đông-phương sang qua chơi bên Pháp. Hội mới rồi có nghênh-tiếp

nhà đại-văn-hào Ấn-độ RABINDRANATH TAGORE. Ông B. và cô K. có ngỏ lời muốn mời mình diễn-thuyết cho người trong Hội nghe; mình cũng hứa nhận, nhưng chưa định bao giờ. Hiện còn đương phải soạn một bài cho trường Thuộc-địa, nếu lại phải làm bài nữa cho Hội Đông-phương-ái-hữu này, thì thành ra bận quá: sang đây để tiêu-dao xem-xét mà thành ra cứ phải viết hoài!...

Chủ-nhật 28 tháng 5.

Hôm nay ở trọ, viết nốt bài diễn-thuyết cho trường Thuộc-địa. Bài này nghĩ đã mấy tuần nay, thảo cũng được khá rồi. Muốn nói rõ về cái tình-cảnh nước Nam ta về đường tinh-thần thế nào. Đề là « Sự tiến-hóa của dân An-Nam từ khi đặt Bảo-hộ Pháp ». Trị cái đề này cho cứng và cho ổn cũng khó thật; khó là muốn cho vừa cứng mà vừa ổn. Nếu ổn quá thì thành ra nịnh rồi, mà nịnh thì mình không mặt mũi nào; mà nếu cứng quá tất sẵng, mà sẵng cũng không xong. Thật là một sự khổ-tâm. Phải xoay làm sao cho êm-thấm mà không hại đến cái chí bình-sinh của mình. Khó, khó quá!...

Thứ hai, 29

Hôm nay cũng ở nhà, làm cho xong bài diễn-thuyết, vì chiều thứ tư này đã phải diễn đây.

Có ông bạn giới-thiệu cho một người thiếu-phụ, coi cũng hữu-tình. Lấy chén nước chè, làm đầu câu chuyện, chuyện vẩn chuyện dài, tối ngày không biết...

Thứ ba 30

Buổi sáng đến thăm quan Nguyên-soái P., ngài đưa đi xem nhà « Câu-lạc-bộ » của các quan võ (*Cercle des officiers*), lại đưa đến « Phòng khảo-sát về việc Thuộc-địa » của mấy ông Nghị-viên lập ra, và giới-thiệu cho biết ông nghị-viên G., là đại-biểu một thuộc-địa ở Hạ-nghị-viện. Ông này người lanh-lợi hoạt-bát lắm, tiện đây ông có mời đi ăn cơm trưa với ông để nói chuyện cho tiện. Ông hỏi-han nhiều điều về việc chính-trị bên ta.

Thứ tư 31

Chiều hôm nay là ngày diễn-thuyết đây. Nghe đâu trường Thuộc-địa có gửi giấy mời nhiều người lắm.

11 giờ đến thăm quan Cai-trị C. ở Kinh-tế-cục. Ngài đọc cho nghe lời ngài giới-thiệu mình chiều hôm nay; có nhiều câu quá khen lắm.

3 giờ chiều ở trường Đại-học *Sorbonne* có khai hội-nghị các nghị-viên các nước về thương-nghiệp (*Conférence internationale parlementaire du Commerce*), ông nghị-viên Pháp CHAUMET làm chủ-tọa. Trong đại-diễn-đàn nhà *Sorbonne* có tới 3 nghìn người đến xem, mình cũng nhờ người quen cho vé được vào xem. Ông CHAUMET diễn-thuyết trước, đại-khái nói thương-nghiệp ngày nay là một việc rất quan-hệ đến quốc-tế, nghị-viên các nước nên hiệp-lực nhau mà nghiên-cứu các vấn-đề về việc giao-thông buôn-bán trong vạn-quốc. Rồi kế đến đại-biểu Nghị-viện các nước, Anh, Mĩ, Ý, Nhật, Tì, v. v..., mỗi người tiếp nhau diễn-thuyết một hồi, có người nói bằng tiếng Anh, mình nghe chẳng hiểu gì cả, mà xem chừng những người ngồi quanh mình cũng thế.

Xem xong, về trọ nghỉ một lát, rồi đi ăn cơm để sửa-soạn diễn-thuyết buổi tối. Tối hôm nay quyết ăn mặc quần-áo An-Nam, lấy quốc-phục làm lễ-phục, cho nó thêm trịnh-trọng. Nghiễm-nhiên ra một anh « đồ » An-Nam mà ngồi diễn-thuyết bằng tiếng

Pháp, chắc người nghe phải chú-ý vào những lời mình nói. Cái bộ áo « anh đồ » này, ở bên mình khinh thường, chứ ở đây có giá-trị lắm. . .

12 giờ. — Được lắm. Diễn-thuyết được lắm. Bắt đầu từ 8 giờ 3/4; người đến nghe ngồi chật cả các ghế trong phòng diễn-thuyết trường Thuộc-địa, ước tới 300 người. Trên diễn-đàn, mình ngồi giữa, quan đốc OUTREY ngồi bên tay phải, quan cai-trị CHATEL ngồi bên tay trái. Quan CHATEL đọc mấy lời giới-thiệu mình cho thính-giả, rồi mình diễn-thuyết luôn từ 9 giờ đến 10 giờ rưỡi, kể cũng lâu, nhưng xem ra người nghe không chán, lại hoan-nghênh lắm, vỗ tay luôn. — Diễn xong nhiều người đến nói là : Được lắm ! được lắm ! — Sau cuộc diễn-thuyết có chớp ảnh về Đông-Pháp, mãi quá 11 giờ mới tan.

Thứ năm, 1 tháng 6

Được tin chiều hôm nay quan Thủ-tướng POINCARÉ sẽ diễn-thuyết ở Hạ-nghị-viện. Mỗi lần quan Thủ-tướng diễn-thuyết, xin được vé vào nghe là khó lắm. Mà mình thì lâu nay mong-mỏi được nghe quan POINCARÉ, không có lẽ để lỡ mất dịp này. Nhưng làm thế nào xin được vé bây giờ ? Có mấy ông nghị quen thì hỏi không ông nào có thừa vé cả. Chỉ còn một cách là đến thăm quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư SARRAUT mà cố xin, họa may được chăng.

Vậy sớm hôm nay đến bộ Thuộc-địa. Lần này mới biết cái cảnh chầu-chực cửa quan là một. Thường thấy chữ tây có câu *faire antichambre*, bây giờ mới biết là thế nào. *Faire antichambre* là đứng chực ở phòng đợi cho đến lượt mình vào, vì lúc ấy đã có sáu bảy người đến trước mình chực vào thăm quan Thượng-thư rồi. Ấy là ít, chứ nghe đâu có ngày đến mấy chục người, ai đến sau phải đợi mất cả ngày cả buổi. Nhưng hôm nay quan Thượng-thư lại vừa đi hội-đồng vắng, chỉ có quan Chánh Văn-phòng tiếp khách thay ngài mà thôi. Quan Chánh Văn-phòng đây chính là quan TOUZET, năm xưa mình đã được biết ở Hà-nội. Vậy không được tiếp mặt quan Thượng-thư thì xin vào thăm quan Văn-phòng vậy. Song cũng phải đợi, vì những người đến trước mình họ cũng xin vào thăm quan Chánh Văn-phòng cả. Ngồi trong phòng đợi đọc không biết mấy chục tờ nhật-trình nữa mà chưa đến lượt mình. Đã thấy mấy tờ nói qua đến cuộc diễn-thuyết của mình tối hôm qua. Đến từ 9 giờ đợi đến 11 giờ mới được tiếp chuyện, nhưng chậm thế mà lại may, vì nhân đó mà tình-cờ được gặp quan Thượng-thư.

Quan TOUZET tiếp một cách ân-cần vui-vẻ lắm, hỏi-han mọi việc bên ta. Sau mình mới ngỏ ý muốn xin một cái *carte* để vào Nghị-viện chiều hôm nay, ngài có ý ngần-ngại nói rằng : « Quan Thượng-thư chỉ còn có hai cái *cartes* để dành cho người quen. Không biết ngài có cần dùng đến không ; nay ngài đi hội-đồng vắng, tôi không dám tự-tiện. » Nghe thấy thế, mình đã lấy làm thất-vọng rồi : đến xin tận đây mà không được thì không còn mong gì nữa. Đương lúc ấy thì nghe tiếng còi ô-tô ở ngoài xa về, quan Chánh Văn-phòng nói : « Quan Thượng-thư đã về kia. Ông có muốn vào chào ngài mấy phút, để tôi cho người bẩm. Buồng giấy ngài ở cạnh đây. » Chưa nói xong thì đã thấy quan Thượng-thư tay cắp cặp ở ngoài vào. Ngài trông thấy, có ý vồn-vã hỏi-han. Bấy giờ quan Văn-phòng mới tỏ ý tôi muốn xin *carte* vào nghị-viện cho ngài biết. Ngài cũng hơi lưỡng-lự, hỏi quan Văn-phòng : « Có phải chỉ còn hai cái *cartes* không ?... » Quan Văn-phòng nói phải ; ngài nghĩ

một lúc rồi nói rằng : « Chính chiều hôm nay quan POINCARÉ sẽ diễn-thuyết đây. Tôi đã hứa lấy hai cái *cartes* cho người quen... Nhưng mà thôi, để tôi bảo lại người ta, lần khác người ta đi cũng được... » Rồi ngài ngoảnh lại quan Văn-phòng mà bảo : « Ông cứ đưa một cái cho ông Phạm Quỳnh. » — Bấy giờ thật tôi mừng như được hòn ngọc báu vậy. Cảm ơn quan Thượng-thư, quan Văn-phòng, rồi lui về. Hai ngài đều ân-cần dặn rằng còn ở chơi *Paris* nên năng lại thăm hai ngài, và có chuyện gì cứ đến mà hỏi, không ngại gì.

Nghị-viện đúng 3 giờ khai hội-đồng. Ba giờ kém một khắc, mình đã ở đó rồi : thật là chăm lắm ! Tới cửa đã thấy người đông cả : các ông nghị thì đứng tụm lại chỗ năm người chỗ ba người, nói cãi ồn ào, nhiều ông trông ra dáng hăng-hái lắm. Người đến xem, hoặc là bà con thân-thuộc của các ông nghị-viên hay các quan thượng-thư, hoặc người các nước do các toà sứ xin giấy cho vào, ai nấy tấp-nập như muốn đi mau để lấy chỗ. Tự cửa ngoài vào có mấy chặng canh, toàn là những chân « thừa-phái » (*huissiers*) của Nghị-viện. Chặng thứ nhất hỏi vé, rồi xướng lên cho chặng thứ nhì biết ; tôi nghe thấy xướng : « *Ministres* », nghĩa là có vé của các quan Thượng-thư cho, chắc là có chỗ ngồi riêng; chặng nọ xướng cho chặng kia, lên mấy từng gác, rồi mới đến một chỗ có người « thừa-phái » cầm lấy vé, mở cửa chỉ cho vào, mũ gậy phải để ở ngoài cả. Vào đến nơi đã thấy người ngồi đông, trên mình, dưới mình, quanh mình rặt những người đến xem đông nghìn-nghịt. Nhà nghị-viện tựa như kiểu nhà Hát Tây, nhưng rộng lắm. Chỗ sân khấu là chỗ các ông chánh-phó nghị-trưởng, chánh-phó Thư-ký và những người có phần việc ngồi. Còn sàn giữa bày ghế vòng quanh là chỗ các ông nghị ngồi, có đâu hơn 600 ghế, ông nào đã có ghế nhất định ; những người đến xem quen, người ta đã thuộc cả những chỗ ngồi, thấy chỉ trỏ ; « Chỗ này là chỗ ông DAUDET, chỗ kia là chỗ ông CACHIN, v.v. ». Ở giữa, vào hàng thứ nhất là dẫy ghế các quan Nội-các, tức là các quan Thượng-thư. Còn diễn-đàn thì đặt ngay chính giữa, dưới chỗ ông nghị-trưởng ngồi. Người xem thì ngồi các từng trên, vòng chung quanh như các « lô » nhà Hát. Nghe đâu có chia ra từng nào là từng khách của các quan Nội-các, từng nào là từng khách của các ông nghị-viên, lại khu nào là khu để riêng cho các sứ-thần ngoại-quốc, v.v.. Coi cũng có cái vẻ nghiêm-trang và uy-vệ lắm. Chỗ này là chỗ bàn-bạc những quốc-sự của Đại-Pháp đây. Một nước dân-chủ thời Nghị-viện tức là vua : cái chủ-quyền của nước Pháp là chung-đúc ở chốn này, mà vận-mệnh nước Pháp cũng kỳ-thác ở chốn này đây. Gặp những cơ-hội quan-trọng, thời sự chiến, sự hòa, việc quân-cơ, việc quốc-phòng là quyết-định ở đây cả. Cái đêm ngày mồng 4 tháng 8 năm 1914, cả nghị-viện đồng-thanh quyết khai-chiến với Đức, không biết cái cảnh-tượng ở chốn này thế nào nhỉ ?

Đúng 3 giờ thấy lính đầu rồng đứng hai bên cửa sân khấu, dơ gươm, hô : « Ngài nghị-trưởng » (*M. le Président !*), rồi ông nghị-trưởng RAOUL PÉRET đội mũ đi vào, bước lên thượng-tọa. Bấy giờ các ông nghị ở các nơi mới kéo vào giải-tọa cả. Các ông ngồi chật ních, không sót một chỗ nào. Nghe đâu những buổi thường thời không mấy khi nghị-viên đến đông đủ, nhưng buổi nay có bàn về việc ngoại-giao của Chính-phủ, quan Thủ-tướng POINCARÉ phải đáp lại lời chất-vấn của đảng phản-đối, nên không ông nghị nào vắng mặt cả.

Quan POINCARÉ nói luôn trong 3 giờ đồng-hồ, từ ba giờ rưỡi đến 6 giờ rưỡi mới thôi. Trong khi nói, kẻ thì vỗ tay, kẻ thì huýt còi, chốn nghị-trường thành một nơi rất náo-nhiệt. Sau bỏ vé quyết-nghị thì phần nhiều nghị-viên biểu đồng-tình với Chính-phủ... (1)

— Buổi tối cùng ông V. ăn cơm ở nhà quan Nguyên-soái P., mãi đến khuya mới về trọ. Quan Nguyên-soái và quí phu-nhân người phúc-đức lắm, con cháu đầy nhà; bữa tiệc rất vui-vẻ.

(Còn nữa)

P. Q.

THANH-HÓA NHÂN-VẬT-CHÍ

Đất Thanh-hóa ngoài thời liên-tiếp địa-giới Bắc-kỳ, trong thời khởi-dẫn địa-mạch Trung-kỳ, non xanh nước biếc, tú-khí chung-linh, nên chi đời nào cũng sản-xuất ra nhiều bậc vĩ-nhân anh-kiệt. Thuộc về đời Lý đời Trần trở về trước, thời tức là bờ-cõi Cửu-chân, khai-thác ra kể đã mấy mươi thế-kỷ; mà thuộc về triều Lê triều Nguyễn trở về sau, thời tức là trấn-thủ Thanh-hoa, các đời đế-vương phát-tích cũng khởi ra từ đó. Như thế thời Thanh-hóa không những là một nơi thắng-tích, sơn-thủy thanh-kỳ; mà lại là một chốn danh-khu, lắm kẻ anh-tài xuất-hiện; thực là địa-linh nhân-kiệt, đất Thanh-hóa đã từng dự một phần vị-trí vẻ-vang trong lịch-sử nước Nam ta.

Nhưng xưa nay chính-sử và các ngoại-sử chép về sự-tích và nhân-vật tỉnh Thanh-hóa, thời rất là man-mác, không mấy người đã hay kê-cứu ra cho tường, và sưu-tập lại cho đủ.

Nay ông LE BRETON, cách-trí-khoa cử-nhân, khi làm Đốc học Thanh-hóa đã có ý kê-cứu về lịch-sử chốn danh-đô, vậy có soạn ra một quyển *Thanh hóa nhân-vật-chí* làm bằng Pháp-văn. Ông kê-cứu khắp cả các lịch-sử và các bi-ký. Trong sách chia ra từng mục; 1o các bậc sử-thần, 2o các đời vua khai-sáng, 3o các danh-nhân lịch-triều, v. v... Xem ra nhiều sự-tích ông kê-cứu rất rộng và rất là công-phu. Ông lại có dẫn chứng-cứ ở các sử-truyện rõ-ràng, đủ lưu làm một bài khảo cổ về lịch-sử.

Mong rằng những người học-thức ngẫm có làm gương mà biên-tập sử-ký các tỉnh như ông LE BRETON thì có thể giúp được một phần lớn cho việc sử nước Nam ta về sau này vậy.

Ông NGUYỄN QUÍ-ĐOÀN vốn có bụng về việc duy-trì quốc-túy, thấy quyển «*Thanh-hóa nhân-vật-chí*» chép sự-nghiệp của những bậc vĩ-nhân anh-kiệt trong nước, nên đã xin phép tác-giả dụng-công dịch ra quốc-văn. Ông lại giao bản-dịch cho bản-chí mà ông nói đại-ý rằng: « Bây giờ ở trong nước nhiều người chỉ biết lịch-sử những danh-nhân ngoại-quốc, mà ít người am-tường những anh-hùng liệt-nữ nước nhà, như thế cũng là một sự khuyết-điểm trong đường giáo-dục. Vì vậy ông có dịch quyển « *Les Hommes Illustres de Thanh-hóa* » ra quốc-văn, mong rằng người nước ta, xem gương người trước mà bắt-chước, họa may có bổ ích ít nhiều vào việc quốc-gia-giáo-dục chăng... »

Bản-chí thể lòng dịch-giả, cứ theo bản dịch-văn mà lần-lượt đăng như sau này.

Đ.- C.

(1) Xin xem lại bài « Lược-thuật sự du-lịch ở thành *Paris* » trong N.-P. số 63, trang 261 đã nói rõ về bài diễn-thuyết ở nghị-viện của quan POINCARÉ.

Tựa

Khắp trong nước An-Nam, chỉ có tỉnh Thanh-hóa là có nhiều nhà dòng-dõi sang-trọng. Muốn hiểu rõ cứ xem mục - lục sau này thì hiểu nguyên - quán các vua sáng-nghiệp nước Nam.

	CÁC TRIỀU	SÁNG-NGHIỆP	NGUYÊN-QUÁN
1	Tiền-Lý (538-602)	Lý Bôn (538-548)	Thái-bình
2	Ngô (939-965)	Ngô Quyền (939-944)	Sơn-tây hay là Thanh-hóa
3	Đời nhà Ngô (tiếm ngôi)	Dương Tam-Kha (944-950)	Thanh-hóa
4	Đinh (965-979)	Đinh Bộ-Lĩnh (965-979)	Phần tỉnh Thanh-hóa bây giờ thuộc về Ninh-bình
5	Tiền-Lê (980-1010)	Lê Hoàn (980-1006)	Hà-nam hay là Thanh-hóa
6	Hậu-Lý (1010-1225)	Lý Công-Uẩn (1010-1028)	Bắc-ninh
7	Trần	Trần Thủ-Độ (1225-1258)	Nam-định
8	Hồ (1400-1407)	Hồ Qui-Ly (1400-1401)	Thanh-hóa
9	Hậu-Lê (1418-1793)	Lê Lợi	Thanh-hóa
10	Mạc (tiếm ngôi) 1527-1593	Mạc Đăng-Dung (1527-1530)	Hải-dương
11	Nguyễn-Triều (1558) mãi đến ngày nay.	Nguyễn Hoàng (1558-1613)	Thanh-hóa

Trong mười một vua khai-sáng hay là tiếm ngôi mà trị-vì được lâu hay chóng, thì có ba ông quê ở Thanh-hoá, một ông vua quán ở tỉnh Ninh-bình mà năm Minh-mệnh thứ 9 thuộc về tỉnh Thanh-hóa (1828), và hai ông không biết đích ở về hạt nào. Đến thế-kỷ thứ ba, một bà tên là Triệu Thị-Âu xưng-vương ở Thanh-hóa; đến thế-kỷ thứ bảy Lê Ngọc trị-vì được vài năm ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ, đóng kinh-đô ở ấp Đông-phố trong tỉnh Thanh-hóa. Về sau lại có nhà Trịnh lộng quyền, cũng là người quán ở Thanh-hóa, bức-hiếp Lê-hoàng chỉ ngồi hư-vị (từ thế-kỷ thứ 16 đến thế-kỷ thứ 18) nên chúa Nguyễn cho nhà Trịnh là tiếm ngôi.

Thế là đất Thanh-hóa được có cái danh-giá là vì có bấy nhiêu nhà đại-tộc đã làm vẻ-vang trong sử-ký nước Nam thì nhiều nhà gốc-tích ở tỉnh ấy.

Vì có nhiều người tài giỏi sản-xuất ra tự tỉnh Thanh-hóa nên tỉnh ấy được dự vào việc chính-trị một phần rất lớn-lao.

Kể về địa-lý thời các ven bờ hay biến-cải và không có bến đỗ, bề dọc những các con sông thời nhiều chỗ rộng mà sâu, ở gần bên sườn núi lắm hang nhiều hốc, ở trong những thung-lũng thì rậm-rạp khó đi lại, ở những chỗ ấy giống người An-Nam đã tìm được một nơi thắng-địa là « Thanh-hóa ». Suốt mấy thế-kỷ, giống người An-Nam định-trú ở Thanh-hóa, để lo-toan về việc khai-thác (về phía Nam) và mưu-tính để tụ-họp binh lính mà làm cho trọn thiên-chức mình.

Trong lúc nguy-biến thời đất Thanh-hóa là chốn trọng-yếu của nước An-Nam hơn Hà-nội, vì lòng hi-vọng của loài giống đều ký-thác cả ở đấy. Đất Thanh-hóa là nơi thắng-địa có nhiều

tôn-lăng của các tiền-triều mà lại là một nơi phát-tích của các bậc anh-hùng có giá-trị vẻ-vang nhất trong lịch-sử.

Từ cuối thế-kỷ thứ 14 cho đến thế-kỷ thứ 18, thì Thanh-hóa dự vào việc chính-trị lại càng có phần trọng-đại hơn nữa: Như là lập hai kinh-đô: 1° Lê Qui-Ly lập Tây-đô ở hữu-ngạn sông Mã (1397); 2° vua Lê Lợi lập Yên-trường ở hữu-ngạn sông Chu là nhánh sông Mã. Lại nhiều khi Lê Mạc đánh nhau (thế-kỷ thứ 16) và Nguyễn Trịnh giao binh (thế-kỷ thứ 17 và thế-kỷ thứ 18), đều lấy đất Thanh-hóa làm trọng-địa.

Lúc nhà Mạc tiếm ngôi, thì tỉnh Thanh-hóa và tỉnh Nghệ-an theo quyền-chính vua nhà Lê, làm thành đất Tây-Việt, kinh-đô thì đóng ở Tây-kinh (1); đất Bắc-kỳ thì nhà Mạc lấy được lập thành Đông-Việt mà kinh-đô là Đông-kinh (2) (Hà-nội). Khi nhà Mạc thua chạy về phía bắc Bắc-kỳ thì việc chính-trị tỉnh Thanh-hóa lại vẫn giữ một phần lớn, tuy rằng có hai kinh-đô, mà hóa ra ba là kể cả Đông-kinh, Tây-kinh và Yên-trường. Nguyên là khi nhà Trịnh đi về phía nam giao-binh với chúa Nguyễn thì rước cả vua Lê và hoàng-tộc về Thanh-hóa, có đem cả vàng bạc châu báu, vì nhà Trịnh và nhà Lê cho là ở Thanh-hóa vững bền hơn ở Hà-nội, sợ ở Hà-nội thời thế nào quân nhà Mạc cũng về đánh, hay là những dân Trung-châu ở Bắc-kỳ chắc thế nào chả khởi-loạn đánh đuổi họ Trịnh.

Tuy rằng địa-vị tỉnh Thanh-hóa ở trong xứ An-Nam lớn là thế mà lúc tôi làm Đốc-học các trường Pháp-Việt ở tỉnh ấy đã từng thấy rằng không những học-trò cả, đến các bậc văn-nhân cũng không biết rõ lịch-sử tỉnh Thanh. Tại lẽ ấy tôi mới biên-chép lịch-sử tỉnh Thanh-hóa chia ra làm bốn mục: địa-thế, nhân-vật, lịch-sử, thổ-sản, chính-trị, nay tôi lại chép riêng ra bộ này là: « *Thanh-hóa nhân-vật-chí* ».

Những văn-nhân phần nhiều chỉ thích xem những truyện huyền-hoặc, gia-dĩ những truyện ấy chép mỗi chỗ một khác, nên lại phản-đối với nhau. Đức Tự-đức có phê vào trong pho « *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* » nói về truyện huyền về đời vua Hồng-Bàng rằng: « Những truyện ấy toàn là huyền-hoặc cả, không tài nào mà tra-cứu được. » Về truyện huyền ấy thì chúng tôi cũng theo như ý với vua Tự-đức.

Trong truyện chép về nhân-vật, tôi chỉ chép một ít truyện huyền và truyện lạ mà người bản-quốc thích nghe. Còn pho sách đang soạn chúng tôi sẽ kể những truyện huyền-hoặc rất hay rất nhiều ở Thanh-hóa, xem những truyện ấy không những là hay mà lại còn có thể giải-quyết được nhiều điều xưa nay vẫn không phân-minh.

Sách này tôi chỉ cốt kể truyện thực chứ không phải truyện ngụ-ngôn, nên chỉ chép những truyện có căn-nguyên chắc-chắn và thật có giá-trị về *sử-ký*.

SỬ-THẦN

Lê Văn-Hưu 黎文休

Lê Văn-Hưu tiên-sinh hay là Lê Hưu là một nhà chép sử-ký đầu tiên mà đã kể ở trong *Việt-Nam sử-ký*.

Ông quê ở làng Phủ-lý, huyện Đông-sơn. « Ông đỗ tiến-sĩ năm đinh-vị (1247) niên-hiệu Thiên-ứng-Chính-bình

(1) Vua Lê Lợi đặt tên Tây-đô là Tây-kinh.

(2) Vua Lê Lợi đặt tên Đông-đô là Đông-kinh.

đời vua Trần Thái-Tôn (1). Ông làm Binh-bộ Thượng-thư được phong Nhân-uyên-hầu sung chức Hàn-lâm chưởng-ấn và Tổng-tài Quốc-sử-quán. Ông tài-đức kiêm-toàn, được cử làm Phụ-đạo đức ông Triệu Minh-vương (Trần Quang-Khải). Vua Trần Thái-tôn sai ông chép sử từ đời Triệu Võ-đế (270 trước năm Thiên-chúa giáng-sinh) cho đến đời vua Lê Chiêu-hoàng (là năm 1224) Đến đời vua Trần Thánh-tôn (là năm 1258-1278) thì Lê Văn-Hưu tiên-sinh chép xong pho sử ấy. Ngày rằm tháng giêng năm nhâm-thân (1272) niên-hiệu Thiệu-long, bộ sử ấy dâng lên ngự-lãm. Cả bộ là 30 quyển gọi là « *Đại-Việt-sử-ký* ». Bộ sử ấy bây giờ không được toàn nguyên như lúc Lê Văn-Hưu tiên-sinh mới soạn ra, nhưng mà nhờ có sách sử ấy nên mới có sử-ký chép về sau, cũng lấy ở đấy mà ra, những nhà chép sử đời sau cũng nhờ có bộ sử ấy mà sửa soạn đặt thêm ra.

2. Lê Tắc 黎 崱

Lê Tắc tiên-sinh tự là Cảnh-Cao, hiệu là Đông-sơn, dòng-dõi Nguyễn Phu là thứ-sử Bắc-kỳ đời Đông-Thanh (năm 317-419). Năm 1285 (2), khi quân Mông-cổ và nhà Trần đánh nhau thì ông sung chức từ-hàn cho Hoàng-tôn.

Hoàng-tôn tên là Trần Kiện, tước Chương-hiến-hầu, sau ra đầu-hàng quan Nguyên-súy Tàu tên là Toa-Đô (*So-Xou*, ông Marco Polo gọi là *Sugata*. Quan Tàu đưa về Bắc-kinh, khi đi đến Lạng-sơn, bị toán quân nhà Trần đón đánh, Trần Kiện mệnh-một. Lê Tắc bèn đem thi-hài về chôn ở Khâu-ôn; chôn xong rồi theo hàng vua Tàu; ở bên Tàu mãi đến lúc chết. Khi ở bên ấy, Lê Tắc có soạn một pho sử về An-nam rất hay, chia ra làm hai-mươi mục, gọi là *An-Nam chí-lược*. Sách này là một người An-Nam đã phản-quốc soạn ra, theo thể-cách Tàu, nên người Tàu còn giữ được sách ấy mà những sử-thần bản-quốc thì không biết đến.

Sách của Lê Văn-Hưu tiên-sinh không được toàn, nên sách sử về nước Nam cũ nhất mà tôi khảo-cứu được là sách *An-Nam chí-lược* của Lê Tắc tiên-sinh.

Thế-kỷ thứ 18, những nhà làm sử đời Kiền-long đã xét rằng sách của Lê Tắc đáng được ghi chép vào « Tứ-Khố ».

Ông Sainson đã xuất-bản, in tại Nhật-bản năm 1884 một bản dịch sách « *An-Nam chí-lược* ». Nhưng mà bản chính dùng để làm ra pho sách in năm 1884, thì không những là không toàn vẹn mà lại sai lầm nhiều lắm. Giá thử theo bản viết của *British Muséum* còn giữ được mà chữa lại ít nhiều, họa ra đỡ sai lầm.

3. Lê Hi 黎 禧

Lê Hi tiên-sinh sinh năm 1646 ở làng Thạch-khê, huyện Đông-sơn, ông thi đỗ tiến-sĩ năm 1664. Ông mấy năm ở bờ Tây-hồ Hà-nội chuyên nghề văn-chương, rồi đến năm 1684 được bổ làm Binh-bộ tham-tri, sau thăng lên Binh-bộ Thượng-thư được phong Lai-sơn-bá. Tháng bảy năm Chính-hòa thứ 23 (năm 1702), ông mệnh-một, được phong-tặng Lại-bộ Thượng-thư và Lai quận-công.

(1) Trần Thái-tôn tức vị năm 1225, truyền ngôi năm 1258; năm 1277 thì băng-hà. Vua nhà Trần trước khi băng-hà đã nhường ngôi, đã tự chọn lấy người nối ngôi; tục đó các vua nhà Trần đều theo cả. Tuy đã nhường ngôi nhưng vẫn có quyền-hành ở trong nước, tôn-hiệu gọi là Thượng-hoàng.

(2) Đời vua Trần Nhân-tôn trị-vì (năm 1279-1293).

Nửa thế-kỷ thứ 17 về sau những vua nhà Lê khuyên dụ các sử-thần chép sử-ký hiện-thời, cùng sửa lại những quyển đã xuất-bản từ trước. Năm ất-vị (1665) niên-hiệu Cảnh-trị, Phạm Công-Trứ tiên-sinh làm bài tiểu-dẫn một quyển sách để dâng lên vua Lê Huyền-tôn, quyển sách ấy là *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*. Nhiều người văn-nhân làm giùm vào quyển sử ấy.

Quyển ấy có bốn đoạn : đoạn thứ nhất từ vua Hồng-bàng đến Thập-nhị-sứ-quân, nhà Ngô (năm 967) ; đoạn thứ hai từ Đinh Tiên-hoàng (năm 968) đến vua Lê Thái-tổ (năm 1428) ; đoạn thứ ba từ Lê Thái - tổ đến Lê Cung-Hoàng hay là đến nhà Mạc (năm 1532); đoạn thứ tư « *Đại-Việt sử-ký bản-kỷ tục-biên* » từ Lê Trang-tôn (năm 1533-1540) nghĩa là từ đời Lê trung-hưng cho đến Lê Thần-tôn (năm 1662).

Ông Phạm Công-Trứ không thay-đổi một chút nào, hai đoạn sách trên này của Ngô Sĩ - Liên tiên - sinh. Vậy ông chỉ chép ra hai đoạn cuối mà thôi. Hai đoạn ấy chép sử nhà Lê nghĩa là các vua chúa Lê - triều. Ngay bấy giờ vua Lê Huyền-tôn có sai khắc các bản mà in, nhưng in chậm lắm.

Vua Lê Hi - tôn (1675 - 1705) sai Lê Hi tiên-sinh và Nguyễn Qui-Đức tiên-sinh chép sử bắt đầu từ đời Lê Huyền-tôn (năm 1662-1671) cho đến cuối đời Lê Gia-tôn (năm 1672-1673) cả thảy 13 năm. Đoạn này gọi là tục-biên chẳng khác gì đoạn thứ tư trong sách của Phạm Công-Trứ tiên-sinh, mà kỷ-thực là một chương bổ thêm vào sách ấy. Chép đoạn tục-biên ấy công-lao khó-nhọc lắm, một là vì chép cả những chuyện mới qua ; hai là vì có nhiều điều e-lệ không dám nói đến. Mãi đến năm thứ 18, niên-hiệu Chính-hòa (1697), Lê Hi tiên-sinh cùng với các văn-thần chép xong sách, mới ký bài biểu dâng lên, vua sai khắc ván in ngay, để ban-phát cho quần-thần.

4. Nguyễn Dật-Sảng 阮逸爽

Nguyễn Dật-Sảng tiên-sinh, sinh ở Đơn-phong. Người ta vẫn bảo rằng chính tiên-sinh soạn ra quyển « *Tam-thai-sơn linh-tích* », thuật các truyện truyền-khẩu về núi Tam-thai (huyện Thạch-thành). Trên núi ấy có đền thờ đức bà Liễu-Hạnh, con vua Ngọc-hoàng.

Nguyễn Dật-Sảng tiên - sinh cũng soạn quyển « *Tiền-Lê tiết-nghĩa lục* » để kỷ-công những quần-thần tử-tiết vì nhà Lê lúc đánh nhà Mạc; đoạn cuối sách ấy có bàn về những kẻ nghịch-thần đã phò đảng tiếm-quốc.

5. Cao Lạng 高諒

Cao-Lạng tiên-sinh quê ở huyện Cổ - đẳng, bây giờ là huyện Hoằng-hóa. Tiên-sinh làm ra bộ « *Quốc-triều sử-chí, Vạn-tượng vạn-nghi* »; sách này thì trong sổ tòa Nội-các năm 1884 đã ghi rồi. Vậy thì sách ấy mới mất. Những truyện thuật về sử-ký Ai-lao thật hiếm lắm, nếu mất quyển sách có nhiều truyện chép về thành Viên-chan mấy năm cuối thì tiếc lắm vậy. Có một quyển sổ chú-thích rằng sách « *Quốc-triều sử-chí Vạn-tượng vạn-nghi* » làm về đời vua Minh-mệnh (năm 1820-1841).

Cao Lạng tiên-sinh cũng làm ra bốn quyển sách này : Một là « *Lịch-triều tạp-ký* » chép những truyện về thế-kỷ thứ 17 và 18 ; tiên-sinh nhặt ở những sách khác mà làm ra sách ấy hồi đầu thế-kỷ thứ 19. Trong « *Cương-mục* » (1) thường kể đến sách ấy gọi là « *Cao Lạng tạp - chí* ». Hai là « *Ngã - Việt*

(1) Sách *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* vua Tự-đức sai làm.

Hoàng-Lê-triều lịch - khoa tiến-sĩ đề danh bi văn » sách ấy biên góp những bia đời nhà Lê ghi tên các quan tiến-sĩ đời ấy mà bây giờ ở Văn-miếu hãy còn. Những bia ấy kể những tên các bậc đại-khoa đỗ từ năm 1442 đến năm 1780. Ba là « *Thanh-hóa tỉnh cương-giới phân hợp danh-hiệu duyên-cách, các tỉnh sơn-xuyên thắng-cảnh tạp-chí* ». Sách này con tiên-sinh là Cao Chí có dọn lại. Bốn là « *Thanh-hóa dư-đồ sự-tích ký* » có chép sự cai-trị các hạt Thanh-hóa cùng những làng, và có chú-thích sự-tích các hạt các làng.

VUA KHAI-SÁNG

Triệu Thị-Âu, Lê Ngọc và Dương Tam-Kha tuy chưa hẳn là vua khai-sáng, nhưng tôi thiết-tưởng có thể để vào chương này, vì bà Triệu-Âu trong sử thì xưng là Lệ-Hải-bà-vương, Lê Ngọc xưng là Hoàng-đế, còn Dương Tam-Kha cũng đã xưng là vương.

1. Lệ-hải-bà-vương 癘海婆王

Bà tên là Triệu Thị-Âu, quán ở làng Trung-sơn, huyện Nông-cống, về thế-kỷ thứ ba. Lúc bấy giờ về đời Tam-quốc. Nước Tàu loạn-lạc luôn. Nước Việt-Nam khi ấy thuộc về nhà Ngô trị-vì ở Nam-kinh. Lúc nhà Ngô đô-hộ thì bà Triệu Âu và anh là Triệu Quốc-Đạt khởi-binh ở Cửu-chân (Thanh-hóa) có Vương Thiệu giúp. Dân Cửu-chân phải quan thứ-sử Tàu nhũng-nhiễu nên đều theo bà Triệu Âu ẩn ở trong rừng núi. Bà được nhân-dân theo đông mới khởi nghĩa độc-lập. Bà đánh quân Tàu mấy trận thắng cả, nên tiếng dồn đi khắp mọi nơi, dân các nơi đều theo đông lắm. Trong sáu tháng, đánh 70 trận mà quân nhà Ngô không đánh được bà. Về sau nước Tàu sai đại-tướng-quân là Hành Dương, Lục Dận sang đánh, liệt-nữ anh-hùng tuy có tài thao-lược, nhưng quân Tàu đông lắm không chống lại được phải thua. Nay còn có đền thờ ở Bồ-điền (1).

Tục truyền lại rằng : Bà mồm hổ, mắt rồng, mình rộng mười vòng, đi mỗi ngày được 500 dặm. Lúc ra trận bao giờ cũng đi trước quân-sĩ. Bà có phép thần-thông biến-hóa, nên không thua bao giờ. Khi quân Tàu trông thấy bà thì bỏ chạy chứ không dám nhìn mặt. Nên có thơ rằng :

Hoành-qua anh hồ dị,
Đối diện Bà-vương nan.

Lục Dận biết rằng hễ bà trông thấy vật gì ô-uế thì bà mất hết phép thần-thông. Lúc ngươi ấy bị vây mới mở cửa thành, sai quân lính trần-truồng xông đến tận mặt bà mà đánh. Bà xấu hổ tối-tăm mắt mũi ném gươm xuống đất, nhảy ngựa mà chạy. Đi đến Bồ-điền thì bà hóa, dân thờ làm Phúc-thần.

Sau vua Nam-đế nhà Tiền-Lý (2) đi giẹp Bình-lâm (3) bà có hóa phép giúp cho được thắng-trận, mới phong cho bà là : « *Bật chính anh-liệt hùng-tài trinh-nhất phu-nhân* ». Các vua đời sau gia-phong hiệu cho bà là : « *Anh-liệt hùng-tài, vĩ-tích, anh-mẫn, trinh-nhất phu-nhân, thượng-đẳng-thần* », v. v.... Những nhà làm sử Tàu (4) đều tôn bà là *phủ-nhân* (phu-nhân ở bên Tàu ngày xưa chỉ để tặng các vợ đẳng

---

(1) Bây giờ là làng Phủ-điền, tổng Đài-lý, huyện Hậu-lộc, không xa đường bỏa xa mấy.
(2) Lý Bôn (năm 544-548). Tiền Lý Nam-đế khai-sáng nhà Tiền Lý (năm 544-602).
(3) Bây giờ là tổng Phi-lai, phủ Hà-trung.
(4) *Khâm-định Việt-sử* của ông A DES MICHELS dịch.

Đại-phu ; hay là thân - mẫu cùng chính-thất các quan An-Nam từ nhị-phẩm trở lên, cùng nữa là cung - phi mới được xưng là Phu-nhân.) Nhà chùa cũng gọi mẹ ông Thích-ca là Phu-nhân-*thành* (1) hay là Nương-*tử-quân* (2).

2. Lê Ngọc Hoàng-đế

Lê Ngọc hoàng-đế là người ở huyện Đông-cương (bây giờ là huyện Đông-sơn).

Đời vua Khai-hoàng nhà Tùy (năm 589-612) ngài được phong Tắc-phong-hầu. Làm quan thứ-sử quận Ái-châu (Thanh-hóa), rồi làm quan đô-hộ Giao-châu (Bắc-kỳ).

Năm 612, Lương Tiêu tiếm ngôi nhà Tùy, quan đô-hộ Lê Ngọc thấy nước Tàu có loạn, bèn dựng làm nước độc-lập. Nhưng cũng không được bao lâu. Đóng đô ở ấp Đồng-pho (3), rồi cho anh em và các con mỗi người cai-trị một nơi.

Ngài sai làm lâu-đài Thọ-oanh, Tiên-bác, Hoành-tỉnh. Chung quanh những lâu-đài ấy lại làm ra nhà ở, nên thành ra thành Trường-xuân (4) cho hoàng-tử là Ích-Trí giữ.

Hoàng-tử Trung-Quốc, Tả-Quốc và công-chúa Trung-liệt đem cả đại-binh đánh nhau với quân Tàu trong 3 năm.

Tả-Quốc đánh một trận ở gần núi Côn-minh không may thất-thế tử-trận, còn em gái là Trung-liệt trẫm mình để quân giặc khỏi bắt được.

Sau Lương Tiêu bị vua nhà Đường đánh giết mất, vua Lê Ngọc bèn lùi về đóng ở sau dẫy núi Tam-điệp phân cách Bắc-kỳ với Trung-kỳ. Lại cho gọi hoàng-tử Trung-Quốc đang đánh nhau ở Giao-châu về để chỉnh-đốn binh-lính mà giữ lấy đất Cửu-chân. Nhưng hai năm sau thì băng - hà. Cả chi nhà ngài chết hết cả. Táng ở Trường-xuân, có dựng đền thờ.

Nhà Hậu-Lê truy-tôn ngài là Lê Trang-tôn, cấp sắc là Thượng-đẳng-thần, và phong cho các con ngài làm Phúc-thần, vì đã hiển-linh giúp nhà Lê đánh được nhà Mạc (thế-kỷ thứ 16).

3. Ngô Quyền
4. Đinh Bộ-Lĩnh
5. Lê Hoàn

Ta chỉ chép qua sự-tích ba ông vua này, vì rằng vua Đinh Bộ-Lĩnh quê ở vùng Thanh-hóa bây giờ thuộc tỉnh Ninh-bình, còn hai ông kia thì *Sử-ký* không chép rõ ở đâu.

Đầu đệ-thập thế-kỷ, nhà Đường bên Tàu phải thất-thế, nhiều họ khác tranh nhau làm vua. Người Việt-Nam nhân dịp ấy muốn khởi-nghĩa độc-lập. Năm 923 Dương Diên-Nghệ tế cờ khởi-binh ; đến năm 927, bị Kiều Công-Tiễn giết. Cách hai năm về sau, Ngô Quyền chiêu-mộ binh lính giết Kiều Công-Tiễn báo-thù cho chúa, đánh được quân Tàu rồi xưng vương. Ông Ngô Thời-Sĩ có phê rằng : « Ông Ngô Quyền ở trong thì giết được kẻ loạn-thần, để báo-thù cho chúa, ngoài thì đánh tan được kẻ nghịch-thù, để giữ được sự nguy-hiểm cho nước ».

Có sách chép rằng Ngô Quyền khai-

---

(1) Phu-nhân-thành là người con gái có tài đánh giặc, giữ cho dân như là một cái thành.

(2) Nương-tử-quân là một người con gái có tài như là một đội quân.

(3) Bây giờ là tổng Thạch-khê, huyện Đông-sơn.

(4) Bây giờ cũng là tổng Thạch-khê, huyện Đông-sơn.

sáng lên nhà Ngô (năm 936-965) là người ở Á-châu. Nhưng cứ như *Sử-ký* chép thì ngài quê ở tỉnh Sơn-tây.

Đến đời Ngô-mạt, Thập-nhị Sứ-quân đều cát-cứ xưng-hùng, nước Nam lại phải một hồi loạn-lạc. Đinh Bộ-Lĩnh binh được Sứ-quân. Theo như *Sử-ký* thì Đinh Bộ-Lĩnh quê ở đồng Hoa-lư, bây giờ là làng Tràng-an, di-tích thành Hoa-lư ở trong núi làng Tràng-an (gần sông phủ Nho-quan) ; có sách chép rằng Đinh Bộ-Lĩnh quê ở làng Đại-hữu hay Đại-hoàng, nghe chừng xã Đại-hoàng vẫn viện tang-chứng mà tranh lấy cái danh-dự rằng Đinh Bộ-Lĩnh sinh-trưởng ở đấy. Tuy thế mặc dầu, Hoa-lư với Đại-hữu cũng thuộc về hạt Thanh-hóa mà bây giờ là thuộc về tỉnh Ninh-bình. Ngài bị người Đỗ Thích là quan Chi-hậu-nội-nhân giết chết. Con thứ ngài tên là Toàn (Vệ-dương Vương) bấy giờ mới lên 6 tuổi, lên nối ngôi được mười tháng, Lê Hoàn là Thập-đạo tướng-quân của Đinh Bộ-Lĩnh được tôn lên làm hoàng-đế. Lê Hoàn trị-vì cũng lâu (năm 980-1006), đánh nước Tàu cùng nước Chiêm-thành được nhiều trận, nhưng mà nhà Tiền-Lê đến vua Lê Long-Đĩnh thì mất ngôi. Vua Lê Long-Đĩnh hiệu là Ngọa-Triều nghĩa là « nằm mà ngự triều » vì là dâm-dục quá nên mắc bệnh không thể ngồi được.

Cũng có sách chép rằng : Lê Hoàn quê ở Ái-châu, là con nuôi quan Án-sát ở châu ấy ; lại có sách chép rằng ngài quê ở làng Ninh-thái, huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà-nam.

6. Dương Tam-Kha 楊三哥

Dương Tam-Kha quê ở huyện Đông-sơn, cha là Dương Điên-Nghệ làm Tiết-độ-sứ ở châu Giao-chỉ từ năm 931 đến năm 937, và anh rể là ông Ngô Quyền. Theo lời bàn của ông Ngô Thời-Sĩ ở trong *Sử-ký* thì Dương Tam-Kha là Sá-nhân của Dương Điên-Nghệ.

Ngô-vương (tức là Ngô Quyền) ốm nặng làm di-thư dặn Tam-Kha phải phò giúp con mình là Xương-Ngập ; nhưng ngài vừa mất đi, thì Tam-Kha chiếm lấy ngôi (năm 944) tự xưng là Bình-vương. Xương-Ngập sợ trốn về gần sông Nam-sách, tỉnh Hải-dương, ở với Phạm Lịnh-Công ở Trà-hương. Tam-Kha nuôi Xương-Văn, là con thứ của Ngô-vương làm con nuôi.

Tam-Kha sai Dương Kiết-Lợi và Đỗ Cảnh-Thạc đem quân đi đòi Xương-Ngập, đi ba lần nhưng không bắt được. Phạm Lịnh-Công giấu Xương-Ngập vào hang ; Tam-Kha biết vậy, lại cho đòi, nhưng về sau cũng không thể bắt ra được.

Ngô Sĩ-Liên tiên-sinh phê rằng : « Ông Phạm Lịnh-Công là một người trung-nghĩa, lắm thay ! Lúc Tam-Kha đánh đuổi Hoàng-tử tiếm lấy ngôi, mà Phạm Lịnh-Công dám cả gan giấu Xương-Ngập. Thế là ông không muốn cho nhà Ngô tuyệt. Tình nhân-hậu của Trình-Anh, Chử-Cữu (1) cũng như thế vậy. Như thế ai dám nói rằng trong một nước không có tôi trung tướng giỏi ! »

Tam-Kha sai Xương-Văn và hai quan sứ là Dương Kiết-Lợi và Đỗ Cảnh-Thạc đem quân đi đánh hai làng Thái-bình và Dường-nguyễn (2). Đi đến Từ-liêm (thuộc tỉnh Hà-đông) Xương-Văn bảo hai quan sứ rằng : « Tiên-đế có lòng khoan-dung nên

(1) Theo *Sử-ký* của Tư-mã Thiên thì năm Cảnh-công thứ ba nhà Tấn, Đỗ Ngan-Cổ giết con Triệu Thuẫn là Triệu Sóc và muốn chu-di cả dòng-dõi, nhưng mà hai người bạn của Triệu Sóc là Trình Anh và Chử Cữu giấu Triệu Võ đi để giữ lấy dòng-dõi nhà Triệu.

(2) Thái-bình, Đường-Nguyễn cùng Từ-liêm khi trước đều thuộc về châu Phong (Sơn-tây).

được lòng dân ; lệnh ngài truyền, ai nấy đều vui lòng theo. Chẳng may ngài băng-hà, các tướng mất vui. Còn như Bình-vương là đứa bất-trung chiếm ngôi vua, còn tội nào to bằng tội ấy ! Bây giờ Bình-vương sai chúng ta đi đánh mấy làng vô-tội. Nếu chúng ta đánh được, thì không kể chi ; nếu những làng ấy không phục chúng ta, thì làm thế nào ?»

Hai quan sứ thưa lại rằng :« Chúng tôi xin theo lệnh Hoàng-tử. »

Xương - Văn lại nói rằng : « Ta muốn thừa-cơ bất-thình-lình đánh Bình-vương đòi lại giang-sơn của tổ-tiên, liệu có được không ? »

Hai quan sứ thưa rằng : « Làm thế là phải.» Nói xong quay về đánh Tam-Kha. Ai nấy đều muốn giết Tam-Kha, Nhưng Xương-Văn nói rằng : « Bình-vương xử với ta tử-tế, nỡ lòng nào ta lại bắt tội hắn chết. » Bèn truất ngôi, phong cho làm Trương-dương công và cấp cho ấp ấy làm lộc-điền.

Tam-Kha tiếm ngôi được sáu năm 945-950) (1).

(*Còn nữa*)

MỘT NỀN DÂN-CHÍNH

Chính-sách thực-hành của quan Thống-sứ Monguillot ở Bắc-kỳ

Kỳ trước đã thuật lời hiểu-dụ của quan Toàn - quyền MERLIN cho các quan-viên trị-sự Hội Khai-Trí. Tuy là lời nói riêng với một Hội, nhưng hội này là một đoàn-thể quan-trọng trong nước, và lời ấy lại có cái ý-nghĩa rất sâu-xa, cũng có thể cho là lời quan Thủ-hiến Đông-Pháp tuyên-bố chính-kiến cho quốc-dân ta biết vậy. Song quan Toàn-quyền là bậc cao-xa, chỉ cầm cân nẩy mực cho cả toàn-thể cõi Đông-Pháp, đến việc thi-hành chính-trị thì thuộc quyền quan thủ-hiến của mỗi xứ. Vả ngay từ ngày mới đến Sài-gòn, ngài đã diễn-thuyết nói rằng ngài sẽ theo cái chính-sách « địa-phương phân-quyền »(*décentralisation*), nghĩa là để cho các quan đầu các xứ được rộng quyền thi-thố trong quản-hạt mình, phủ Toàn-quyền chỉ giữ quyền thống-trị giám-đốc ở trên mà thôi. Như vậy thời mọi việc thi-hành, kiến-thiết, sắp-đặt, sửa-sang, có quan-hệ đến sự lợi-bệnh trong dân-gian, là thực do ở các quan Thống-đốc, Khâm-sứ và Thống-sứ vậy ; quan Toàn-quyền chỉ định cái phương-châm chung, cầm cái kỷ-cương lớn mà thôi.

Nay quốc-dân ta đã biết cái phương-châm chính - sách của quan Toàn-quyền MERLIN rồi, chắc ai cũng muốn biết những công-việc hành-chính của quan Thủ-hiến Bắc-kỳ thế nào. Quan Thủ-hiến Bắc-kỳ tức là quan Thống-sứ MONGUILLOT vậy. Ngài trước đã từng quyền lĩnh chức Toàn-quyền Đông-Pháp, kế chân quan SARRAUT, việc phủ Toàn-quyền ngài đã am-tường cả. Nay trọng-nhậm xứ Bắc-kỳ, muốn đem những cái chính-sách khoan-dung đại-độ của các quan Toàn-quyền từ xưa đến nay đã tuyên-bố biết bao nhiêu lần, mà thi-hành trong dân-gian, để gây lấy một cái nền dân-chính thực-hành chứ không phải chỉ ở lý-thuyết mà

(1) Trích ở bản dịch *Khâm-định Việt-sử* của ông A. des Michels.

thôi. Trong mấy năm ngài trọng-nhậm ở đây, ngài đã thực-hành được những gì, chúng ta đã biết cả, và đã bắt đầu trông thấy kết-quả một hai việc rồi. Nhưng ta muốn được biết cái chương-trình những công việc ngài mưu-tính, cùng cái chủ-kiến của ngài về các việc ấy thế nào.

Ở các nước văn-minh, nhà làm báo thường có lệ đến tiếp mặt những bậc yếu-nhân trong chính-giới, để « phỏng-vấn » (*interviewer*) về các việc nội-chính ngoại-giao, dùng một cách khoái-hoạt mà dò-xét cùng phô-diễn cái chính-kiến của kẻ đương-đạo. Ký-giả đây chưa dám bắt-chước những bạn đồng-nghiệp các nước, nhưng vốn biết quan MONGUILLOT là một người rất khoan-dung, ôn hòa, có bụng âu-cần với người mình, không nề-hà tiếp chuyện một kẻ viết báo thường, nên một hôm đường-đột đến thăm ngài ở phủ Thống-sứ.

Bữa ấy ngài mới đi kinh-lược miền Bắc-kạn Ba-bể về, vì từ khi trọng-nhậm xứ Bắc-kỳ, ngài thân-hành đi thanh-tra khắp mọi nơi, không quản khó nhọc, lấy mắt thấy tai nghe mọi sự mới thật tỏ-tường hơn là ngồi trong buồng giấy mà khảo những chồng bút-lục cao hay là đọc những tập báo-cáo dài.

Nhân hỏi ngài đi có bình-yên và quan-sát được sự gì hay, ngài nói rằng :

— Tôi đi kinh-lược chuyến này tốt lắm. Xem được mấy cái trường học lập ra để dạy người thổ-trước. Tuy là rừng-rú mán-mường, thế mà đã có trường học rồi đó. Mà trường học dạy chữ Pháp đó...

Quan Thống-sứ nói câu ấy có ý nhìn tôi, vì mấy tháng trước tôi có làm báo vận-động xin các trường sơ-học dạy bằng tiếng An-nam, nhưng tôi yêu-cầu sự đó là cho các con trẻ An-nam, cần phải thuộc tiếng nước nhà mà thôi, chứ ý tôi hẳn không phải là muốn cưỡng-bách người Thổ hay người Mán phải học bằng tiếng ta.

Quan Thống-sứ nói tiếp :

— Các trường học đó là để truyền-bá sự học mới ở những chốn xa-xôi ấy. Nhưng còn có một mục-đích nữa cần-thiết hơn, là gây lấy những người làm việc quan ở mạn ngược. Quan-lại Trung-châu mà bổ lên làm việc trên ấy không mấy người chịu đi, hoặc có đi cũng là miễn-cưỡng. Ý tôi là muốn lấy ngay người thổ-trước cho học, mới đầu còn học ở trường gần nhà mình cho biết đọc biết viết cùng biết những điều sơ-lược tầm-thường, rồi chọn lấy những người khá cho về học ở trường Bảo-hộ Hà-nội, sẽ đặt ra một lớp Thượng-du riêng (1). Bọn đó tốt-nghiệp về, có thể bổ làm việc quan ở ngay bản-thổ, rồi dần dần lên được những chức tri-châu, chánh-tri-châu. Thế là Thượng-du có quan-lại riêng của Thượng-du, am-tường xứ-sở và làm được việc hơn. Vì cớ đó, tôi cố tưởng-lệ cho đặt trường nhiều ở những vùng ấy. Trước còn phải dùng những trợ-giáo ở Trung-châu lên, sau có đủ người thì lấy người bản-thổ dạy được. Cái chính-sách của tôi là châm-chước tình-thế, cải-cách lần lần, vụ thực-hành chứ không vụ thuyết-lý.

Tôi nói :

— Bẩm quan Thống-sứ, chúng tôi xét ra quan-lớn chủ-ý nhất về việc cải-lương dân-chính. Dám xin ngài cho biết cái chủ-kiến của ngài thế nào. Chúng tôi đọc bài diễn-thuyết của ngài kỳ Hội-đồng Tư-vấn mới rồi, cũng đã biết được một hai.

(1) Lớp này nghe đâu bắt đầu đặt từ 15 Décembre 1923.

— Tôi không hay diễn-thuyết luôn, không hay nay tuyên-bố điều này, mai bá-cáo điều khác, chỉ chủ mưu-tính những công việc thật có ích-lợi cho nhân-dân. Nhưng, ông còn nhớ, hồi làm lễ khánh-thành sông máng ở Vĩnh-yên, tôi có đọc một bài diễn-văn cũng khá dài, thuật lại các công-cuộc mở-mang sắp-đặt của Nhà-nước Bảo-hộ ở Bắc-kỳ trong khoảng bốn năm mươi năm nay. Tự-thuật như thế có lẽ cũng hơi ra ngoài đầu bài thật, nhưng ông Sứ Vĩnh-yên, quan Toàn-quyền BAUDOIN đã nói về việc sông-máng, việc dẫn-thủy nhập-điền rồi, tôi nói dặm lại cũng vô-ích, nên nhân đó muốn phác-họa cái bức tranh khai-hóa xứ Bắc-kỳ từ xưa đến nay thế nào. Có thể chia ra ba thời-kỳ : thứ nhất là hồi Chính-phủ còn phải dẹp cho yên trong cõi ; hồi thứ nhì thời gây ra cơ-sở chính-trị, chỉnh-đốn các cơ-quan hành-chính, vụ cho dân được an-cư lạc-nghiệp, cùng làm những công-trình lớn để mở-mang cho dân về đường vật-chất : hồi thứ ba mới chú-ý đến việc xã-hội, để mưu mở-mang cho dân về đường tinh-thần, như việc học, việc y-tế, việc cải-lương các dân-thôn, mà việc sau cùng ấy tôi cho là quan-hệ hơn cả, vì hương-thôn có cải-lương được, nhiên-hậu các việc cải-cách khác mới thành-công được. Nhà-nước Bảo-hộ sẵn lòng cho dân Annam dần-dần được rộng quyền tham-dự các công việc nước, bầu-cử những đại-biểu ra hội-đồng nọ, hội-nghị kia ; sẵn lòng cho rộng quyền được nói-năng bàn-bạc. Nhưng trước hết dân phải có đủ tư-cách đã. Muốn cho có đủ tư-cách thời phải tập làm người « công-dân » (*le citoyen*) cho xứng-đáng. Tập ở đâu bằng ở ngay chốn hương-thôn ? Cái phạm-vi của hương-thôn tuy nhỏ-hẹp thật, nhưng cai-trị một làng cho có nền-nếp, được chỉnh-đốn, được yên-ổn, được thịnh-vượng, tưởng cũng không phải là việc dễ. Người nào đã có đủ tư-cách quản-trị được việc làng thời cũng có tư-cách bàn-bạc được việc nước. Bởi thế nên tôi cố giục-giã cho các làng bầu hội-đồng hương-chính, đặt dự-toán chi-thu. Người dân nhà quê của các ông cũng khôn-ngoan, chứ không phải khờ-dại gì đâu. Tôi thường đi kinh-lược các nơi, thân-hành đến tận chỗ hương-thôn, hỏi-han các kẻ kỳ-dịch có chân hội-đồng, họ thấy ân-cần đến họ, họ cũng biết, lấy thực-tình mà trình-bày mọi việc, và xem ra cũng hiểu rõ sự lợi-ích của việc cải-lương. Họ biết rằng Nhà-nước làm việc cải-lương là vì dân mà làm, chứ không có ý gì khác...

— Bẩm quan Thống-sứ, những kẻ đàn anh ở chốn nhà quê tuy cũng có người đã hiểu rõ sự lợi-ích như thế thật, nhưng phần nhiều vô-học, cái kiến-thức mới về đời nay chưa có, nên vẫn biết việc cải-lương là hay, mà chưa hiểu cái then-máy việc cải-lương thế nào, chưa biết lập sổ chi-thu làm sao, làm tờ biên-bản thế nào. Cho nên muốn cho việc cải-lương thật thành-hiệu thì phải trước là cổ-động cho nhiều, sau là kịp gây lấy một số người có đủ thường-thức mà làm việc làng cho xứng-đáng.

— Tôi vẫn biết thế, nên đã sức cho các tỉnh lập trường thư-ký ở tỉnh-lỵ để dạy lấy ít người dùng làm thư-ký ở các xã cải-lương. Bây giờ vội cần đến người, nên dạy cách tốc-thành, giảm ba tháng một lớp cho có người dùng ngay ; sau này khi nào đã tiệm đủ dùng rồi, sẽ dạy cao hơn một chút. Hiện nay ở Hà-đông, Sơn-tây và mấy tỉnh nữa, các trường thư-ký đã thịnh-hành lắm. Còn các tỉnh khác cũng đương lục-đục mở trường cả.

— Bẩm quan lớn, dân nhà quê chúng tôi tuy vậy vẫn còn cái tính sợ

quan lắm, cho nên các quan địa-phương có quyền lắm. Như một việc cải-lương này, ví các quan địa-phương An-nam tất - lực làm thì khó gì mà chẳng thành-công ngay. Nhưng chúng tôi xét ra phần nhiều các quan-lại An-nam đối với việc ấy chểnh-mảng lắm, coi như một việc ở ngoài bổn-phận, muốn làm thì làm, không làm cũng chẳng hề gì. Vả lại, quan lớn có lạ chi cái thói của quan-trường chúng tôi : dân mà khôn thì quan-lại khó bắt-nạt, khó kiếm tiền ; cho nên các ông ấy cũng chẳng thiết gì cải-lương cho dân. Chúng tôi thiết-tưởng quan lớn nên đặt cách mà giám-đốc các quan-lại cho nghiêm, đặt ra ở phủ Thống-sứ một tòa coi riêng việc cải-lương hương-chính, để chuyên-chủ về một việc ấy cho có thể-thống.

— Các lẽ ấy tôi đã tường cả rồi. Nhưng mà phải dần-dần mới khiến cho quan-lại An-nam hiểu cái trách-nhiệm của mình, phải cổ-động, phải khuyến-khích cho họ biết hết bổn-phận nên làm. Tôi cũng biết rằng có người thấy tôi thích việc cải-lương, cũng dương-danh cải-lương, nhưng thường là hư-ứng hư-sức cả. Song ông cũng phải hiểu cho rằng việc cải-lương này, Chính-phủ mới thực công-nhiên xướng-suất chửa được hai năm nay, có lẽ những kẻ thi-hành cũng chưa được thành-tâm tận-lực cho lắm. Nhưng từ nay họ đã biết rằng tôi cho việc đó là quan-trọng, thì tất họ phải hiệu-lực. Tôi đã truyền cho quan Thanh-tra Bắc-kỳ đi khám các nơi, nên chuyên-chủ về việc cải-lương thứ nhất. Tôi lại ngỏ ý cho quan-lại biết rằng những khi kỳ-bồ hay thăng-thưởng, tôi sẽ chú-ý về khoản cải-lương và biệt-đãi những người nào có công về việc đó. Không ngại gì, từ nay họ đã biết rõ ý-kiến của tôi, chắc không mấy người dám cố ý trễ-nải nữa. Tôi sẽ thẳng tay mà giữ-gìn.

Thuộc về khoản cải-lương này, tôi còn muốn thi-hành mấy việc nữa, như việc lập sổ sinh-tử giá-thú, việc đạc-điền và trước-bạ các điền-thổ. Ở các xã-hội văn-minh, người ta và tài-sản phải có sổ-sách phân - minh, không thể mơ - hồ lộn - xộn được. Việc đó là việc cần nhất, mà ở đây thời hãy còn hồ-đồ lắm. Tôi định tự sang năm, những xã nào cải-lương đã thành-hiệu, sẽ cho thí - nghiệm đặt sổ sinh-tử ngay. Còn việc đạc - điền thời hiện đã bắt đầu thi - hành và sẽ cố làm cho mau. Việc này các quan Thống-sứ trước tôi định làm đã lâu, mà không thành - hiệu, vì việc này với việc cải-lương hương-chính có mật-thiết quan-hệ với nhau, có cải-lương rồi nhiên-hậu những việc tài-sản điền-thổ mới có thể qui - định phân-minh được.

— Bẩm, còn việc học...

— Về việc học thì có lẽ sang năm không mở được nhiều trường như năm nay, vì rằng số thày giáo không đủ. Có trường mà không có thày dạy cho xứng-đáng thì mở ra nhiều lắm cũng vô-ích. Hiện phần nhiều những trợ-giáo chỉ có bằng sơ-học tốt-nghiệp mà thôi. Thế chưa đủ dạy học được. Phải học qua một trường sư-phạm mấy năm đã, nhiên-hậu mới mong có tư-cách làm thày được. Vậy tôi sẽ chú-ý về việc luyện-tập lấy thày giáo cho đủ đã, rồi mới đặt trường cho nhiều. Về việc học cũng như về mọi việc khác, cái *phẩm* nên trọng hơn là cái *lượng*.

Thuộc về khoản giáo - dục này, tôi cho bậc tiểu-học phổ-thông cho số nhiều người còn quan-trọng hơn, yếu-cần hơn là những bậc trung-học, đại-học, chỉ lợi cho một số ít. Nhưng mà lệ thường như thế, những việc thật có ích-lợi không phải là những việc tráng-quan-chiêm ; dạy *a*, *b*, *c*, cho học-trò chắc là không sang-trọng bằng

giảng về triết-học với văn-học, nhưng mà cần hơn, thiết-thực hơn. Vì tôi có toàn-quyền trong tay để sắp-đặt về việc học thì tôi chuyên-chủ thứ nhất về bậc tiểu-học. Tôi muốn cho con trẻ An-nam đều biết ít nhiều tiếng Pháp cả. Các ông cứ kêu rằng quan-lại hay làm điều tệ-lạm, dân gian thường chịu nỗi oan - uổng. Nay nếu người dân biết tiếng Pháp có thể trực-tiếp với quan Tây, thì những điều tệ-lạm, những sự oan-uổng ấy cũng bớt dần được. Cứ ý tôi nghĩ như thế. Có lẽ ông không đồng-ý với tôi thì phải.

— Chúng tôi không phải là không đồng-ý với quan lớn, vì chúng tôi cũng một lòng nhiệt-thành về sự khai-hóa cho quốc-dân chúng tôi. Chúng tôi sở-dĩ vận-động xin cho bậc tiểu-học dạy bằng quốc-ngữ là tự nghĩ rằng việc cần nhất bây giờ là truyền-bá sự học trong dân-gian, nhưng truyền-bá bằng cách gì cho mau, chắc là truyền bằng tiếng bản-quốc còn mau hơn là tiếng ngoại-quốc. Ấy cái chủ-ý chúng tôi là thế ; có người không hiểu cho là chúng tôi phản-đối sự học tiếng Pháp, thế là sai lầm quá. Phản-đối như thế thì vô-lý quá. Người An-Nam phải cần biết tiếng Pháp để trực-tiếp với quí-quan, đó là một lẽ cố-nhiên rồi. Duy phải dạy tiếng Pháp bằng một cách giản-tiệp hơn. Cái vấn-đề này rút lại là ở như phương-pháp dạy, ở như sách giáo-khoa mà thôi.

— Phải, tôi cũng biết rằng sách giáo-khoa cho học-trò An-nam học, nhiều quyển làm bậy lắm, và cứ thực ra chưa được mấy quyển là thật thích-hợp cho con trẻ ở xứ này. Giá tôi được tự-ý sửa-sang về sự học thì điều thứ nhất tôi chú-ý là ngoài việc luyện-tập lấy thầy giáo, đến việc biên - tập các sách giáo-khoa. Tôi sẽ đặt một hội-đồng vừa người Tây vừa người Nam soạn lấy những sách học thật là thích-hợp cho xứ này, vừa tầm vừa sức học-trò ở đây.

Nói tóm lại thì ở xứ Bắc-kỳ này, không những một việc học, còn nhiều việc cải-cách khác có ích-lợi cho nhân-dân. Chủ-ý tôi là cứ làm dần dần, không vội - vàng mà không trễ-nải, tuy có chậm mà chắc-chắn, làm việc gì thành-công việc nấy, thấy hiển-nhiên có kết-quả, còn hơn là tuyên-bố những việc to-tát mà rút-cục lại không làm được hoàn - toàn. Phàm sự tiến - bộ phải đi từng bước, nhưng cứ đi luôn không nghỉ, nhật-tích nguyệt-lũy, rồi mà chẳng mấy chốc lại không thấy bước được một bước đường dài hay sao ? Hoặc có kẻ nóng - nảy cho là chậm, nhưng chậm mà chắc, tưởng còn hơn...

. . .

Ký-giả được thừa chuyện quan Thống-sứ như thế, tới một giờ đồng-hồ. Ngài nhất nhật vạn cơ, thì - giờ qui-báu, mà hạ-cố tiếp một kẻ làm báo, cho nói chuyện ung - dung như thế, thì đủ biết ngài ân-cần giản-dị là dường nào.

Chúng ta không phải là những kẻ nóng - nảy, người An - Nam vẫn có tiếng là một dân ôn-hòa, và tuy vậy chứ cũng biết người biết của lắm. Những lời diễn-thuyết hùng-hồn, nghe tuy sướng tai thật, nhưng ta cũng biết phân-biệt câu văn với sự thực, và biết trọng sự thực hơn câu văn.

Cứ như câu chuyện thuật lại trên kia thì quan Thống-sứ MONGUILLOT tỏ ra một người vụ thực-hành và có cái bụng tốt muốn làm việc ích-lợi cho dân. Dân ta tưởng cũng nên biết công ơn ngài vậy.

PHẠM QUỲNH

DỰ-THẢO MỘT BẢN CHƯƠNG-TRÌNH

(Hài-văn)

Một hôm có một chàng thiếu-niên trong làng hoa-nguyệt lại chơi, biết tôi là người sinh hài-văn, đố tôi rằng : « Đố ngài thảo ra được một cái chương-trình hội chim gái cho thật hay, cho thật buồn cười » Tôi trả lời rằng : « Về phần hay thì tôi không dám nói, về phần buồn cười thì tôi cũng xin sẵn bút và sẵn lòng. » Tôi mới viết đùa ra hai-mươi sáu điều như sau.

Điều thứ nhất

Bản-hội tập-hợp những con trai đẹp-đẽ lẳng-lơ, và tinh-danh trai-trẻ, để liên-lạc lấy một cái đoàn-thể bướm ong.

Điều thứ hai

Bản-hội lấy đa-tình làm tôn-chỉ ; lấy đa-dâm làm mục-đích ; lấy vô-sỉ làm tinh-thần.

Điều thứ ba

Bản-hội thờ Sở-Khanh-tiên-sinh làm tiên-sư ; đệ-niên cứ đến tháng trọng-xuân (tháng hai), ngày hai-mươi mốt, giờ tuất, bản-hội làm lễ kỷ-niệm, tế tiên-sinh một tuần. Bản-hội lại có soạn ra một bài văn-tế, kể về đức-tính tiên-sinh, và cái chí cầu-nguyện của bản-hội, khiến người nghe đều có cảm-tình, để tỏ lòng tín-ngưỡng. (Văn-tế phụ-lục ở sau chương-trình).

Điều thứ tư

Bản-hội đặt ra có chánh phó hội-trưởng vài người, để chủ-trương về sự hoa-liễu ; và nghị-viên mấy người, để chủ-trì về sự mây-mưa ; lại ủy-viên mấy người nữa, để vận-động về sự gió trăng.

Điều thứ năm

Phàm người trong hội, đều theo cách tự-do, không hề phải giữ-gìn gì lễ-nghĩa ; và nhất-luật bình-đẳng, coi nhau ai cũng như ai.

Điều thứ sáu

Phàm người trong xã-hội, không cứ phái nào hạng nào, hễ người nào đủ có hình-dạng con trai, đều có thể được dự hội làm hội-viên cả. Duy hội lại phải xét xem người ấy con mắt có quả-nhiên biết nhấp-nháy hay không, nếu người ấy con mắt chỉ bình-thường ngờ-nghệch không biết nhấp-nháy, thì tuy có tình-nguyện dự hội, hội cũng không dám cho dự, để phòng những khi chuế-sự, và tiệt những thói hư-danh.

Điều thứ bảy

Phàm con trai tự mười-tám tuổi trở lên, mới được dự hội làm hội-viên. Nếu người nào mới độ mười-bốn mười-lăm tuổi, mà đã có ý tinh-danh, nhiệt-thành xin dự hội, thì hội hẳng cho-thì cho dự ; nhưng hội chửa thực-nhận là hội-viên ; rồi hội xét xem trong khi hóm-hỉnh hành-động, có hiệu-nghiệm ảnh-hưởng gì không ; nếu có hiệu-nghiệm ảnh-hưởng gì hơn người, thì hội không những thực-nhận là hội-viên, hội lại đãi riêng một cách đặc-biệt, mà tặng cho một cái huy-biểu là « Hoa-nguyệt thần-đồng 花月神童 ». Người nào độ năm-mươi tuổi trở ra, sức-vóc đã mỏi-mệt, không kham được việc hội nữa, mà muốn về hưu thì,

hội cũng công-nhận cho là bậc « Hoa-nguyệt tiền-bối 花月前輩 » hội chỉ dùng về những khi cố-vấn mà thôi. Người nào đầu đã bạc phơ, mà tinh-thần sức-vóc không kém gì người trai-trẻ, còn muốn làm hết nghĩa-vụ cho hội, xét ra càng già lại càng giẻo cang dai, thật là một vị hồ-tinh (cáo già thành tinh) trong sắc-giới, thì hội cũng lại đãi riêng một cách đặc-biệt, mà tặng riêng một cái huy-hiệu là « Hoa-nguyệt lão-thành 花月老成 ». Hội lại còn nhiều huy-hiệu nữa, như Hoa-nguyệt tướng-quân 花月將軍, để tặng những người có cái đức chơi ngỗ; Hoa-nguyệt trưởng-giả 花月長者, để tặng những người có cái đức chơi nhũn Hoa-nguyệt trạng-nguyên 花月狀元, để tặng những người có cái đức chơi tài chơi bợm; Hoa-nguyệt-hiệp 花月俠, để tặng những người có cái đức chơi liều; Hoa-nguyệt-bá 花月伯, để tặng những người có cái đức chơi khỏe; Hoa-nguyệt-thánh 花月聖, để tặng những người có cái đức chơi tinh; Hoa-nguyệt-phật 花月佛, để tặng những người có cái đức chơi lành; Hoa-nguyệt-ma-vương 花月魔王, để tặng những người có cái đức chơi ngầm, chơi hiểm, chơi độc, chơi khoăm.

Điều thứ tám

Phàm người trong hội, người nào cũng phải sắm lấy một bộ quần áo Âu-trang, thật là gọn-ghẽ, thật là chải-chuốt, thật là sang-trọng, để hợp với hình-thức văn-minh. và một bộ quần áo bản-xứ, thật là bóng-bẩy, thật là sặc-sỡ, thật là rườm-rà, để hợp với cách-bộ phong-lưu công-tử.

Điều thứ chín

Phàm những đồ ngoại-hóa, như đồ hàng Nhật, đồ hàng Tàu, đồ hàng Tây-đen, thứ đồ hàng gì kỳ-dị sặc-sỡ mới nhập-cảng, dẫu dắt bao nhiêu tiền, cũng phải mua lấy được, đem quấn ngay vào mình, để khoe với gái, hoặc khoe với bạn, thế mới là người sang. Nếu không thế, thì hội cho là người hủ.

Điều thứ mười

Bản-hội chuyên dùng một thức nước hoa làm đồ tặng-vật; phàm người trong hội trong khi liên-lạc giao-tiếp, có tình yêu nhau, thì chỉ dùng mấy lọ nước hoa cho thật tốt đem tặng nhau, để tiện cho sự hàng ngày ứng-dụng, kỳ cho người trong hội đi đến đâu, người ta cũng thấy có mùi nước hoa thơm sặc, để làm biểu-hiệu cho hội-viên.

Điều thứ mười một

Hội có dựng ra một cái đồ-thư-quán. Trong quán bày ra những sách tiểu-thuyết thuộc về phong-tình - lục, và những thi-ca tạp-nhạp thuộc về dâm-hí-văn-chương, để giúp cho hội-viên về đường tư-tưởng. Lại treo lên có mấy kiểu tranh tố-nữ, để giúp cho hội-viên về đường quan-sát. Trong quán lại bày ra có hoạt-kịch, khiến hội-viên cứ lần-lượt ra đóng vai Chung-Kiến dũng-sĩ cõng nàng Qui-Mễ, hay hoặc đóng vai Lã Bố kiện-nhi gạ chị Điêu-Thuyền vân vân, rồi múa-mang nhảy-nhót, để giúp cho hội-viên về đường thể-thao.

Điều thứ mười hai

Sự viết thư đưa cho gái, là một sự trọng-yếu trong bản - hội, phải có những tay thạo về lời non-nước, sành về khóe bướm ong, mẹo-mực về đường tình-nghĩa, ngoắt-ngoéo về sự ái-ân, mới kết được hiệu-quả. Hội có đặt ra một ban gọi là Hoa-nguyệt-thư-tính-học-ban, để các hội - viên bình-nhật phải nghiên-cứu về nghề ấy.

Điều thứ mười ba

Hội-viên trong hội, lại đều nên sành về lối chụp-ảnh. Khi chụp, dù đứng

dù ngồi mặc lòng, cốt là phải lau chùi lấy cái nét mặt Tràng-Khanh, tô-điểm lấy cái gót chân Tống-Ngọc, kỳ cho có cái phong-cách đẹp trai. Khiến cho việc chửa đi hái thuốc, mà vẻ Lưu Nguyễn đã phảng-phất ở tay tiên; tiết chửa gặp thanh-minh, mà bộ quỳnh-dao đã mơ-màng bên gối ngọc; sự chụp-ảnh cũng là một sự lợi-dụng của hội-viên. Nhưng lại phải chụp sẵn lấy vài bộ: một bộ đài-các, quần áo bảnh-bao; một bộ văn-minh, mày râu nhẵn-nhụi, hay hoặc một bộ nền-nã, một bộ lẳng-lơ, để lựa xem cái nết cô Hằng-nga ưa thích thế nào, sẽ liệu trao hình chú Cuội.

Điều thứ mười bốn

Hội có trữ sẵn một thứ thuốc, gọi là thuốc khu-phong, để hàng ngày đem cấp-phát cho hội-viên, vì người trong hội thường hay xảy ra cái bệnh phải-gió; phàm người trong hội đi đến đâu cũng phải trữ sẵn thứ thuốc ấy ở trong mình, cho hợp với cách vệ-sinh.

Điều thứ mười lăm

Phàm người trong hội cần phải đi lịch-lãm du-quan; ở thành-phố thì như nhà cao-lâu, nhà «sàm», nhà hát v. v.; ở nhà quê thì như hội chùa, hội đền, hội đánh cờ, hội đánh vật, hội hát quan-họ (tức hát đúm), hội hát trống-quân, v. v.; phải lịch-duyệt cho am-tường cả, để cho rộng đường lãm-thúy, và tỏ lối tầm-xuân.

Điều thứ mười sáu

Phàm người trong hội, cứ hàng ngày đến năm giờ chiều, phải thắng một bộ quần áo cho thật sang, đi diện ở bên các đường phố; như phố nào lịch-sự, rừng đào rừng liễu, tổ yến tổ oanh, lại càng nên thấp-thoáng lắm, để hô-hấp lấy cái không-khí trong làng xuân.

Điều thứ mười bảy

Tửu, sắc, yên, đồ, người ngoài vẫn cho là tứ-giới. Duy người trong hội phải nhận-chân là tứ-khuyến; khuyến-sắc, lại kiêm cả khuyến-tửu, khuyến-đồ, khuyến-yên nữa. Vậy trong khi tổ-chức cuộc hiếu-sắc cũng phải nhờ ông Khúc-nghiệt-sứ-giả 麴孽使者 (tửu) làm tiên-phong, bác Vu-bồ-chủ-nhân 樗蒲主人 (đồ) làm môi-giới, gã Phù-dung-tiên-tử 芙容仙子 (yên) làm bạn đồng-đức đồng-tâm.

Điều thứ mười tám

Phàm người trong hội, đều nên có cái đức-tính nhẫn-nại; các vị phu-nhân ở nhà, dù có quá ghen mà xỉ-mắng chăng nữa, cũng phải mần-thinh mà nín hơi cho tốt chuyện; dù có quá-khắc mà đánh đòn chăng nữa, cũng phải cười nhạt mà thú tội cho qua đời. Trong gia-đình không nên xảy ra có sự gì quyết-liệt, cho ảnh-hưởng đến làng xuân.

Điều thứ mười chín

Buổi là buổi tân-cựu giao-thời, con trai con gái trong làng xuân, đều có cơ tiến-hóa cả, không những con trai biết chim con gái, con gái họ cũng biết chim con trai. Phàm người trong hội, hễ thấy người con gái nào họ chim mình, phải nghĩ trước nghĩ sau, chớ thấy miếng ngon kề đến tận nơi, mà vội hi-hửng bắt chước lối ma-đói. Một là họ chim lấy người. Hai là họ chim lấy của. Ba là họ bày mẹo lừa người vào khuôn, để họ sử-dụng. Bốn là họ chỉ chim lấy xa-sỉ khoái-lạc mà thôi. Phàm hội-viên, hễ gặp sự ấy, phải thông-báo cho số ít người trong hội biết. Hội sẽ lập ra một ban Hoa-nguyệt-bí-mật-hội-đồng, để giúp nhau bàn-tán về sự ấy, kẻo nữa thấp cơ mà thua trí đàn-bà.

Điều thứ hai-mươi

Phàm người trong hội người nào

làm được vẻ-vang cho hội, và hứng-thú cho hội, như chim được người con gái ở ngoại-quốc, hệ-thị vật lạ ; chim được người con gái con nhà đài-các, mà tính-nết đỏng-đảnh chua-ngoa, hệ thị của khó ; chim được người con gái đào tơ sen ngó, mới nhập-tịch trong làng xuân, hệ-thị đồ nguyên ; chim được người con gái trong ngọc trắng ngà, vốn có tiếng là người đẹp, hệ-thị miếng ngon ; thì hội thảo ra một bài chúc-từ chúc mận chúc đào, chúc ma chúc mãnh, chúc đá lăn-lóc, chúc đời mần - mê, cắt người đại-biểu đến chúc mừng, để biểu-dương về sự danh-dự cho hội-viên.

Điều thứ hai-mươi-mốt

Hội đề ra một món tiền bố-thí nho-nhỏ. Hội-viên trong hội, người nào trước phú-quí mà sau bần-tiện, trước ấm no mà sau đói rách, trước năm bảy vợ, mà sau trơ-khấc không có vợ nào, trước xa-sỉ lừng-lẫy như trời, mà sau keo-cúi bê-tha như tuồng khất-cái ; xét ra trước kia cũng là người có nghị-lực, có nhiệt-thành, vì việc tứ-khuyến (tửu, sắc, yên, đồ) trong hội mà phá-sản, thì hội cũng bố-thí cho ít nhiều, để tỏ lòng liên-tuất.

Điều thứ hai-mươi-hai

Hội lại đặt ra mấy cái giải thưởng. Hội-viên trong hội, người nào có tính-chất mạo-hiểm, đem thân ra hi-sinh về việc nghĩa-vụ cho hội, mà mắc phải bệnh dang-mai, lần thứ nhất, hội thưởng cho một cái áo bằng kim-ngân-đoạn, hoặc bằng xa-tanh, bằng lai-lộ, bằng cát-xơ-mi, hoặc bằng sa Tây bóng-bẩy, sa Tàu hao-hoa ; lần thứ hai, hội thưởng cho một cái chóp-nón bèo vàng, hoặc cái gậy ba-tông chuôi bạc ; lần thứ ba, thì hội thưởng cho một cái quan-tài sơn đỏ, để dự-bị về sự bách-niên. Khi người ấy bách - niên, hội cũng cắt người lại hỏi qui-công-tử rằng người tiên-hữu của hội, có di-ngôn gì không. Nếu có di-ngôn điều gì, thì hội sẽ thờ làm một vị tiên-giác tiên-tri.

Điều thứ hai-mươi-ba

Hội-viên trong hội, người nào mạo-hiểm quá, chẳng may bị gái họ cắt mất dương-vật, thành ra một người bỏ rọ trong làng xuân, còn sống, thì hội đãi làm một vị Hoa-vụ hưu-nghị-lang 花務休議郎 ; về sau trăm tuổi, thì hội tôn làm một vị Hoa-quốc sả-thân-chủ 花國捨身主. Mà hội cũng đệ-niên kỷ-niệm, trong khi làm lễ, cũng cho được phối-hưởng với Sở Khanh tiên-sư.

Điều thứ hai-mươi-bốn

Phàm người trong hội đã thực-nhận cái danh-từ chim gái của hội, phải hiểu-thấu cái danh-nghĩa chim gái của hội. Chim nghĩa là chim-tróc, tróc có ý là bắt, bắt lấy nhân-tình. Và nghĩa là chim-chuột, chuột có tính hay tha, tha mất đồ người. Nghĩa chim lại bao-hàm có tám nghĩa nữa : Một là nghĩa dòm. Hai là nghĩa mồi. Ba là nghĩa gạ. Bốn là nghĩa gụ. Năm là nghĩa ganh-thi. Sáu là nghĩa phất-phới. Bảy là nghĩa thì-thọt. Tám là nghĩa dập-dìu. Nghĩa chim gái có thể tinh-vi hơn nghĩa ve gái, quảng-đại hơn nghĩa săn gái, văn - minh hơn nghĩa mò gái, tân-kỳ hơn nghĩa ghẹo gái. Đã đoái đến danh, phải xét đến nghĩa, sẽ xứng-đáng là hội-viên.

Điều thứ hai-mươi-nhăm

Phàm người trong hội, không được chim lẫn vợ nhau, và dù yêu gái đến thế nào, cũng không được ruồng-rẫy vợ, người nào phạm hai điều cấm ấy, thì hội tức-khắc đuổi ra, không cho dự hội nữa, để giữ-gìn lấy tinh-túy phương Đông.

Điều thứ hai-mươi sáu

Trong hội-viên, người nào mó hang lửa mới có nửa ngón, đuổi sóng xuân mới được nửa vời, mà muốn hồi-đầu, không muốn dự hội nữa, và nếm sang vị thuốc *giới-chỉ-tại-sắc* 戒之在色 của ông Khổng, đeo sang đạo bùa *sắc-thị-không không-thị-sắc* 色是空空是色 của ông Phật, mà muốn thờ vị khác làm tiên-sư, không muốn thờ Sở Khanh nữa, thì hội cũng không dám nài ép và bó-buộc gì, để cho phần tín-ngưỡng trong tâm-lý, đều được tự-do.

Phụ-lục bài văn tế Sở Khanh

Tháng Trọng-xuân, ngày hai-mươi mốt, giờ tuất. Chim-gái hội, đồng-hội-đẳng. Cần-dĩ : nước vỏ lựu, máu mào gà, đóa trà-mi, tòa ngà ngọc thiên-nhiên, đẳng-vật, cảm-minh cáo vu Sở-Mặt-mo tiên-sinh vị-tiền viết : Vị hữu xuân-thiên kỷ-niệm, tất cốc lễ dã. Kính-duy :

Tiên-sinh : Vừa trạc thanh-xuân, con người sành-sỏi. Phong-tình đã quen, thư-hương cũng loại. Phụ-tình chùm bất-nghĩa chi phường ; giở mặt dủ vô-lương chi lối. Hình-dung chải-chuốt, ngỗ liễu tháng ngày. Khăn áo dịu-dàng, lầu hoa sớm tối. Mấy trăm chuyến tò-mò chi quốc-sĩ, quyến yếu dủ oanh, năm ba câu khuếch-khoác chi anh-hùng, tháo lồng sổ cũi. Người lưu-lạc khéo dẫy ngay xuống giếng, chơi như thầy chơi thế mới khoăm; vẻ phù-dung chừng chôn biết mấy cảnh, lận như thầy, lận thế mới gỏi. Dứt tay tế-độ, chẳng có thầy, ai lấp cho cảnh bể trầm-luân ; thả giọng sắt-đanh, chẳng có thầy, ai uốn được lưỡi câu ân-ái. Môn bẻ-hoa, môn thầy là chuyên-môn ; phái xỏ-lá, phái thầy là chính-phái.

Hội chúng tôi : dông-dả ăn chơi, theo-dòi bợm-bãi. Như bướm lượn vành, như oanh học nói. Cùng theo một đạo, cảnh chim lá gió chi dập-dìu ; cùng dốc một lòng, trên Bộc trong Dâu chi gắng-gỏi. Ngón bợm nhờ tay ma-mãnh, ngỏ chân-truyền trong sử gió trăng. Cuộc đời gặp hội văn-minh, mong tiến-bộ trên đường trai-gái.

Nay : xuân trọng tháng tròn, thiều-quang tiết tới. Ngắm dương-liễu chi thướt-tha bóng lục, ai là không lòng sắc bâng-khuâng. Coi hải-đường chi mơn-mởn cành tơ, ai là chẳng tình xuân hăng-hái. Cuộc vũ-vân có kẻ trước người sau ; làng hoa-liễu cũng một thuyền một hội. Nghìn năm xa cách, còn đâu tiên tích-việt ngâm-đề ; một tấm tình-thành, dường thấy ngựa truy-phong giong-ruổi. Phục-duy thượng-hưởng. Cần-cốc.

TÙNG-VÂN

TIỂU-THUYẾT

TUYẾT-HỒNG LỆ-SỬ

雪紅淚史

(Truyện chung-tình)

LỜI CHUA BIÊNG CỦA NGƯỜI SAO-LỤC

Đức Khổng - tử san kinh Thi *mà không san bỏ thơ Trịnh Vệ, sửa kinh* Xuân - thu *mà không tước bỏ sự thoán-thí, nghĩa là sự hay thì khuyên cho người ta, sự dở thì răn cho người ta, thứ nhất là một điều quan-hệ về việc đạo-nghĩa, thứ hai là quan-hệ về việc văn-chương, thế là một sự bất-hủ truyền lại. Bất-cứ truyện hay, truyện dở, người phải, người trái, đã trải qua tay một người giá-trị phẩm-đề vào thì cũng đủ là một cái văn có giá-trị và cái truyện có giá-trị. Truyện* Tuyết-hồng lệ-sử *là một truyện rất mới, cách nay mới độ 15 năm, là một sự nên xem. Nhân-vật truyện ấy lại là một người học-giới mới buổi này, lại càng nên xem lắm. Tuy rằng đối với bản-phận người trong truyện chưa chắc đã hợp vào đạo-lý, nhưng mà văn hay, tình vui, người rất gần, truyện rất mới, thấy câu văn hay thì ta khen, thấy điều trái đạo-nghĩa thời ta răn, nên cũng là cái tiểu-thuyết có giá-trị.*

Bỉ-nhân có lục được một quyển văn dịch Tuyết-hồng lệ-sử *mà không đề tên ai dịch cả, trên đầu có chua nhỏ mấy câu rằng : « Quyển này nguyên-văn của Từ Trầm-Á, văn cũng hay, tình cũng sâu, nhưng dịch-giả có chút ý-kiến riêng không muốn đề công-lãm chi, nên dịch để những đồng-hiếu quân-tử xem chơi thì hơn, v. v. ».*

Bỉ-nhân duyệt khắp bản sao-lục ấy, xét cái thể-tài văn quốc-ngữ, nhiều chỗ hoạt-bát, mới-mẻ lắm, vậy sao-lục để cống duyệt-giả.

Còn văn hay hay dở đã có công-luận.

ĐOÀN HIỆP

. . .

CHƯƠNG THỨ I

Tháng giêng (năm kỷ-dậu, 1909)

Hôm nay là ngày tết nguyên-đán.

Từ khi tôi ra đời đến nay, đã trải tết nguyên-đán này hai-mươi ba lần rồi, bóng xuân như mũi tên bay, mà tôi thì như cái cung, tên bay đi mà cung vẫn ở lại, im phắc như tờ. Năm thì một ngày một mới mà người thì một ngày một cũ đi, mòn-mỏi thông-minh hết quách rồi, còn đời ngẫy-dại bán cho ai !

Tỉnh dậy, nghe thấy tiếng pháo *đùng*, ra vườn thấy cảnh hoa nở, vui-vẻ thay cho tết nguyên-đán, mà sao tôi lại buồn-bã thay cho tết nguyên-đán ? Tết nguyên-đán cũ đã bỏ tôi mà đi, tết nguyên-đán mới nó lại đuổi theo tôi mà chạy lại. Tôi nghĩ tết nguyên-đán khi trước thì tôi rớm nước mắt ; tôi lại chưa biết tết nguyên-đán sau này ra làm sao, thì tôi lại bâng-khuâng, như giấc mộng hồn vậy. Cũng có người cười tôi, trái chứng trái nết, gặp sự gì cũng mua lấy một khối sầu. Than ôi ! tôi cũng là người, tôi cũng có mồm miệng, tôi biết cười ; tôi cũng có mày mặt, tôi biết tươi ; nếu thật là vui lòng, tôi tội gì không ốm mà tôi rên ?

Than ôi ! tôi cũng không cần ai biết cho tôi làm gì nữa.

Cách ba năm trước, tết nguyên-đán

này của tôi cũng được vui như người ta ; bố mẹ song-toàn, anh em đông-đủ, mà bây giờ thì rượu xuân nhạt-nhẽo, trời xuân lạnh-lùng, nhìn ảnh thầy tôi thì lại nhớ, nghe tiếng mẹ tôi thì lại sầu, mà anh tôi thì sông Ngô bể Sở bấy lâu, bắc nam hồng-nhạn biết đâu mà nhìn ? Mẹ tôi còn buồn thì tôi còn vui với ai được nữa !

Một hôm, mẹ tôi bảo tôi rằng :

— Con bây giờ đã đứng tuổi, nhà ta thôi học-trò, không có thể ăn không ngồi rồi mãi được. Con phải biết khi thầy mất, tư-bản chẳng còn được bao nhiêu, công việc ma-tray đã hao-hụt hết ba phần, mấy năm nay ăn tiêu lại hao-hụt đến bốn năm phần, thì còn gì nữa ! Nếu không có anh mày thỉnh-thoảng gửi về giúp đỡ và chị mày chịu khó làm ăn, thì không có bột sao gột nên hồ được ? Nhà ta công-việc còn nhiều, anh em mày nên gánh chung cái trách-nhiệm ấy. Anh mày đã vắng, còn mày nữa cũng nên tìm đường mà lập-thân. Thôi gắng đi, con ơi ! đừng để anh mày chê là hèn.

Tôi nói rằng :

— Mẹ dạy thì phải lắm, nhưng bây giờ anh con đi xa, cửa nhà vắng-vẻ, nên con không muốn đi đâu nữa.

Mẹ tôi gắt rằng:

— Sao mày nói ngu thế. Con trai phải lập-chí bốn phương, nếu có được ăn ngon mặc đẹp, mà không làm nên sự-nghiệp gì, thì còn vinh gì nữa.

Than ôi! lời mẹ tôi nói thì ngọt, mà bụng mẹ tôi thì cay-đắng lắm, đang mong anh về chả được, lại còn muốn cho em đi nốt nữa; vì sao nghĩ quanh lo quẩn làm vậy ?....

Gặp một sự tình-cờ rất may. Tôi có người bạn tên là Tử-Xuân, trước tôi đã gửi thơ nhờ tìm giúp hộ một chỗ dạy học. Bây giờ Tử-Xuân sang chơi, nói rằng có một người bạn rất thân, tên là Tần Thạch-Si, người làng Loa-thôn, là một người tân-học rất có danh-giá.

Xứ ấy rất còn quê-mùa. Thạch-Si nhà rất giàu, có xuất vốn lập một cái trường học ở trong làng, muốn đón thêm một người chưởng-giáo nữa để trông nom việc dạy học, mà Thạch-Si thì sắp đi du-học ngoại-quốc.

Tôi phải nhận lời, rồi mời Tử-Xuân ở lại một đêm, để sắp-sửa đồ hành-trang.

CHƯƠNG THỨ II

Tháng hai

Tôi cùng bác Tử-Xuân xuống đò :

Lênh-đênh một chiếc thuyền bồng,
Khối-tình li-biệt tấm lòng xót thương.
Sông xuân nổi sóng đoạn-trường,
Con đường danh-lợi là đường phong-ba.

Trong khi ngồi thuyền tôi kể chuyện gia-tình, Tử-Xuân cũng có ý ái-ngại mà khuyên giải cho tôi.

Mặt trời vừa lặn, bóng cây um-thùm. Thuyền vừa ghé đến bến thì Tử-Xuân vội nhảy lên trước. Một chốc thấy Tần Thạch-Si ra đón. Về đến nơi thấy dọn rượu ra, trong tiệc có người phó-giáo-viên là Lý Kỷ-Sinh và ông cụ thân-sinh ra Thạch-Si, với người họ là ông cụ Thôi cũng ngồi tiếp rượu. Tử-Xuân đứng dậy giới-thiệu cả cho tôi biết, tôi cũng đứng dậy đáp lễ, xong rồi cùng ngồi.

Thạch-Si người rất ung-dung, tính-khí khác người lắm; mới gặp nhau mà xem ý yêu - mến nhau như là người duyên nợ từ kiếp trước. Lý Kỷ-Sinh là một người học tốt-nghiệp mới bổ ra, học còn kém lắm. Thạch-Si dùng làm phó-giáo-viên, so phận hay hèn, lông gà cánh hạc, cái duyên gặp-gỡ,

nước lã ao bèo, cố đấm ăn xôi, tôi bị sự không bằng lòng là một.

Trường học này là riêng của nhà Thạch-Si xuất tiền lập ra chỉnh-đốn rộng-rãi lắm, trong xứ nhà quê được trường học thế cũng ít có. Tôi đến ngủ ở nhà trường cũng được rộng-rãi, sạch-sẽ, nhưng ở gần với Lý-sinh thì thật không thú gì.

Khi chưa gặp tiếp Thạch-Si, tôi tưởng người cũng tầm-thường mà thôi. Bây giờ mới biết là một người bụng-dạ rất anh-hùng, tài-hoa rất phong-nhã, gặp nhau trong cõi phong-trần, rượu tiên chập tối thơ thần đêm thanh ; ngờ đâu hồng đi ên lại, bèo hợp mây tan, tây-song ngọn đuốc vừa tàn, con đường Nam-phố chia tan khối tình.

Tôi nhận công-việc trong trường đã hai ngày, đến hôm nay mới khai-giảng, mà đã thấy phát-hiện một sự rất lạ - lùng, vì chương - trình trong trường học này láo-nháo lắm.

Số học-trò chỉ độ 30 người, có đứa mới độ 5, 6 tuổi, lại có người lớn đã cưới vợ rồi.

Hôm bắt đầu khai-giảng, xúm đến xem đông như đám hội, toàn những thứ người hạ-lưu cả, vừa đàn-bà vừa trẻ-con, người thì mặc áo cánh, người thì đi chân đất, thậm-chí trỏ thầy giáo mà nói rằng :

— Ấy kìa ! ông Tây ! ông Tây !

Mình khuyên nó cũng không được, mình mắng nó cũng không sợ, láo-nháo suốt cả một buổi học, chán quá !

Khi tôi mới bắt đầu đến nhà Thạch-Si, trong khi ngồi bàn rượu, Tử-Xuân đã có giới-thiệu cho tôi một người là ông cụ Thôi.

Hôm nay nhân ngày lễ, thấy ông cụ ấy đến chơi, chủ-ý nói chuyện một việc có thằng cháu thơ-ấu, muốn đón tôi về nhà nuôi, để dạy riêng thằng cháu. Hỏi tuổi thì nó mới lên tám, nên không dám cho đi học trường.

Tôi nhân có ý không muốn ở gần anh Lý-sinh, nếu được thế cũng lưỡng-tiện, vậy cũng nhận lời ngay.

Sáng hôm sau, thu xếp dọn sang nhà cụ Thôi.

Thằng cháu ấy tên là Bằng-lang. Khi nó ra chào tuy còn trẻ con, nhưng người thanh-tú lắm. Ông cụ Thôi nói chuyện rằng :

— Cháu cũng có ý sáng. Mỗi khi mẹ cháu thêu xong, thì lại dạy nó ít nhiều. Bây giờ, cháu đã thuộc được mấy bài *Đường-thi*.

Tôi bắt đọc, thì nhớ cả thật. Con như thế thì chắc mẹ cũng không dốt.

Từ khi tôi đến trọ nhà ông Thôi, cũng khuây đỡ sự nhớ nhà và cung-cấp cũng tử-tế.

Con trai ông Thôi, nguyên là người văn-nhã, tài-hoa, chẳng may lại mất sớm. Ông Thôi thì tuổi-tác, công việc nhà ấy, ở trong tay mẹ Bằng-lang cả. Nghe nói mẹ Bằng - lang cũng con nhà danh-giá, vả lại là người rất có tài, đầu xanh tuổi trẻ, phượng lẻ loan loi, cái gương bạc-mệnh là đời Văn-quân !

Nghĩ mình gặp bước phong-trần,
Cái thân bèo-bọt là thân lạc-loài.
Áo xuân chan - chứa vì ai,
Đời xuân-xanh cũng là đời vô - duyên.
Con tạo trêu người,
Kiếp người nặng nợ,
Thương nhau thì sợ,
Ghét nhau thì đành.
Trời xanh, ới hỡi trời xanh !
Bày ra cái cuộc chung-tình làm chi ?

Mẹ Bằng-lang họ Bạch, tên là Lê-Ảnh. Có một con hầu gái tên là Thu-nhi, mới lên 14 tuổi, nhanh-nhảu chịu

khó lắm, quét tước cửa nhà, bưng cơm rót nước, là nó phục-dịch cả.

Có một hôm, nó nói với tôi rằng :

— Mợ tôi quí thầy lắm. Ấy những đồ ăn này là mợ tôi thân-bành nấu cả.

Vả lại biết tôi hay uống rượu, bữa nào cũng đưa lên nậm rượu, mỗi bữa cơm tối, tôi uống rượu lừ-đừ một mình mãi. Con Thu-nhi đứng hầu, nó kể lần-mần đến chuyện trong nhà, nói rằng :

— Mợ cháu vừa đẹp vừa hay chữ, chỉ tại cái số vất-vả mà thôi ; cháu hầu mợ cháu đã lâu, nên cháu biết. Khi trước cả hai cậu mợ, cùng hay thơ, gió chiều hoa sớm, bề ái chứa-chan, phượng họa loan ca, tình thơ bát-ngát. Từ khi cậu cháu mất, thì tiếng ngâm thường vắng, ngòi bút thường khô. Họa chăng mới thấy mợ cháu khêu ngọn đèn tàn, mài thoi mực mốc, cầm đầu viết được mấy hàng, thấy nét mực và nước mắt đã đầm-đìa một trang giấy, thì không biết ai nghe mà nói, đau lòng vì đâu, làm sao lắm chữ nghĩa như thế ?

Tôi nghe Thu-nhi nói, mà, thương ôi ! cái kiếp văn-chương, một phường mệnh bạc, một phường thiên-nhai, biết rằng ai có biết ai, thương-tâm có biết còn người này chăng ?...

CHƯƠNG THỨ III.

Tháng hai dư.

Chỗ nhà tôi ở, trước sân có một cây lê với một cây tân-di, gió đông phất-phới, như cắt hoa xuân, ngày nắng đêm mưa, thiều-quang quá nửa.

Một hôm, gặp ngày nghỉ, tôi uống chơi mấy chén rượu, vì sầu nên uống say chơi, say rồi sầu lại bằng mười chưa say ! Lại phải mấy ngày hôm nay mưa rầm mãi ; chúa xuân tệ bạc, hoa rụng hương tàn, đất khách lạnh-lùng, đêm khuya ngày vắng ; trông ra thấy cây lê hoa nở rụng lở-tở ngâm một bài rằng :

Lạnh-lùng là cái kiếp thư-sinh,
Một khối sầu riêng thẹn với tình.
Mưa gió ghen chi hoa bạc-mệnh,
Cành lê thỏ-thẻ khóc con oanh.

Ngâm xong, thấy Bằng-lang chạy đến, tay cầm hai cành hoa lan cắm vào ống bút, rồi cười. Tôi hỏi : « Hoa đâu thế », nó nói rằng : « tôi ngắt ở nhà trong ra. »

Tôi bảo nó rằng :

— Cái hoa này quí lắm, từ rầy không được ngắt nó đi thế nhé ! Nghĩa là cứ để ở chậu hoa thì được một tháng, ngắt cắm vào lọ chỉ vài ngày thì tàn.

Bằng-lang nói rằng :

— Mẹ tôi cũng vẫn răn tôi thế, nhưng hôm nay là mẹ tôi bảo ngắt đem ra để cắm vào ống cho thầy đấy.

Ngày xuân lần-lữa, én lại oanh về ; ngọn gió lơ-phơ, giọt mưa lấm-tấm. Trông ra cây lê thì hoa đã rụng đầy vườn : đa-tình ta lại cười ta, yêu hoa là tính, thương hoa là tình.

Trông xuống gốc cây thấy cánh hoa lấm-lấp mà lại ngao-ngán cho đời :

Chơi hoa lúc hãy còn tươi,
Đến khi hoa rụng ai người thương hoa ?

Bắt-chước Giả Bảo-Ngọc ngày xưa, lần thần ra nhặt những cánh hoa rụng đem chôn một đống. Trông lại cây tân-di kia thì đang chum-chúm sắp nở, nên vịnh hai bài thơ ngụ-ý như sau này :

Vịnh hoa Lê.

Một khối u-tình giận chúa xuân,
Hương trời đem bạn khách phong-trần,
Mưa xuân giọt lệ thương tri-kỷ,
Xuân hết đời hoa có mấy thân ?

Vịnh hoa Tân-di.

Nhị thắm mầu tươi vẻ mặn-ma,
Cành hồng ganh với chị xuân già.
Giang-Lăng còn kém tài ngâm-vịnh,
Một khúc thơ đề thẹn với hoa.

Đêm lạnh như nước, bóng trăng tờ-mờ, ước chừng non nửa đêm thấy có tiếng khóc xùi-xụt, ngóc dậy rồi ngó ra, thấy một người con gái mặc áo trắng, đứng ở bên cây lê, mà khóc thầm.

Người ấy là ai? Chính là Bạch Lê-Ảnh. Lê-Ảnh làm sao mà khóc hoa? Đã một người chôn hoa, lại một người khóc hoa! Hoa ôi! thôi hoa đừng khóc nữa, mà hoa nên cười, gặp người tri-kỷ, may đời cho hoa.

Nước mắt ngồi nhìn người nước mắt,
Đau lòng lại gặp khách đau lòng.

Câu ấy chính hợp cái cảnh-tượng đêm hôm ấy của tôi.

Suốt đêm, tôi vẫn văng-vẳng nghe thấy tiếng khóc, vẫn thấp - thoáng trông thấy bóng người.

Chưa sáng đã vùng dậy, thấy Bằng-lang vừa cười, vừa hỏi rằng:

— Sao thầy dậy sớm thế? Những cánh hoa lê rụng, có phải thầy chôn không? Sao thầy yêu hoa thế?

Tôi nghe nói, hiểu ngay rằng câu ấy là có người xui.

Chiều hôm nay, tan học tôi về thì thấy phát-hiện một sự rất lạ, vì tập thơ *Thạch-đầu-ký* đâu mất, không thấy nữa. Lạ! ai vào đây? cửa kính thì khóa mà ai là người ăn cắp thơ? Nghĩ mãi không ra. Phút trông thấy một cánh hoa tường-vi rơi ở dưới đất, nhặt xem thì rõ-ràng hoa mới gài đầu, cuống vẫn còn ngấn, mùi nước hoa thoang-thoảng chưa phai. À! thôi tôi biết rồi, chắc là Lê-Ảnh. Lê-Ảnh đến đây ăn cắp thơ là vì sao? Yêu vì tài hay sao? Say vì tình hay sao? Thật là không hiểu. Đã hay rằng Thu-nương nhỡ thì, tiếc của ai khen Đỗ-Mục, Văn-quân gái góa, hay gì mà học Tương-Như; nhưng mà hoa rụng, xuân tàn, cùng phường luân-lạc; áo xanh, quần thắm, một giống đa-tình.

Gặp nhau duyên nợ ba-sinh,
Đố ai ngảnh mặt làm thinh cho đành.
Thư này mình lại than mình,
Thử đưa cho khách hữu-tình xem sao!

Thư rằng:

« Mộng-hà chẳng may mười năm xấu số, ba tháng lìa nhà; gió sớm trăng khuya, vườn đào chén cũ; sông xuân nước biếc, đất khách con thuyền. Song khi đến đây may gặp cụ lại có lòng yêu, đón về ở đây, để trông nom sự học cho cháu, tôi cũng đã biết cái lòng đãi khách hậu lắm, không biết lấy gì mà báo đền được. Gặp bước cùng-đồ, được người tri-kỷ, dù chết cũng không dám quên. Lâu nay được nghe Thu-nhi kể chuyện, mới biết giọt ngọc Lam-điền, tiếc tài Đạo-Uẩn, cành hoa bạc-mệnh, thương số Văn-Quân; yêu con nên yêu đến thầy, xót mình lại xót đến khách. Trên lầu bóng nguyệt, gương vỡ khôn lành; giấc mộng đai đồng, dây tình ai chắp; nhìn theo hoa rụng, tiếc duyên tri-kỷ cuối mùa; đứng ngóng non bồng, cái số tương-phùng còn muộn; một người đa-hận, gặp khách đa-sầu. Than ôi!

« Đêm xưa bóng nguyệt lạnh-lùng, hoa Lê nọ, vì ai mà khóc? Buổi sáng phòng thư lạnh-lẽo, gót sen kia ai séo vào đây? Thơ kia là tập đoạn trường, xem làm gì nữa? Hoa nọ là thân bạc-mệnh, ai đánh rơi đây?

« Gặp nhau duyên nợ lần này,
« Trăm năm cũng gọi một ngày tương-
« Thương ôi, một khối tình si, [tri.
« Trừ câu thơ nữa lấy gì cho nhau?

« *Nghìn thu còn khúc Bạch-đầu,*
« *Thư đi, từ lại với nhau là tình.*
« Thôi thôi.
« *Bao giờ sạch nợ ba sinh,*
« *Yêu hương thì mến mối tình cho hoa.*

« Mộng-hà kinh thư »

Tôi gửi thư ấy sang rồi tôi lại lo ; bây giờ nghĩ lại thơ ấy, thật liều quá, bậy quá, nghĩa là bụng người ta đã như giếng khô, thân như cây thông già, bỗng dưng mình đem lời hữu-tình để khêu nhau thì chắc không bằng lòng, lỡ vỡ chuyện ra, mình còn ra gì nữa. Nhưng cũng không sợ ; ấy tại ai gợi ra trước, tưởng như người này xem bức thư ấy mà động lòng thương nhau chăng ? Nếu không thì nước trôi cứ việc trôi xuôi, mảnh tình kia có vì ai mà sầu ? Chỉ e rằng : lưới tình mắc-míu lấy nhau, dây duyên ai gỡ mối sầu cho ra ?

Còn đang nghĩ-ngợi, đã thấy Bằng-lang cầm bức tiên hoa sang.

Thư rằng :

« Bức thư đưa sang, bóng đèn hoa mắt. Thắp hương đọc khắp lời văn châu báu dễ xui người thương cảm lắm. Bể trần mông-mênh, buồng xuân lạnh-lẽo, hãy còn có người nghĩ đến kẻ bạc-mệnh này nữa ư ? Thế thì Lê-Ảnh may lắm, nhưng chính là một sự rất không may cho Lê-Ảnh. Lê-Ảnh không ra gì, lọt khỏi lòng mẹ, đã đeo ngay khối sầu ra ; biết chữ chi chưng, phô tài cho con tạo ghét. Trong gác Thúy-vi, gió khuất không tới, trên lầu Yếu-tử, Trăng soi một mình ; nghìn xưa cái kiếp má-hồng, ai ai cũng vậy, hễ thừa chữ tài thì thiếu chữ ngộ, đẹp vì sắc thì xấu về duyên, có một mình gì Lê-Ảnh này đâu ? Người ta gặp sự không may, phải lùi lại một bước mà nghĩ thì khắc phải đành lòng. Lê-Ảnh nay, tự nghĩ thân mình, chút trộm phấn son phấn, hơi biết một đôi điều chính, đúng lệ là người bạc-mệnh, may không đến nỗi lạc bước phong-trần, hương rơi hoa rụng đã là phúc lắm. Bây giờ : Buồng hương một bóng năm canh, tình bao nhiêu lại giật mình bấy nhiêu ; non xuân sầu khóa trăm chiều, chùm chăn mộng cũng không theo hồn về. Cửa sổ soi hương, con yểng không buồn hỏi chủ ; bờ ao ngắm bóng, uyên-ương nó cũng cười mình. Những tình-cảnh ấy thật không vui-thú gì nữa. Nếu Lê-Ảnh ngu tối, không nghĩ ra liều thân hoại thể, tủi phận hờn duyên, hồi-văn cố dệt, chốn giạ-đài còn gửi cho ai ? Giọt lệ chưa khô, sóng bể khổ nước triều dâng mãi. Rồi đến nỗi : đem hồn bồ-liễu làm ma đoạn-tràng, thiệt đời tài-sắc, cắt đường ái-ân, Lê-Ảnh nghĩ đến câu ấy thì xót-xa, lại thường nhân câu ấy mà khuyên-giải vậy.

« Từ khi được cao-sĩ đến đây, Bằng-lang may có phúc được nhờ ơn tác-thành, Lê-Ảnh vô-duyên chưa được thừa-nhan lần nào, hồ phận hoa hèn, liễu yếu, dám đâu giở chuyện văn-thơ, nghe tài uyển-lãng tiên-quỳnh, luống trộm say lòng qui-hoắc.

« Đêm hôm trước ba canh dưới nguyệt, thăm mả hoa lê, trước bóng ngọn đèn, ngâm câu giai-tác, xui Lê-Ảnh một tấm tình ngây, như say như tỉnh, nghĩ quân-tử mười phần tài-diệu, thêm kính thêm yêu, nghìn thu sau trước, giống đa-tình là khách văn-nhân ; một kiếp phong-lưu, nghề cảm-hứng bận đời danh-sĩ.

« Than ôi ! nghĩ như chàng tài cao bằng trời, tình sâu như bể, đi đâu mà không đắt được cái tài, chỗ nào mà không gửi được cái tình, mà đến cái đất đoạn-trường này, gặp cái người vô-duyên này, một ngày nên nghĩa, trước lạ sau quen. Xem trong bức thư hình

như không thể sao cắt được mối tình nữa.

« Lê-Ảnh dẫu ngu tối cũng xin cảm tạ, chỉ nghĩ rằng : Tình đã muộn, phúc đã bạc, chỉ ngồi đối với cảnh gió xuân mà khóc thầm, phòng the một ngọn đèn tàn, nghĩ đến tình-cảnh lúc trước, cành đào mùa hạ, mảnh quạt cuối thu, mấy phen gió hoa như giấc mộng, chín mươi ngày xuân lại lên mây, thoa gẫy, ai chắp cho liền, gương vỡ, lành sao được nữa, tự nghĩ tấm lòng đã như giếng cạn, không nên gợi sóng gió nữa, kẻo mà đắm đuối, và thân bạc-mệnh này cũng không nên để lụy đến ai !

« *Kiếp xưa đã vụng đường tu,*
« *Duyên kia đành phải hẹn-hò kiếp sau.*

« Nếu sẵn lòng với nhau, thời trên mây xanh dưới suối vàng, chắc cũng có lúc gặp, nhờ Nguyệt-lão chua sẵn vào sổ nhân-duyên kiếp sau, để đành lòng. Lê-Ảnh không phải là vô-tình, cũng không phải rằng không hiểu bụng người tri-kỷ, chỉ sợ rằng, dây tình mắc-miu gỡ mãi không ra, họa sau này bao nhiêu cái sợ-hãi, bao nhiêu cái phiền-não, bao nhiêu cái khốn-nạn, chẳng qua tại má-hồng hương nhạt, áo xanh giọt lệ ướt đầm mà thôi, thật cũng không thú gì cho Lê-Ảnh và cũng không có thú gì cho chàng nữa.

« Còn, sự chàng muốn xem cái tập thơ của Lê-Ảnh, thì thật quê-mùa lắm, không hay-ho gì cả, nếu đã thương nhau cho phép làm học-trò để tập học văn thơ, thì xin nhập-môn thầy may có lẽ cũng không đến nỗi cầm ngược quyển sách.

« *Khối tình một mảnh con con,*
« *Viết ra mực hết hãy còn lệ rơi.*

« Lê-Ảnh kính thư. »

Ôi ! người này lại tài thế này ư? Không trách xấu số là phải. Một bức thư này thật như giắt tay mình vào đất đoạn-trường. Thôi từ nay trở đi hai hàng nước mắt của tôi không lo gì không có chỗ vầy xuống nữa.

Đa tình ta lại biết ta,
Một lời tri-kỷ ấy là yêu nhau.

Tôi không phải là với ai cũng đa-tình, tuổi ngoại hai-mươi, vợ con chưa có, chắc cũng có người ngờ lòng tôi, nhưng thật lòng tôi mang sầu mua giận sao qua, bụi hồng mù-mịt ai là tri-âm ; một khối tình si, chỉ muốn bán cho người tri - kỷ. Trong khuê-các, mà mấy năm nay, không gặp ai cả, sao bây giờ may gặp được Lê-Ảnh. Trời ơi ! mừng lắm, quí-hóa lắm, nhưng mà : *chúa xuân đành đã có nơi, cành hoa đã bẻ cho ai cầm rồi* ! Sao tôi còn giấy-má đi lại làm gì nữa, đem cái tình dùng vào chỗ không đáng dùng, không biết sau này kết-cục ra làm sao, tôi đã toan thu cái tình về mà sao thu lại cứ không được nữa. Than ôi ! gặp người tri-kỷ đã quí lắm, gặp người tri-kỷ mà là bạn gái lại càng quí lắm. Thôi, tôi cũng liều cái thân này để đánh nhau với tình phen này. Tôi đang nghĩ lẩn-quẩn, tay nhắc cái nghiên mực lên thì thấy có bài từ ở dưới gậm.

Từ rằng :

(Điệu Giá - cô - thiên)

Trách gió đông-phong chẳng biết gì'
Chôn hoa có biết mảnh tình si ?
Bên hoa tiếng sáo ai von-vẻo,
Sầu buổi tà-dương sắp lặn đi,
Hồn mê-mẩn,
Lệ đầm-đìa,
Đau lòng viết một khúc tân-thi.
Cánh hoa có ý xuôi dòng nước,
Bóng nguyệt vô-tình hỏi thiếp chi?

Tôi xem hết bài thơ ấy, giật mình rồi rỏ nước mắt ra.

Hay thơ chi lắm ai ơi!
Vì tài làm hại cái đời thông-minh!

Những cành hoa của Bằng-lang cầm ở trong lọ hôm trước, mấy hôm nay đã héo cả.

Hốt thấy Bằng-lang đến trỏ vào cái bình hoa mà cười rằng:

— Cái hoa héo thế kia còn để làm gì nữa?

Nói dứt lời rồi rút cành hoa lan vứt đi, tôi vội-vàng nhặt lấy.

Bằng-lang cười rằng:

— Sao thầy quí cái hoa héo như thế?

Tôi nói rằng:

— Hoa thì héo nhưng cuống hãy còn, yêu hoa không những yêu cái hương, mà nên thương đến cả cái cuống.

Nói xong, ngảnh lại, trông cái ống hoa đã thấy cắm mấy cành hoa khác tươi-tốt lạ-lùng.

Tôi gắt Bằng-lang rằng:

— Tao đã bảo hoa này quí lắm, không được cấu, sao mày được quên?

Bằng-lang nói rằng:

— Thầy bảo con vẫn nhớ, nhưng hoa này là mẹ con bảo ngắt để cắm vào ống cho thầy.

Hoa ơi! hoa cũng một đời,
Biết nhau có biết đến người vô-duyên?.....

(*Còn nữa*)

Nguyên-văn bằng chữ hán
của Tô Trầm-Á
M.-K. *dịch nôm*

VĂN-UYỂN

DỊCH THƠ TÀU

I

春日偶成

Ngày xuân chợt thảo

宋人程明道

(Của ông Trình Minh-Đạo đời Tống)

閒來無事不從容。
睡起東窗日已紅。

Buổi nhàn muôn việc những thung-dung,
Ngủ dậy hiên đông dọi bóng hồng.

萬物靜觀皆自得。
四辰佳興與人同。

Loài nọ giống kia nhường thỏa cả,
Mùa nào cảnh ấy sẵn vui chung.

道通天地有形外。
思入風雲變態中。

Tình cao, ưa những gió mây lạ,
Đạo rộng, suy ra trời đất không.

富貴不淫貧賤樂。
男兒到此是豪雄。

Giàu, khó, sang, hèn, khôn đổi nết,
Làm trai đến thế mới hào-hùng.

Lời giải. — Thơ này là sớm ngày mùa xuân mới ngủ dậy, mà ngẫu-nhiên thảo ra, thuộc về thể đạo-học. Đạo-học nghĩa là học về đường tâm-tính, cho người với trời đất muôn vật là nhất-thể. Lối học ấy thịnh-hành tự các nhà Tống-nho lấy đạo Khổng Mạnh làm gốc, mà lại có ý dung-hòa với đạo Phật đạo Lão nữa; như phái ông Thiệu Nghiêu-Phu ông Chu Liêm-Khê, v. v.. Phái ấy nguyên không phải là phái thi-nhân, khi làm thơ chẳng qua chỉ để hình-dung cái huyền-cơ của tạo-hóa, và cái chí-đức của chân-thân; hay hoặc những điều triết-lý trong vũ-trụ, luân-lý trong nhân-loại mà thôi. Thơ làm ra hình như thiển-cận, mà thật là sâu-xa; hình như bình-thường, mà thật là cao-diệu; tự người thường mà xem ra, thật là chán như

cơm nếp nát, tự người có đạo-học tư-tưởng mà xem ra thì lại thật là có cái thú-vị vô-cùng. Vậy những thơ đạo-học, không có thể cắt ra từng nghĩa mà chú-giải, trích ra từng câu mà phẩm-bình như thơ của phái thi - nhân khác được. Bởi vì thơ đạo-học ví như cái lồng đèn pha-lê; mà những lời chú-giải phẩm bình, lại ví như cái nét hoa ngũ - sắc; càng thêm được nét hoa nào, thì cái ánh sáng của đèn lại càng thấy giảm bớt đi. Cho nên chỉ xin tóm lại lấy cái đại-ý trong khi mệnh đề lạc-bút đó, để giải qua mà thôi. Vả lại thơ đạo-học là thơ nên để ốc mà ngẫm-nghĩ, không phải là thơ chỉ nên cầm bút mà phẩm-bình. Về sau phàm xem thơ đạo-học khi dịch ra, xin cứ theo đây mà xét.

II

和堯夫打乖吟

Họa lại bài « Đả-quai-ngâm » của ông Nghiêu-Phu

程明道

(Của ông Trình Minh-Đạo)

打乖非是要安身，
道大方能混世塵。

Đả-quai chi phải vị mình đâu,
Lộn trọc pha thanh đạo dễ hầu.

陋巷一生顏氏樂。
清風千古伯夷貧。

Vui-vẻ ngõ thầy Nhan-tử rộng,
Thơm-tho tiếng cụ Bá-Di giàu.

客求墨妙多攜卷。
天爲詩豪剩借春。

Mực trao tay khách văn vải quyển,
Thơ trả nợ trời xuân mấy câu.

儘把笑談親俗子。
德言猶是畏鄉人。

Đem vẻ nói cười thân kẻ tục,
Lời hay tục cũng phải nghe lâu.

Lời giải. — Thơ này cũng là thơ thuộc về thể đạo-học. *Đả* là đả-giác đả-phân, giác-phân nghĩa là quấy lộn. *Quai* là quai-lệ quai-dị, lệ-dị nghĩa là những kẻ bất-đồng-đạo với mình. Ông Thiệu Nghiêu-Phu làm bài *Đả-quai-ngâm*, có ý dung-hòa thanh-trọc, hỗn-hợp dị-đồng. Ông Trình làm bài thơ này họa lại; suốt bài toàn là tán-mĩ ông Nghiêu-Phu có cái chí-thú cao-siêu, và cái đức-độ quảng-đại, mà đem ông Nhan - tử ông Bá-Di ví với ông Nghiêu-Phu. Lãm-giả lại nên biết cho rằng ngõ thầy Nhan-Hồi vốn hẹp, rộng là rộng về đạo-đức; thân ông Bá-Di vốn nghèo, giàu là giàu vì tiếng thơm.

Tùng-Vân *dịch*

THƠ MỚI

Núi Trầm-sơn

Quả núi Trầm-sơn cũng đẹp thay !
Khen cho con Tạo khéo an-bài.
Trong hang thăm-thẳm nơi Tiên động,
Trên đỉnh chon-von chốn Phật-đài.
Buổi sớm mây lồng sương phủ đá,
Ban đêm trăng dãi gió rung cây.
Ấy ai chen-chúc vòng danh-lợi !
Thử đến mà xem cái cảnh này.

Nguyễn Mạnh-Hồng

Đề lăng vua Đinh

(Đề trên núi Yên-mã, làng Trường an huyện Gia-viễn).

Mây khói lưng trời khéo vấn-vương,
Lăng này đã trải mấy tang-thương.
Một vùng chính-khí trơ mưa nắng,
Ba thước u-hồn dãi tuyết sương.
Bọc mảnh bia xanh rêu áo-não,
Rung bông lau trắng gió thê-lương.
Nhớ câu Vạn-thắng mong đàm-luận,
Bảng-lảng đầu non bóng tịch-dương.

Đêm xuân cảm-hứng

Lặng-lẽ đêm xuân bóng nguyệt mờ,
Vẳng nghe tiếng dế luống thờ-ơ.
Một ngòi bút ngỗng tình là chữ,
Mấy đóa hoa đào tuyết nhả mưa.
Muôn dặm trông người sương phủ lối,
Trước rèm ngắm cảnh liễu buông tơ.
Canh trường khổ nỗi cùng ai ngỏ,
Não khách chuông chiền điểm nhặt thưa

Chơi thuyền

Đã từng chơi núi thử chơi sông,
Nhớ khách năm hồ há quản công.
Chèo quế rẽ trên mây dưới nước,
Câu thơ ngâm động sóng trong dòng.
Cờ đi hứng-tứ nhìn ngư lượn,
Rượu chuốc nhàn-tình đợi nước trong.
Đứng tựa mui bồng trông vũ-trụ,
Giang-hồ nhẫn bạn biết hay không ?

NGUYỄN XUÂN-ĐÀI

Vịnh đền Hùng-vương

Mười-tám đời vua đất Lạc-Hồng,
Hai ngàn năm lẻ nối dài dòng.
Bên vai Tản Đảo hai tràng núi,
Trước mặt Thao Lô mấy dải sông.
Bờ cõi chia ra trăm nước Việt,
Cánh vây hợp lại một nhà Hùng.
Sửa-sang tổ-miếu ngày thêm mới,
Con cháu bao giờ chả nhớ ông.

Tự-thán

Nghĩ đến bao nhiêu lại giật mình !
Mấy mươi năm đó vẫn hư-sinh.
Hai vai trung-hiếu mang không nổi,
Một tấc cơ-ngơi lập chửa thành.
Món nợ văn-chương chưa gỡ đặng.
Cái thân hồ-thỉ cũng mần-thinh.
Ai về Nhị-thủy khơi dòng nước,
Rửa sạch cho nhau cái bất-bình.

TRẦN NGỌC-HOÀN

Gánh nợ đời

Nặng trĩu đôi vai gánh nợ đời !
Nợ đời nặng lắm khách đời ơi !
Bình-thành công ấy ghi gan óc,
Cúc-dục ơn kia ví đất trời.
Món nợ trần-duyên còn lúng-túng,
Mà đường danh-lợi đã pha-phôi.
Còn non còn nước còn cơ-hội,
Có lẽ ta đâu chẳng gặp thời.

Đêm trăng chơi Hồ Tây

Vắng-vẻ đêm thanh bạn mấy người,
Con thuyền đủng-đỉnh dạo hồ chơi.
Lơ-phơ sóng bạc trên dòng vỗ,
Thấp-thoáng trâu vàng dưới đáy khơi.
Vằng-vặc mây quang vầng nguyệt chiếu,
Ào-ào gió thổi hạt sương rơi.
Xa nghe văng-vẳng chuông chùa Trấn,
Tiệc rượu trên thuyền chén lả-lơi !

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

Cảm-tác

Con tạo trêu mình mãi chửa thôi !
Bày-bày xóa-xóa lắm trò chơi.
Vô-nhan tráng-sĩ ai nhìn tới,
Mạt-lộ anh-hùng khó kiếm nơi.
Lưu-lạc kẻ chi dòng bẩn sạch,
Trầm-luân lọ quản nước đầy-vơi.
Trông mơ vẽ bánh lòng riêng những,
Thêm khách bàng-quan khúc-khích cười

Vịnh thằng bé con

Mặc ai bôn-tẩu khắp tây đông,
Ông bé con ơi, có sướng không ?
Thân-thể vẫn nguyên hình tạo-hóa,
Nói cười vui tít với non sông.
Của đời người thế coi ngơ mắt,
Lối lợi đường danh chẳng bợn lòng.
Muốn bắt chước ông nhưng khó quá,
Thân còn mang nặng hiếu cùng trung.

TRẦN HUY-LIỆU

Lữ-xá sầu-ngâm

Con đường danh-lợi nghĩ ghê thay !
Đưa đẩy người đời khắp đó đây.
Khi ở cõi này khi cõi khác,
Lúc qua miền bắc lúc miền tây.
Đèn trăng quạt gió riêng ta não,
Chén rượu cung đàn lắm khách say.
Nghe tiếng chim kêu thêm trạnh nhớ,
Trông vời phần-tử dạ khôn khuây.

Hỏi khách làng văn

Làng văn ai đó hỡi ai ơi !
Tớ muốn vì ai hỏi mấy lời.
Cái thú văn-chương lan khắp chửa ?
Mà trường ngôn-luận có riêng ai ?
Theo đòi nếp cũ còn bao kẻ ?
Gìn-giữ nền xưa được mấy người ?
Ướm hỏi giăm câu mong đáp lại,
Làng văn ai đó hỡi ai ơi !

DƯƠNG ĐÌNH-TÂY

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới. — Kỳ trước đã nói qua về cái phong-trào « phân-li » ở nước Đức, nhưng còn là mới theo những điện-tín hằng ngày, cho nên chưa được tường cái nguyên-do và hiểu cái chân-tướng ra thế nào.

Gần đây đã có các nhật-báo bên Tây sang, xem đó cũng đã hiểu rõ hơn lúc mới đầu.

Cái phong-trào phân-li này nguyên khởi ra ở hạt sông *Rhin*. Nhưng đồng-thời, đất *Bavière* và đất *Saxè* cũng công-nhiên phản-đối với Chính-phủ *Berlin*, Chính-phủ phải phái quân ra giữ ở thành *Dresde*. Đến sự vận-động về việc phân-li thời do nhiều đảng can - thiệp vào mà không có hiệp - lực liên-tiếp với nhau. Lần vận-động mới rồi mà kết-quả đến tuyên-bố được Dân-quốc ấy, là do hai ông Decker và Gutharot thủ-xướng, chứ không phải do hai lãnh-tụ đảng phân-li là Dorten và Matthes, thành ra hai người này cũng có ý bất- ngờ.

Lại xem các nhật-báo thời biết rõ rằng các quân-quan của Đồng-minh đóng ở hạt sông *Rhin* không hề giúp cho đảng phân-li một tí gì cả. Chỉ ngăn bọn cảnh-binh Đức không được giết-tróc người ta như ở *Dusseldorf* độ trước mà thôi. Quân Đồng-minh cẩn-thận quá đến nỗi có chỗ đảng phân-li đã chiếm được rồi mà lại để cho quân-quan Đức đến lấy lại. Tình-hình như thế thời nhân-dân cũng không dám cử-động gì, cứ giữ cái thái-độ « tiêu-cực », không dám thi-hành cái mệnh-lệnh « Tiến lên đánh *Berlin* », vì sợ bị báo-thù lại.

Cái phong-trào phân-li này xét ra chẳng qua là một hồi trong một cái kịch lớn hơn và phiền hơn nhiều : là cái kịch giải-tán cái đế-quốc của Bismarck đã gây dựng lên. Trong cuộc liên-bang mà đã đến cái bước rằng Chính-phủ trung-ương phải phái quân đi đánh lấy lại thủ-đô một nước liên-bang, lại một nước khác thời cứ giữ làm tổng-quân một viên tướng đã bị Chính-phủ bãi-triệt, thời cuộc liên-bang ấy đã sắp đến ngày tan vậy. Sự nhiễu-loạn về đường chính-trị ấy lại thêm nguy-hiểm nữa, vì bởi cái tình-thế kinh-tế quẫn-bách mà sinh ra. Dân-quốc Đức vào khoảng năm 1919-1920 là đương hồi trung-ương-tập-quyền. Nay cách bốn năm, Chính-phủ trung-ương đã thấy phải chiều các địa-phương, thuận cho các liên-bang được sửa lại hiến-pháp, thế là một triều-trẫm phân-quyền giải-tán vậy.

Hiện nay Âu-châu đương mục-kích một cái hiện-tượng như sau này : là hiện-tượng nước Đức bị phân-liệt. Trong liệt-cường có nước lấy sự đó làm phàn-nàn, có nước cho sự đó làm may-mắn. Nhưng dù thế nào mặc lòng, sự đó là một sự thực hiển-nhiên, không ai không thể chú-ý được, và sẽ ảnh-hưởng đến cái chính-cục Âu-châu sau này sâu-xa lắm. Ông Mazaryk là giám - quốc nước *Tchéco-Slovaquie* hồi sang chơi *Paris* tháng trước có tỏ ý lo về sự phân-liệt nước Đức có nguy-hiểm cho nước mình, một rằng nước Đức mà loạn thời không khỏi hưởng-động đến nước ông, vì trong nước có nhiều dân thuộc về giống Đức ; hai là nước Đức mà phân-liệt, thời đất *Bavière* thành nước độc-lập, có lẽ kết-liên với *Autriche* làm thành một cuộc liên - bang về phía Nam nước Đức, không khỏi có sự nguy cho nước *Tchéco-Slovaquie* sau này.

Ở Anh thời ngay từ ngày đầu đã tỏ ý phản-đối cái phong - trào phân - li ở nước Đức. Ông Wells là một nhà trước-thuật có tiếng ở nước Anh, có đăng một bài xã-thuyết trong nhật-báo Pháp, trích-dịch mấy đoạn như sau thì đủ biết cái cảm-tưởng của người Anh đối với hiện-tình nước Đức thế nào :

« Một nước như nước Đức mà đã phân-liệt thì không biết đến thế nào là cùng. Người Đức mà hèn-hạ cuồng-dại đến để cho nước mình giải-tán ra, thì chẳng bao lâu ta sẽ thấy nước Đức chia ra làm năm sáu nước nhỏ yếu hèn, khiến cho nước Pháp đem nước nọ phản-đối với nước kia mà lại làm cho yếu thêm đi nữa.

« Đến bấy giờ thời trên đại-lục Âu-châu chỉ còn một nước Ý thái-độ đáng nghi, với một nước Pháp được thắng-thế, chế-hám cả các địch-quốc cũ...

« Thế là cách 120 năm, cái mơ-mộng của vua NAPOLÉON sẽ thực-hành vậy.

« Âu-lục đã được nhờ nước Pháp mà yên-ổn rồi, nước Pháp bấy giờ mới quay lại nước Anh, tuy là bạn đồng-minh nhất-thời, mà thực là kẻ cựu-thù từ xưa. Về thương-nghiệp, về kinh-tế, nước Pháp bao giờ cũng có ý khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa chuyên-quyền. Gặp cơ-hội mới đó, thời nước Pháp sẽ đủ sức đem thi-hành những chủ-nghĩa ấy đối với nước Anh và sẽ hết sức bài-trừ nước Anh ra ngoài các thị-trường Âu-châu. Sẽ khôi-phục lại cái chính-sách « đại-lục-phong-tỏa » (*Blocus continental*), nghĩa là đặt vây cho nước Anh không giao-thông được với Âu-châu, như vua NAPOLÉON đã dùng khi xưa.

« Không những thế, nước Pháp lại sẽ thừa thế mà khởi-nghị đến cái chủ-quyền ở các đất thuộc về trung-bộ Phi-châu, hiện nay phần nhiều thuộc nước Anh.

« Nước Pháp được đại-thắng ở trong hạt sông *Ruhr*; sự đại-thắng đó chẳng qua là một phần trong cái cuộc đại-chiến của nước ấy đã khởi ra từ một thế-kỷ nay để thu lấy bá-quyền trong cõi Âu-châu.

« Nước Pháp từ xưa đến nay đã bị nhiều phen thăng-trầm biến-cách; nhưng cái quốc gia-chủ-nghĩa của nước ấy vẫn hăng-hái hơn cả các nước; và cái chính-sách ngoại-giao với các nước, dẫu về đời vua *Bourbons*, đời vua *Bonaparte* hay là đời Dân-chủ ngày nay, trước sau cũng vẫn thế, không đổi vậy. »

Xem như lời bàn đó thì không thấy nói gì đến những quyền-lợi của các dân-tộc được tự-quyết, như đương khi hội-nghị *Versailles* năm trước. Xét ra cái thâm-ý của ông WELLS tức là của người Anh, là muốn theo như lối cũ, các liệt-cường ở Âu-châu đều giữ cho ngang sức nhau, để hạn-chế lẫn nhau, có một mình nước Anh thời được tự-do hành động ở khắp các nơi khác trên mặt đất. Lan còn thêm nhiều cớ nữa thuộc về kinh-tế. Như các nhà công-nghệ ở hạt sông *Rhin* mà có giao-ước với nước Pháp, thời nghề chế kim loại ở đất *Lorraine* sẽ phát-đạt to, không khỏi hại đến nghề chế kim-loại của nước Anh, hiện nay giá bạc Anh cao như thế thời tiêu-thụ ra ngoài cũng khó. Nhưng nước Anh sợ nhất nước Đức bị phân-liệt, là khiến cho nước Pháp sẽ có thế-lực mạnh quá ở trên Âu-lục.

Bởi các nguyên-nhân đó, cũng có lẽ một ngày kia nước Anh sẽ giúp quân cho Chính-phủ trung-ương Đức để trị những đảng phân-li ở đất *Bavière* hay đất *Saxe*, điều đó cũng không biết đâu vậy.

Dù thế nào mặc lòng, người Anh coi cái phong-trào phân-li ở nước Đức như cái đanh ở trong mắt, lấy làm bực mình lắm. Có ý muốn ám-trợ cho Đức diệt cái phong-trào ấy đi, nhưng sợ thiên-hạ nghi, làm cách đánh trào đồ cho Pháp đã giúp đảng phân-li. — Còn vấn-đề bồi-thường của nước Pháp thì người Anh không hề đề-cập tới.

. . .

Việc Á-Đông. — Đông-Pháp ta một mặt giáp Tàu, một mặt giáp Xiêm. Hiện-tình hai nước ấy đối với ta thế nào, đó tưởng cũng là một điều nên biết. Ông nghị-viên ERNEST OUTREY có viết trong báo Tây hai bài, một bài bàn về hiện-tình phía Nam nước Tàu đối với Đông-Pháp thế nào, một bài bàn về sự giao-thiệp nước Pháp với nước Xiêm; xin lược đại-ý như sau này để công đồng-lãm:

Nói về hiện-tình phía Nam nước Tàu. — Ngày 31 tháng 7 vừa rồi, những người Hoa-kiều ở *Paris* có họp nhau lại, mời người Pháp đến để nghe diễn-thuyết về hiện-tình nước Tàu. Ông SSE TOU-FA diễn-thuyết nói rằng hiện-tình nước Tàu tuy rối-loạn thật, nhưng chẳng qua là nhất-thời mà thôi, rồi sau này sẽ chỉnh-đốn lại được ngay; vạn-quốc không cần phải đặt quyền giám-đốc chính-trị nước Tàu.

Nhưng cứ tin-tức ở Á-Đông sang thì ta không thể lạc-quan như thế được. Nước Tàu và nhất là phía Nam nước Tàu gần với cõi Đông-Pháp ta đương rối bét. Nhờ Chính-phủ Đông-Pháp giao-thiệp khéo, duy có tỉnh Vân-Nam là yên-ổn. Đốc-quân tỉnh ấy là ông TANG KI YAO (Đường Kế-Nghiêu) thật là một lòng thân-thiện với nước Pháp. Nhưng hai tỉnh Quảng-đông Quảng-tây cũng giáp-giới với ta thì hỗn-độn lắm. Ở Quảng-tây bây giờ chia ra làm ba phần, ba người cai-trị: tướng LOU YONG TING (Lục Vinh-Đình) giữ miền tự địa-giới cho đến *Yu-kiang* và gần *Nan-ning*; LIN TSIN-TING (Lâm Tân-Đình ?) là

tỉnh-trưởng ở *Nan-ning*, giữ miền tự *Nan-ning* cho đến *Koei-hien* trên sông Tây-giang; CHEN HONG YING (Thẩm Hồng-Anh), giữ miền từ *Koei - hien* cho đến giáp-giới Quảng - đông. Trong ba người ấy thì LOU YONG - TING vẫn giao-thiệp tử-tế với Chính-phủ Đông - Pháp. Ta nên giúp cho Lou để dẹp yên tỉnh Quảng-tây cũng như giúp cho TANG ở Vân-Nam. — Còn ở Quảng-đông thời giặc-giã tệ quá. SUN YAT SEN (Tôn Dật-Tiên) công-nhiên xoay về mặt quá-khích, nhân-dân đã lấy làm chán lắm rồi. Hiện nay có tướng TSIANG (Tương?) nguyên học-trò trường Võ-bị *Saint-Cyr* nước Pháp và trước làm phó-tướng cho TANG KI YAO, đương có ý chực thừa - cơ để khuynh đảo SUN.

Vậy nay nếu ba tướng TANG ở Vân - nam LOU ở Quảng - tây và TSIANG ở Quảng-đông chịu thực-tình hiệp-lực với nhau, thời nam-bộ nước Tàu sẽ được bình-yên, và địa-giới ta cũng được thập-phần yên-ổn.

Nói về sự giao-thiệp nước Pháp với nước Xiêm. — Về lịch-sử, về địa-lý, nước Xiêm đều có quan-hệ với Đông-Pháp nhiều lắm. Từ cuối thế-kỷ thứ 19 đến giờ, nhất là từ năm 1897 vua CHULALONGKORN sang du-lịch ở *Paris*, nước ấy đã duy-tân cải-cách nhiều lắm, bây giờ nghiễm-nhiên thành một nước văn-minh mới; lục-quân đã khá nhiều mà đội tàu bay được đến mấy trăm chiếc. Về đường kinh - tế cũng tiến - bộ lắm. Nước Xiêm diện-tích có 484.128 cây lô-mét vuông dân số 9.121.000 người; nhưng tài-sản nhiều lắm. Về đường buôn-bán thì hiện nay người Anh đứng bậc nhất ở nước Xiêm. Người Đức trước cũng có quyền-lợi to, bây giờ mất hết cả. Người Pháp thời buôn-bán đứng vào bậc năm mà thôi. Đông-Pháp ta ở liền với nước Xiêm, phải tìm cách thế nào cho sự thông - thương thịnh-hành hơn mới được. Ông nghị-viên OUTREY bàn rằng nước Pháp nên lấy lòng thân-thiện, lấy bụng quảng-đại mà xử với nước Xiêm, như nước ấy muốn xin liệt-cường Âu-châu sửa lại điều-ước năm 1857 có ý hạn-chế nước ấy về đường chính-trị, đường kinh - tế, thời nước Pháp cũng nên sẵn lòng mà thuận nhận cho nước ấy. Lại nên thừa dịp này mà điều-đình việc thông-thương nước Xiêm với Đông-Pháp ta cho lợi-ích cả hai bên.

Quan Toàn-quyền MERLIN trong bài diễn-thuyết ở Hội-đồng Chính-phủ vừa rồi cũng có nói mấy lời về sự giao-thiệp Đông-Pháp với nước Xiêm như sau này: « Từ năm 1920, điều-đình xong về vấn-đề cảnh-sát trên bờ sông *Mékong*, thời sự giao-thiệp với nước Xiêm thật là thập-phần lương-hảo. Hiện nay còn đương thương-thuyết để sửa lại điều-ước năm 1907, chắc thế nào cũng điều-đình xong. Khi tôi ở *Paris*, tôi đã nói rõ cho Chính-phủ biết trong việc điều-đình nên giữ phần riêng cho Đông-Pháp, để những khoản gì chỉ quan-hệ đến Đông-Pháp thì sau này Đông Pháp sẽ ký - ước riêng với nước Xiêm. Quan PILA là sứ-thần Pháp ở *Bangkok* tháng giêng tây này sẽ sang đây, tôi sẽ cùng ngài đình-định mọi việc. »

* *

Việc trong nước — *Hội-đồng Chính-phủ.* — Hội-đồng Chính-phủ đã họp ở Hà-nội trong thượng-tuần và trung-tuần tháng 12. Công việc Hội-đồng cũng như mọi năm, nghĩa là duyệt-y các sổ dự-toán chung của Đông-Pháp và riêng của mỗi xứ. Duy có bài diễn-thuyết buổi khai hội-đồng của quan Toàn-quyền là quan-trọng nhất, trong phần « Phụ-trương bằng chữ Pháp » đã có trích-lục và dịch nghĩa mấy đoạn chính, về cái phương-châm chính-trị của quan MERLIN, về việc cải-cách Hội-đồng Chính-phủ, về vấn-đề phủ Toàn-quyền giao- thiệp với các chính-phủ địa-phương, v.v.. Xem các báo Tây bình-phẩm về bài diễn-thuyết ấy thì đều khen là lời nói ôn-hòa mà cứng-cát, cẩn-thận mà thích-đáng, không có phô - bày nhiều sự to tát, mà chỉ - hoạch những điều thiết-thực. Đối với quốc-dân ta thì điều quan-hệ nhất chắc là việc học. Theo như lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền thì chủ-ý ngài là muốn chăm về bậc tiểu-học hơn là các bậc học trên. Ngài nói rằng sự học ngày nay nên mở-mang về bề *ngang* hơn là về bề *dọc*, nghĩa là nên ban-bố cho rộng, cho nhiều người trong dân-gian được hưởng cái phổ thông-giáo-dục hơn là chỉ chuyên-chú về một số ít người

trong thượng-lưu được hưởng cái cao-đẳng-giáo-dục. Như lời bản-chí chủ-bút đã thuật ở trên, thì quan Thống-sứ Bắc-kỳ cũng đồng-ý-kiến ấy. Sự học-chánh ở nước ta có lẽ sắp khuynh-hướng về một đường lối mới.

Hội-chợ Hà-nội. — Hội-chợ năm nay là lần thứ năm, coi ra thịnh-hành hơn mọi năm nhiều. Từ nay đã hiển-nhiên thành một cái thịnh-điển hằng năm trong trường kinh-tế nước ta vậy. Công-nghệ, thương-nghiệp trong nước sẽ nhờ đó mà một ngày một hưng-khởi chấn-loát thêm lên. Coi trong 15 ngày Hội-chợ kẻ mua người bán, khách đi xem tấp-nập sầm-uất là dường nào, mà mừng thay cho cái tiền-đồ kinh-tế của nước nhà. Hội-chợ nguyên Chính-phủ đặt ra, mấy năm đầu Chính-phủ tổ-chức lấy, sau này mới giao cho Hội Thương-Mại Hà-nội. Xem Hội-chợ thịnh-hành như thế thì biết cách tổ-chức của Hội Thương-mại đã chu-đáo lắm. Duy các báo tây có bàn một điều tưởng cũng đích-đáng lắm : là Hội-chợ hiện nay tuy có lợi cho việc buôn-bán mà không lợi lắm cho việc cải-lương các công-nghệ An-Nam; các nhà nghề An-Nam thấy bán đắt hàng thường làm hàng xấu ; từ sang năm, ngoài các gian hàng bán, nên đặt những gian riêng để bày các đồ thật khéo, chọn thật kỹ, giá bán có đắt nhưng được của đích-đáng để cho các hạng khách sang-trọng mua và để tưởng-lệ cho nhà nghề nữa. Lời bàn ấy tưởng xác-đáng và nên thi-hành lắm.

Đấu-xảo mỹ-nghệ ở hội Khai-trí. — Kỳ sau bản-chí sẽ có một bài bàn tường về cuộc Đấu-xảo mĩ-nghệ hội Khai-trí vừa rồi. Nay chỉ xin nói rằng cuộc Đấu-xảo này thật đã thập-phần hoàn-hảo. Hội-đồng nhận đồ và chấm thưởng cố ý xét nghiệt để chọn lấy những đồ thật lọc-lõi, nên đồ bày tuy ít mà được những kiểu có đặc-sắc lắm. Cuộc Đấu-xảo này chắc có ảnh-hưởng to về mĩ-thuật nước ta sau này.

Phẩm-bình sách mới. — *Lược-khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ.* — Ông Nguyễn Văn-Điền, Tham-tá ở phủ Toàn-quyền và ông Nguyễn Hữu-Tiến, Tú-tài, biên-tập Bản-chí, mới xuất-bản quyển sách gọi tên là : *Lược-khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ*, có phụ một bản *Pháp-luật danh-từ giải-nghĩa*, chia làm hai phần. Phần thứ nhất giải-thích về luật-ý, phần thứ hai thì cắt nghĩa những chữ dùng trong bộ luật mới. Về phần thứ nhất khi trước đã đăng trong Bản-chí, phàm những luật-ý khó hiểu đều giảng-giải ra minh-bạch, lại có dẫn nhiều câu thí-dụ làm cho dễ hiểu, trong luật có những chỗ nào ngờ nghĩa thì đều nói cho phân-minh tách-bạch ra. Đại-khái như trong luật-văn nói vắn-tắt quá thì soạn-giả lại nói rộng ra cho dễ hiểu, thí-dụ như trong luật Pháp-viện-biên-chế những điều-khoản định về thẩm-quyền, mà soạn-giả đem giải-thích ra rất là tinh-vi, chia hẳn ra làm ba tiết khác nhau, khiến cho độc-giả xem đến là tự-khắc hiểu hết nghĩa các điều-khoản và lại biết rộng thêm ra. Còn chỗ nào trong luật đã rõ nghĩa mà đã nói tường, thì soạn-giả chỉ tóm ý lại vài câu hay vài chữ, để cho mau hiểu và dễ nhớ mà thôi. Đại-khái như chỗ giải-thích về tội đạo-thiết (trộm-cắp) thì thực là gọn-ghẽ vắn-tắt lắm, xem qua có thể tóm ngay được đại-yếu trong luật.

Sách này soạn-giả làm ra kể cũng đã dụng-công, xem ra có nhiều chỗ so-sánh với cả luật tây và luật cũ của nước ta khi xưa, lại có nhiều chỗ so-sánh với các sách luật đã soạn từ trước. Nhất là về chương vi-cảnh thì soạn-giả nói kỹ-càng lắm, rất là có ích cho các quan sơ-cấp về việc thi-hành luật mới. Lại đến những việc chống án, soạn-giả chia tách-bạch ra từng li từng tí, thực là có ích cho dân-gian, để lâm khi có việc kiện-tụng thì biết đường biết lối mà giữ lấy quyền-lợi.

Song cũng thỉnh-thoảng có chỗ nói còn chưa được rõ lắm, cái đó có lẽ là tại thế này : Một là tại bản về luật-ý không thể nói như văn-chương được, mà phải nói cho thiết-nghĩa. Hai là phải theo điều-khoản trong luật, nhiều chỗ định về những thể-lệ mới, như là « tiêu-diệt-thời-hiệu, tiền-gia-thủ-tục » vân-vân, nguyên trong luật cũ ta chưa định rõ, vậy nên mới nghe ai cũng lạ tai, đó cũng là lẽ thường. Lại trong bản lược-khảo có chỗ dùng nhiều tiếng chữ nho, cái đó là bởi các nhà soạn-luật quốc-văn ngày nay sợ rằng dùng toàn tiếng nôm thì phải đặt thành câu dài, mà dùng tiếng chữ nho thì chỉ mấy tiếng là đủ ý và lại có đích-nghĩa. Nên trong phần thứ hai là bản « *Danh-từ giải nghĩa* » đã có cắt nghĩa hết cả những chữ trong luật, vừa có chua cả chữ Pháp và chữ nho, lại có dẫn cả luật-ý, ai xem cũng là hiểu ngay. Mà dễ hiểu nhất là cuối cùng lại có một bản tổng-ý bằng chữ nôm, chỉ có 16 trang mà rút hết được các phần tinh-hoa trong luật, có thể xem đó mà toát-yếu được cả đại-ý trong toàn-luật mới.

Sách này đã được thư quan Thống-sứ Bắc-kỳ ban khen là có thể giúp cho các quan-lại An-Nam về việc thi-hành luật mới. Thế thì sách này xuất-bản chính là hợp-thời, cũng đáng khen cho soạn-giả đã có công-phu không phải là vô-ích vậy.

Sách bán tại nhà soạn-giả phố Mới số 15, hàng Bông số 40, và hiệu Kim-đức-giang hàng Bồ số 83 Hà-nội. Giá bán 1$20

— *Hà-nội chỉ-nam*. — Đất Hà-nội ta về cổ-thời là một nơi thủ-phủ thuộc quận Giao-chỉ, mà về cận-thời thì Hà-nội là một nơi tổng-trấn ở Bắc-thành, đến ngày nay thì Hà-nội càng ngày càng mở-mang mãi ra, nhân-yên thấu-tập, chu-xa bức-tấu, thực là một nơi phồn-hoa đô-hội nhất ở xứ Bắc-kỳ. Nếu không có một quyển sách nào tóm-tắt mà ghi nhớ lấy những di-tích cũ và chỉ-dẫn những đường-lối mới mở-mang về sau, thì chưa dễ mấy người đã thuộc cho hết được. Nay ông Nguyễn Bá-Chính quản-lý báo *Trung-hòa* mới xuất-bản quyển *Hà-nội-chỉ-nam*, kê-cứu rõ cả cái tên hai chữ *Hà-nội* mới có tự 92 năm nay, cũng là khi Hà-nội còn về đời nội-thuộc, cho đến đời độc-lập, mãi đến khi người Pháp mới sang, nào là khi mới mở ra làm thành-phố, diện-tích bao nhiêu, việc cai-trị thế nào, cùng tên các phố-sá, các trường học, các tòa sở, các nhà buôn, các hàng cơm, các nơi tiêu-khiển, các nhà công-nghệ, các nhà thương, nhà thuốc, các thầy lang, các báo-quán, nhà in, các đường xe điện, xe hỏa, xe ngựa, xe ô-tô, vân-vân. Cuối cùng lại chỉ-dẫn các đường dạo chơi trong thành-phố cùng ngoài thành-phố, kể đủ cả các nơi phong-cảnh cổ-tích. Lại có phụ theo một bản địa-đồ vẽ rất rõ-ràng. Tuy rằng lần sơ-bản không khỏi có chỗ sơ-lược, chắc lần tái-bản thế nào cũng còn kỹ hơn nhiều. Vậy cũng đáng khen cho soạn-giả khéo nhặt được nhiều điều cốt-yếu, không những giúp về đường du-lãm, mà lại có phần bổ-ích cho các nhà công-thương kỹ-nghệ nước nhà nữa.

— *Nỗi lòng ai tỏ*. — *Nỗi lòng ai tỏ?* là một tấn bi-kịch chia làm 3 hồi 5 cảnh, của ông Nguyễn Ngọc-Sơn soạn mà ông Nguyễn Huy-Hợi in ra, trong lời kính-cáo ông đã nói : « *Nỗi lòng ai tỏ?* diễn ra hay dở thế nào đã có con mắt quan-sát của các khán-quan, văn-chương được chăng thế nào, đã có những lời phẩm-bình của nhà văn-học. » Thế thì bản kịch này đã diễn qua một lần, đã thừa lời bình-phẩm ra rồi, Bản-chí không cần phải nói thêm ra nữa. Chỉ nhắc lại rằng : « *Nỗi lòng ai tỏ?* » là một tên tuồng mới lạ để giới-thiệu cùng chư-độc-giả.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Cuộc Đấu-xảo Mĩ-thuật. — Cuộc Đấu-xảo Mĩ-thuật của Hội bắt đầu từ ngày 25 tháng 11, đến ngày 10 tháng 12 tan. Nhờ có quan Đốc HIÉROLTZ trường Bách-nghệ giúp cho việc tổ-chức, thật đã được thập-phần hoàn-hảo. Từ hôm mở cho đến hôm đóng, ngày nào cũng đông người xem. Nhất là người Tây lại lấy làm khen lắm, vì đồ bày ít nhưng mà kén chọn lọc-lõi, và bài - trí một cách nhã-nhặn lắm. Ngày chủ-nhật, trong vườn nhà Hội lại có bày các trò vui, mỗi lần kể đến nghìn người đến xem. Tiền thu về bán vé trong mười lăm hôm được ngót một nghìn tám trăm đồng, coi đó thì đủ biết số người đếm xem đông là dường nào. Hội trước khi mở cuộc Đấu-xảo sợ kinh-phí mất nhiều, không khỏi phải trích tiền công-quĩ, nhưng may thu - nhập được bấy nhiêu thời chi được hết các khoản phí mà lại còn thừa bỏ vào quĩ nữa.

Cuộc Đấu-xảo này là lần đầu của Hội ta mở ra, được như thế đã là tốt lắm rồi. Thật là nhờ cả các ông có phần việc trong Hội, vì công-ích mà trong một tháng trời bỏ cả công việc riêng, lo về việc tổ-chức cuộc Đấu-xảo ; Hội lấy làm cám ơn các ông lắm. Lại xin có lời kính - cáo cả các ngài hội-viên ở ngoài, hoặc trong sự tổ-chức có sơ - suất điều gì, xin cũng miễn-chấp cho và đừng trách-bị quá. Trách-bị quá là phụ công những người đã vì việc công-ích mà chịu phần khó-nhọc. Nghe đâu chỉ vì một việc phải lấy vé hai hào ngày thường và năm hào ngày chủ - nhật để vào xem Đấu-xảo và xem các trò vui, mà có ít nhiều ngài hội - viên lấy làm không bằng lòng, khởi ra những lời dị-nghị. Nguyên việc này, Hội-đồng Quản-trị định như thế, là chiều theo lời bàn của mấy quí-quan có chân hội-đồng, nghĩ rằng mở ra cuộc Đấu - xảo tất kinh - phí mất nhiều, không lẽ bắt công-quĩ phải chịu cả, nên đặt ra lệ vào xem phải mất tiền, người trong Hội cũng như người ngoài, người trong Hội vừa làm gương cho người ngoài, vừa giúp thêm vào cho Hội, tưởng số tiền chẳng bao nhiêu, các hội-viên cũng có đủ bụng công-tâm mà không so - kè vậy. Các quí-quan nghĩ như thế, vì sự đó là sự thông-thường ở các nước văn-minh. Vậy mà có ngài nghị-viên lấy làm không bằng lòng, thì có lẽ sự thông-thường ở các nước văn-minh chửa thi-hành ở nước ta được chăng ? Đó cũng là một điều kinh-nghiệm cho sau này.

Dù thế nào mặc lòng, lần này là lần đầu, tưởng các ngài nên lượng cho một chút mới phải.

Cuộc diễn - thuyết ngày 15 tháng 12. — Vừa Đấu-xảo xong, mở ngay cuộc diễn-thuyết ngày 15 tháng 12. Quan Cai-trị CRAYSSAC. phó Sứ Nam-định, là một nhà văn-sĩ Tây có tiếng ở bên ta, diễn về vấn-đề « Bút sắt và bút lông », so-sánh hai lối văn-chương của Tây-phương và Đông-phương, nhất là văn-chương Pháp và văn-chương An-Nam. Quan CRAYSSAC diễn bằng tiếng Pháp, ông PHẠM QUỲNH lược-dịch ra tiếng ta.

Cuộc diễn-thuyết chỉ để riêng cho các hội-viên Tây Nam của bản-hội ; thính-giả được đến 200 người.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng mới rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng các ngài hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết:

Xin vào chân chủ - trì

1. — Ông Lê Đình-Văn, commerçant, 21 Avenue Odendhal, Hải-phòng (*do ông Trịnh Xuân-Nghĩa giới-thiệu*).

1. — Nguyễn Ngọc - Khảm, quán làng Trạm-khê, tổng Vũ-điện, huyện Nam-sang, Hà-nam; hiện làm cai thợ ở *Hauts Fourneaux* (số 1807 *Groupement tonkinois*), ở *Nouméa, Nouvelle Calédonie.*

2. — Nguyễn Trạc-Yên, Secrétaire principal des Résidences, à Hà-đông.

3. — Nguyễn Văn-Thậm, buôn-bán ở làng Tế-tiêu, tổng Phù-lưu, phủ Mĩ-đức, Hà-đông (*do ông Trần Văn-Có giới-thiệu*).

4. — Phan Văn-Bảo, Secrétaire télégraphiste, n° 26 4e Rue Pavie (Passage privé de M. Lachal) Hà-nội. (*do ông Trương Thúc-San giới thiệu*)

5. — Trần Hữu-Khánh, làm ruộng ở làng Phúc-nhạc, tổng Yên-vân, phủ Yên-khánh, Ninh-bình.

6. — Trần Vũ-Thực, ở làng Tiên-hương, tổng Đồng-đội, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định.

7. — Vũ Cầu, tri - huyện Đan - phượng, Hà-đông.

Xin vào thường hội-viên

1. — Dương Văn-Quế, thư-ký làng Hiệp-sơn-thượng, tổng Dương-nham, phủ Kinh-môn, Hải-dương.

2. — Trần Vũ - Khuyến, ở làng Tiên-hương, tổng Đồng-đội, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định.

* *

Hội viên Tây. — Trong tháng mới rồi, Hội mới thêm được mấy ông danh-dự hội-viên Tây như sau này :

1. — M. G. A. Bernard, professeur agrégé, 8 Boulevard Carnot, Hanoi.

2. — M. Favreau, Premier Président de la Cour d'appel, Hanoi (*vừa kiêm cả chủ-trì hội-viên*).

3. — M. Lan, Directeur de l'Ecole supérieure d'agriculture et de Sylviculture, Hanoi (*vừa kiêm cả chủ-trì hội-viên*).

4. — M. Lavallée, Directeur des Postes et Télégraphes, Hanoi (*vừa kiêm cả chủ-trì hội-viên*).

* * *

Giấy xin ra Hội. — Trong tháng mới rồi, Hội có nhận được giấy của mấy ông xin ra Hội :

1. — Ông Phạm Văn-Mẫn, án-sát honoraire à Bạch-mai (Hà-đông), vì tuổi già và bận việc nhà;

2. — Sư cụ Vũ Tất-Thuận, ở chùa Phúc-khánh, làng Tam-dương, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định, vì tuổi già đau yếu ;

3-10. — Ông Nguyễn Văn-Nhân, Vũ Tiến-Sáu, Chu Văn-Dưỡng, Cao Văn-Lộc, Hà Văn-Bính, Nguyễn Quảng-Xương, giáo-học trường Bảo-hộ ; Nguyễn Văn-Thảo, tham-tá sở Công-chính và Đỗ Đức - Hương, tham-tá tòa Thượng-thẩm ; tám ông không rõ vì cớ gì.

Mười ông kê tên ở trên, bắt đầu từ ngày 15 décembre 1923, không phải là hội-viên Hội Khai-Trí nữa.

Danh-sách những nhà Mĩ-nghệ được thưởng về cuộc đấu - xảo mới rồi. — I. *Đồ gỗ.* Ông: Trần Diễn-Giệm, tức Phúc-mĩ, ở Hà - nội, và Nguyễn Long - Hưng, ở trường Công-nghệ Hà-đông (hai người cùng được nhất hạng bằng nhau) ; — Đào Công-Căng, làng Thiết-ung, Phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh ; -- Nguyễn Thế-Chung, tức Chung-ký, 64 phố Hàng Trống, Hà-nội;

— II. *Đồ sơn.* Ông Đinh Văn-Thuấn, tức Phúc-lợi, Hà-nội. — III. *Đồ chạm và đồ nặn.* Ông Nguyễn Đức-Thục, giáo-học trường Bách-nghệ (có bao nhiêu đồ đấu-xảo được thưởng hết); G. Khánh, 34, phố Hàng Cót, Hà-nội; — Nguyễn Đức-Thận, làng Sơn-đồng, Đan-phượng, Hà-đông; — Nguyễn Đức-Đẩu, ở làng Sơn-đồng, Đan-phượng, Hà-đông; — Công-ti Nguyễn Bá-Chính, Thanh-trì, Hà-đông (có pho tượng bằng đất nung được thưởng). — IV *Đồ đen.* Nguyễn Hữu-Tuynh, làng Tây-mỗ, Hà-đông; — Lý Phiến, làng Hà-hồi, Hà-đông; — Vũ Ngọc-Đinh, làng Trung-lao, Nam-định. — V. *chạm ngà.* Phạm Văn-Đinh, trường Bách-nghệ, Hà-nội; — Phạm Văn-Xiêm, trường Công-nghệ, Hà-đông; — Vũ Văn-Tích ở hiệu Đào Huống-Mai, Hà-nội; — VI. *Đồ gấm.* Đỗ Văn-Nhã, trường Công-nghệ, Hà-Đông; — VII. *Vẽ thủy-họa.* Ngô Đặng-Đĩnh, 51 phố Thuốc-bắc, Hà-nội; — VIII. *Vẽ bút ta và vẽ kiểu* Phạm Văn-Kế, Trần Văn-Lộc, Nguyễn Xuân-Lợi, ở trường Bách-nghệ, Hà-nội; Tạ Ninh, tức Hoán-văn, Hà-nội. — IX. *Vẽ sơn.* Trần Phềnh và Nguyễn Văn Thọ, tức Nam-sơn, Hà-nội. — X. *Đồ bằng sừng trâu.* Đỗ Văn-Thám, trường kỹ-nghệ, Hà-đông.

Tiệc trà mừng các ông thân-hào Nam-kỳ

Ngày thứ sáu 21 Décembre 1923, hồi 5 giờ chiều, hội Khai Trí có mở tiệc trà để hoan-tiếp các ông phái-viên Nam-kỳ ra chơi Hà-nội, là ông Đốc-phủ Lê Quang-Hiền, ông huyện Nguyễn văn-Của chủ nhà in Sai-gòn, ông Lâu nghị-viên Rạch-giá. Các hội-viên hội Khai Trí đến dự tiệc đến bảy tám mươi ông, tình liên-lạc kẻ Nam người Bắc, trò-chuyện rất là vui-vẻ. Các ông phái-viên Nam-kỳ thấy công-nghiệp hội Khai-trí liên-lạc cả ba kỳ, mở-mang to tát đều là thực-hành cả. Ông Của có quyên-trợ 500$, ông Lâu quyên 100$.

Hai ông thực là nhiệt-thành về việc công-ích.

Cải-chính. — Kỳ báo trước số 76 trang 350 cột thứ hai, ông hội-viên mới Nguyễn Mộng-Dính in lầm là Nguyễn Mộng-Địch (*Do ông hội-viên Lương Hữu-Nhân giới-thiệu*).

Cáo-bạch

Sách **Bắc-kỳ tân-luật lược-khảo** có phụ thêm bản **Pháp-luật danh-từ giải-nghĩa** của ông Tham-tá Nguyễn Văn-Điền và ông Tú Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến mới xuất-bản có gửi bán tại hiệu Đông-kinh ấn-quán chủ-nhân Lê Văn-Phúc phố Hàng-Gai nº 82 Hà-nội. Cùng bán với bộ luật mới đương thi-hành tại Bắc-kỳ.

Ngài nào cần-dùng muốn mua xin gửi thư cho ông Lê Văn-Phúc hay ông Trợ-bút báo Nam-Phong Nguyễn Hữu-Tiến, thì sẽ gửi sách đến ngay.

Giá mỗi quyển 1$ 20. Ở xa xin gửi thêm 0$ 20 tiền cước-phí.

Đông-kinh ấn-quán